40
INDO-CHINOIS
17

DEPOT-LEGAL
• INDOCHINE •
N° 228/1

NHAT NHAM
TRINH NHU TAU

LUẬN VỀ

ĐỊA CHỈ

Pour dépôt légal
L'auteur

Tirage 500 exemplaires
Imprimerie Ngô tử Hạ

IN TẠI NHÀ IN NGÔ TỬ HẠ

SOẠN GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

1937
In lần thứ hai

Đã được quan Toàn-quyền cho dùng trong các Học-đường xứ Đông-Pháp

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

NHẬT-NHAM TÙNG-THƯ

Dư-cáo

ĐÃ XUẤT-BẢN

TRỊNH-GIA CHINH-PHẢ

Đã được quan Toàn-quyền cho dùng trong các học-đường

Thuật gia-thế 12 đời chúa Trịnh, từ lúc thịnh cho đến lúc suy, gồm đủ mọi việc chính-trị, văn-chương, ngoại-giao, nội-chiến, quốc-thế nhân-tài, vân vân. . . ., về đời vua Lê, chúa Trịnh: Tóm lại là sử nước Nam trong khoảng 249 năm, từ thế-kỷ thứ XVI đến thế-kỷ thứ XVIII (1539-1787) đều có trong quyển sách này. Có nhiều họa-tượng, in lần thứ hai, dầy 128 trang, giá **0$40**.

VỊ-TIỀN

Là một bộ Trương-thiên tiểu-thuyết tả rõ mặt trái của nghề cho vay nặng lãi dầy 42 trang, bìa có vẽ, giá bán **0$25**

GƯƠNG LUÂN-LÝ

Đã được quan Toàn-quyền cho dùng trong các học-đường

Sách đặt theo vận-văn, thuật truyện những nhân-vật trong quốc-sử đã treo cho đời những tấm gương sáng: Hiếu, Trung, Kính, Nhường Tiết-liệt, vân vân, . . Sách dầy hơn 60 trang, giá **0$15**.

HOA-XƯA ONG-CŨ

Hài-kịch chia làm ba hồi diễn lần thứ nhất, ở Hưng-thành, giúp hai hội Tương-tế và Hợp-tế Rất bổ-ích cho vấn-đề hôn-nhân.

SẮP XUẤT-BẢN

VIỆT-SỬ THUYẾT-ƯỚC

Chép hành-trạng các đời Đế-vương và lịch-sử, huân-lao các vị danh-thần, liệt-nữ, anh-hùng, vân vân...

LĨNH-NAM DANH-NHÂN THỰC-LỤC

Gồm đủ các truyện hay, sự-tích lạ của nước nhà.

BẮC-SỬ YẾU-LƯỢC

Chép lịch-sử Trung-quốc từ khi lập nước cho đến thời-kỳ dân-quốc.

UYÊN-HẢI TỬ-BÌNH

(cùng soạn với ông Phượng-Sơn Nguyễn thiện-Chính)

Bàn rõ về số Tử-Bình.

CUỘI TÂN-THỜI

Hài-kịch chia làm hai hồi, diễn hai tối 25 và 26 avril 1936 ở Hưng thành, giúp quỹ Thống-chế LYAUTEY.

BẮC-GIANG ĐỊA-CHÍ

Tỉnh Bắc-giang là một nơi hình-thắng, xưa đã làm then khóa cho vùng Kinh-Bắc, đào-tạo nên biết bao anh-hùng hào-kiệt.

Người thì Văn-nhân, Võ-tướng, bia đá còn ghi. Cảnh thì danh-lam đã lắm, thắng-tích lại nhiều. . . .

Quyển *Bắc-giang địa-chí* có thể giúp đủ các tài-liệu cho các nhà chính-trị, các nhà sử-học, các nhà kinh-tế, các nhà địa-dư, vân vân .. thực là một pho sách dầy công kê-cứu mới nên.

Biên-tập giả: TRỊNH-NHƯ-TẤU

DEPOT-LEGAL
•INDOCHINE•
Nº 228/1

Tựa

Bất xuất hộ đình tam, ngũ bộ,
Thu tận giang-sơn vạn lý tình.

Nghĩa là : « Không ra khỏi cửa năm, ba bước, mà biết hết tình muôn dặm giang-sơn. » — Ấy là câu thơ trong sách Tỉnh-lý, *có thể dùng để tả chân sự ích-lợi của sách địa-dư.*

Nói riêng nước Việt ta, địa-dư thuộc về toàn-hạt Đông-dương, hay riêng từng xứ Bắc, Trung, Nam-kỳ, đều có cả, duy địa-dư hàng tỉnh chưa có mấy bộ xuất-hiện, bởi vì người có đủ tư-cách, đủ kiến-thức và đủ tài-liệu làm sách địa-dư không phải là nhiều, mà người có thể làm, chịu lưu-tâm khảo-cứu, lại là phần hiếm. Cho nên mỗi tỉnh chưa có địa-dư riêng, là một điều đại-khuyết-điểm, mà chưa có mấy người bổ-cứu.

Nếu tỉnh nào cũng có bộ địa-dư riêng, hợp lại thành địa-dư toàn-quốc, thì chẳng cũng mười phần tường tận, hoàn-hảo lắm ru?

Phái chính-trị, muốn biết tình-thế, phái kinh-tế muốn biết sản-vật và sự mậu-dịch, phái khảo-cứu muốn biết lịch-sử và di-tích, nếu không nhờ có địa-dư hàng tỉnh thì bằng-cứ vào đâu? — Cho nên cái công giúp đỡ về sự tiến hóa của sách địa-dư không phải là nhỏ vậy!

Tỉnh Hưng-yên xưa nay đã có quyển sách địa-dư nào chưa? — Chưa thực có. Vì dù có, thì cũng đơn-giản về từng sự-tích mà thôi, chứ chưa có bộ sách hoàn-toàn nào xuất-thế.

Ông Trịnh-như-Tầu *hiện tòng-sự tại tòa Sứ Hưng-yên, là một người học-vấn uyên-bác, thường lưu-tâm khảo-cứu. Ông có chí làm sách địa-dư Hưng-yên, cho nên những giờ công-hạ, ông đều dùng vào sự viết sách, và những ngày được nghỉ, ông thường đi du-lịch mọi nơi, đã mấy năm, mới lập thành bản thảo, thật là có công với tỉnh Hưng-yên và có công với địa-dư học nhiều lắm.*

Bản thảo chia làm sáu mục, mục nào cũng phân-minh tường-tận, và những câu-đối, văn-bia, thi-tập, đều phiên-dịch lưu-loát, thật là một bộ sách rất có giá-trị, khiến cho người tỉnh Hưng-yên và người du-lịch tỉnh Hưng-yên được biết rõ tình-thế và lịch-sử tỉnh Hưng-yên, là một phần nhờ cái công khảo-cứu của ông Trịnh-như-Tầu *vậy.*

Ước ao : tỉnh nào cũng có người du-hoạn như ông Trịnh-như-Tầu, *cũng có người đủ tư-cách, kiến-thức, và tài-liệu mà lưu-tâm làm sách như ông* Trịnh-như-Tầu *thì sự tiến-bộ của địa-dư học nước nhà có thể đoán mà biết được....*

Đầu thu năm Quý-dậu
Phượng-sơn NGUYỄN-THIỆN-CHÍNH
Kính tựa

THƠ MỪNG

Cuốn sách ra đời đã bảy nay.
Nhật-Nham học rộng, áng văn hay;
Hiến-nam biểu-lộ non sông cũ,
Địa-chí phân-minh đất nước này:
Phẩm-giá thanh-niên đà mấy mặt,
Công-phu trước-thuật kể vào tay:
Muôn cho Địa-học ngày tăng-tiến,
Ai cũng như ông: sẽ có ngày!...

Tháng ba nhuận năm Bính-tý.

Phượng-sơn NGUYỄN-THIỆN-CHINH

DƯ-LUẬN CÁC BÁO ĐỐI VỚI
HƯNG-YÊN ĐỊA-CHÍ

Báo Đông-pháp ngày thứ tư 9 janvier 1935

Chúng tôi vừa nhận được cuốn **Hưng-yên địa-chí**, một quyển sách nói rõ ràng về địa-dư tỉnh Hưng-yên, do ông **Nhật-nham Trịnh-như-Tấu** soạn.

Quyển sách nói về lịch-sử tỉnh Thái-nguyên của quan Công-sứ **Echinard** soạn, công-phu thế nào, tưởng quyển **Hưng-yên địa-chí**, tác-giả cũng không kém phần lao tâm khổ-trí kiếm tìm tài-liệu. **Hưng-yên địa-chí** kể rõ cả tình-hình chính-trị, kinh-tế, các truyện cổ-tích, vân vân, .. thuộc về tỉnh Hưng-yên. Sách rất có ích, ai cũng nên đọc, nhất là dân Hưng-thành lại càng nên mỗi gia-đình có một cuốn. . . .

Báo Trung-Bắc tân-văn ngày thứ năm 10 janvier 1935

. . . . . Trong **cuốn** sách chia ra sáu mục, nói về hình-thể, kinh-tế, chính-trị, xã-hội tỉnh Hưng-yên và thời-kỳ quân Pháp mới hạ tỉnh ấy và dẹp giặc Bãi-sậy. Sách soạn rất công-phu, khổ to, in đẹp.

Bản-quán xin giới-thiệu cùng các bạn đọc báo một cuốn sách khảo-cứu đáng nên đọc.

Ngọ-Báo ngày thứ hai 14 janvier 1935

Hưng-yên địa-chí, địa-dư tỉnh Hưng-yên, của ông **Nhật-nham Trịnh-như-Tấu**, gồm những mục: Hưng-yên hình-thể, Bình Pháp hạ Hưng-thành và bình giặc Bãi-sậy, Hưng-yên kinh-tế, Hưng-yên chính-trị, Hưng-yên xã-hội, Hưng-yên cổ-tích và Hưng-yên văn-miếu, có phụ thêm nhiều bản đồ.

Xin giới-thiệu sách ấy với các bạn đọc báo.

Báo Trung-hòa ngày thứ năm 17 janvier 1935

Sách quốc-văn ngày nay in ra nhiều, mà ít khi thấy được những cuốn có giá-trị về sự học-vấn, có bổ-ích cho tinh-thần, và làm danh-dự cho nghề trứ thuật của ta như cuốn sách của ông **Trịnh-như-Tấu**.

Ho Indoch.
17

Nhan-đề sách đã tỏ rõ, sách này là một tập khảo-cứu công-phu về địa-chí một tỉnh lớn xứ Bắc-kỳ. Tác-giả đã thu góp được nhiều tài-liệu, khám-phá được nhiều cái hay trong tỉnh. Từ lịch-sử, chính-trị, kinh-tế, cho đến danh-nhân cảnh-thắng trong tỉnh, tác-giả đều nghiên-cứu rõ ràng. Sách lại kèm theo mấy bức địa-đồ vẽ mùi, nhiều biểu thống-kê rất tinh-tế, làm cho người xem biết rõ được hết các cái đặc-sắc trong tỉnh. Thật là một cuốn địa-dư hoàn-toàn của tỉnh Hưng-yên vậy.

Như ông Phượng-sơn đã viết trong bài tựa sách : « ..... »

Mong cho sách tác-giả được nhiều người đọc.

Báo Annam nouveau ngày chủ-nhật 27 janvier 1935

Hưng-yên địa-chí (Monographie de la province de Hưng-yên) par M **Nhật-nham Trịnh-như-Tấu**, Imprimerie Ngô-tu-Ha, Hanoi, Grand ouvrage in-8 avec plusieurs cartes et illustrations.

M. **Trịnh-như-Tấu** nous offre un travail d'une grande valeur de documentation qui se détachera nettement des productions annamites modernes. On s'étonne du grand nombre de renseignements, tous précis, tirés des meilleures sources, relatifs à l'histoire, à la géographie physique et humaine d'une des plus anciennes entités politiques du delta tonkinois.

Nos félicitations à l'auteur.

DỊCH :

Ông **Trịnh-như-Tấu** đã chịu tốn công khảo-cứu, để cho ta một tác-phẩm giá-trị đặc-biệt, khác hẳn với các sách Việt-nam xuất-bản hiện-thời. Không ngờ tác-giả tìm tòi được nhiều tài-liệu rõ ràng khúc-triết, về lịch-sử, hình-thể và dân-trí một cựu-chấn miền trung-châu xứ Bắc-kỳ như thế !

Xin có nhời ngợi khen tác-giả.

Báo Canard déchaîné ngày thứ bảy 30 mars 1935

LES OUVRAGES QU'IL FAUT LIRE

Notre collaborateur et ami **Trịnh-như-Tấu** vient de faire paraître deux ouvrages dont nous regrettons de n'avoir pas ici assez de place pour donner un compte-rendu plus complet, mais dont la valeur n'échappera pas certainement à l'élite intellectuelle annamite.

Le premier, le **Hưng-yên địa-chí**, est une étude consciencieuse sur la province de Hưng-yên, au triple point de vue géographique, économique

et politique. C'est un tableau où l'exactitude des chiffres s'allie à la vivacité du style.

En ce qui concerne le second, le **Trịnh-gia chính-phả**, étude généalogique de la famille des Trịnh, on devine bien que notre ami est mieux qualifié que quiconque pour l'écrire, lui qui est un des descendants de cette grande famille princière, pour ne pas dire royale, à laquelle l'Annam doit quelques-unes des plus belles pages de son histoire nationale.

Nous adressons à M. **Trịnh-như-Tấu** nos plus vigoureuses félicitations.

DỊCH :

NHỮNG SÁCH NÊN ĐỌC :

Ông bạn **Trịnh-như-Tấu** hiện giúp chúng tôi việc trợ-bút, **mới xuất-bản** hai quyển sách. Chúng tôi tiếc rằng báo này không đủ chỗ để phê-bình một cách kỹ càng hơn. Nhưng chắc các bạn tri-thức người Nam không khi nào bỏ qua không thưởng-thức cái giá-trị của các **tác-phẩm ấy**.

Quyển thứ nhất là cuốn **Hưng-yên địa-chí**, kê-cứu rất rõ ràng về hình-thể, kinh-tế và chính-trị tỉnh Hưng-yên. Thực là một bản thống-kê đủ các điều cần-thiết rất đúng, hòa với giọng văn lưu-loát.

Quyển sách thứ hai lấy tên là **Trịnh-gia chính-phả**, thuật gia-thế nhà Trịnh. Ông bạn chúng tôi là giòng-giõi nhà Trịnh, một họ to làm chúa, tuy không làm vua, nhưng để lại cho nước Việt-nam những thiên lịch-sử rực rỡ vẻ vang. Như vậy ông **Tấu** thuật gia-thế họ nhà tất đúng sự thực hơn người khác. Giá-trị sách ấy, độc-giả có thể đoán mà biết được.

Chúng tôi chân-trọng rất ngợi khen ông **Trịnh-như-Tấu**.

Báo Công-Dân ngày thứ tư 16 octobre 1935

CUỐN SÁCH CÓ GIÁ-TRỊ

. . . . . những cuốn sách giáo-khoa như cuốn sách trên không thể đem phương-pháp văn phê-bình mà phân-tích khen chê được, vì những sách đó, nếu nó đầy đủ được cái tính-cách hữu-ích của nó là đủ rồi.

Ông **Trịnh-như-Tấu** đã chịu khó kê-cứu sưu-tầm từ mảnh bia tàn đến những câu đối, những quyển sổ thống-kê.

Mong rằng rồi đây 26 tỉnh Bắc-kỳ đều có 26 cuốn Địa-chí, chép, vẽ cho hết cái mảnh giang-sơn gấm vóc này.

Báo Công-Dân ngày thứ tư 16 octobre 1935

CẢO-THƠM

Còn nhớ cụ Lê-thảo-Trang cách mấy năm qua tỉnh Hưng-yên có bài thơ hoài-cổ :

« Hiến-nam chài mấy náng, lần mưa,
« Trăng giãi sen tàn, gốc nhãn trơ ;
« Miếu cũ đôi nơi, đèn thấp thoáng,
« Hàng cau hai giẫy, cỏ lơ-thơ ;
« Bóng thuyền Dương-Hậu trăng mờ tỏ,
« Làn bãi Đàng-châu, nước lững lờ ;
« Nhắn hỏi già nua, còn mấy chú ?
« Có ghi truyện cũ xửa xửa xưa ? »

Hiến-nam vốn là một nơi đô-hội nổi tiếng khi xưa.

« Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì phố Hiến »

Hiến-nam là chỗ thuyền-bè ngoại-quốc qua lại buôn bán về đời Lê mạt, vì người ngoại-quốc không được phép vào Thăng-long, nào người Bồ-đào-nha, nào người Y-pha-nho, người Pháp-lan, người Tàu, người Nhật, đều có để vết chân trên đất ấy ; nếu không có tờ chiếu « trục xuất cảnh ngoại » của vua Lê-hi-Tôn, nếu không có cái chính-sách « bế quan tỏa cảng » hồi trước, biết đâu Hiến-nam không thành một thương-cảng, một thị-trấn, mà tỉnh Hưng-yên ngày nay, sao có chịu cái phận đàn em các tỉnh xứ Bắc-kỳ.

Tuy thế Hiến-nam cũng không phải không tô-điểm cho lịch-sử tổ-quốc, Hiến-nam vốn là nơi chôn rau cắt rốn của biết bao trung-thần, lương-tướng, danh-nhân trong đất Việt này. Ông Tống-Trân nhà Tiền-Lý đi sứ Tầu không làm mất thể-diện cho nước, ông Phạm-ngũ-Lão bao phen chống quân Nguyên, bình quân Lào, dìn giữ đất nước cho nhà Trần, ông Đoàn-Thượng có trung với nhà Lý, bà Nhị-Khanh vẹn tiết với họ Phùng ; đều là người Hiến-nam cả.

Chúng ta mở sách thấy sự-nghiệp của những người ấy, đọc lại những thơ thuật-hoài cùng đối-liên vịnh những người ấy như các bài :

Thơ thuật-hoài của Phạm-ngũ-Lão

Hoành sáo giang-sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu ;
Nam nhi vị liễu công-danh trái,
Tu thính nhân-gian thuyết Vũ-Hầu,

DIỄN NÔM

Ngọn giáo non sông trải mấy thâu,
Ba quân tì hổ khí thôn ngưu ;
Công-danh nếu để còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe truyện Vũ-Hầu.

Câu đối đền thờ Đoàn-Thượng

Nhất thiên chính-khí sơn hà tại,
Vạn cổ anh thanh thảo mộc chi.

DIỄN NÔM

Một vùng chính-khí cùng cây cỏ,
Muôn kiếp anh-thanh cả núi sông.

Lòng ta sẽ cảm-động, cảm-động mà khơi kinh những bực anh-hùng vì nòi giống, vì cương-thường mà treo những gương chung-chính ghi chép truyện đến đời nay.

Việc ghi chép những công việc ấy, không phải riêng gì nhà sử-học, các nhà khảo-cứu, các nhà chép chỉ-nam, địa-chí đều phải lưu-tâm sưu-tầm cả. Quyển *Hưng-yên địa-chí* mà ông **Nhật-nham Trịnh-như-Tấu** mới xuất bản đã làm đủ được phận-sự nhà sử-học và khảo-cứu. **Trịnh**-quân đã không bỏ phí thì-giờ trong lúc công-vụ thư-nhàn, đã chịu để tâm nghiên-cứu, sưu-tập trong hơn một trăm trang tất cả những đều có quan-hệ đến lịch-sử, kinh-tế, chính-trị tỉnh Hưng-yên.

Công ông **Trịnh-như-Tấu** đối với tỉnh Hưng-yên, xin nhường nhà học-giả có lòng yêu nòi, thương nước tỉnh ấy phán-đoán, chúng tôi chỉ xin giới-thiệu quyển sách với độc-giả chư-tôn cùng học-sinh các trường vì là một quyển sách giáo-khoa có giá-trị.

TIÊN-ĐÀM

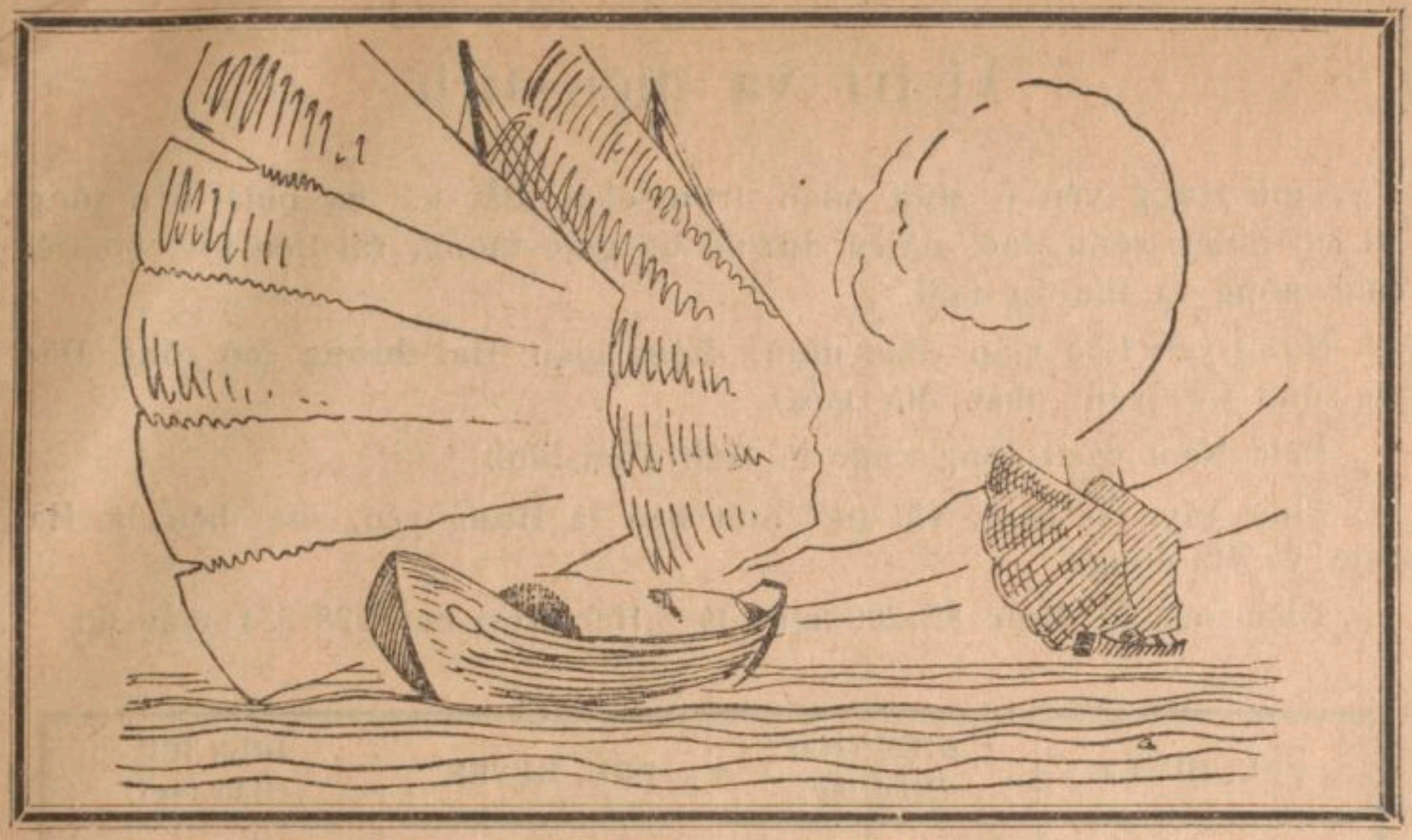

I

HƯNG-YÊN HÌNH-THỂ

Địa-danh duyên-cách

VỀ đời nhà Hán, tỉnh Hưng-yên thuộc huyện Chu-diên, quận Giao-chỉ. Đến đời nhà Tống, huyện-lỵ Chu-diên lập tại Hưng-yên. Về đời nhà Đường, gọi là *Diên-châu* (618-627) hợp với huyện Cao-lăng và Định-lăng.

Thời-kỳ Thập-nhị sứ-quân, gọi là *Đằng-châu* (939-965.) – Đến nhà tiền-Lê, đổi là phủ *Thái-bình* (980-1009). – Lại đổi là *Khoái-lộ* (thế-kỷ thứ 13), đời nhà Trần. – Đến đời nhà Minh bên Tầu (thế-kỷ thứ 15), gọi là *Khoái-châu.*

Về đời hậu-Lê, niên-hiệu Thuận-thiên (1428-1433) thuộc Nam-đạo, – niên-hiệu Quang-thuận (1460-1469), thuộc Chàng-thiên Thừa-tuyên, – niên-hiệu Hồng-đức (1470-1497), thuộc Sơn-nam Thừa tuyên. – Đến đời nhà Mạc, thuộc tỉnh Hải-dương.

Niên-hiệu Quang-hưng (1578-1599), gọi là *Sơn-nam.*

Năm 1741, cải ra *Sơn-nam-thượng.* Lại đổi là *Sơn-nam-chấn*, năm 1822.

Mãi đến năm 1831 đời vua Minh-mệnh, mới nhất định gọi là *Hưng-yên.*

Xã Nhân-dục ở tỉnh-lỵ xưa vẫn là sở-tại huyện Kim-động. – Về đời nhà Ngô (thế-kỷ thứ 10), Sứ-quân **Phạm-bạch-Hổ** đóng quân ở đấy.

Vị-trí và diện-tích

Tỉnh Hưng-yên ở giữa miền trung-châu Bắc-kỳ, ba phía liền sông, lại có nhiều sông đào, nhiều đường bộ giao-thông, rất tiện-lợi cho việc canh-nông và thương-mại.

Hưng-yên Bắc giáp Bắc-ninh, Đông giáp Hải-dương (có sông Đào và sông Cửu-yên phân địa giới).

Phía Nam cách sông Luộc là tỉnh Thái-bình.

Phía Tây, có sông Nhị-hà : một bên là Hưng-yên, một bên là Hà-nam và Hà-đông.

Diện-tích đo được 82.200 mẫu tây (Hectares) hay 228.334 mẫu ta:

PHỦ, HUYỆN	DIỆN-TÍCH (Mẫu tây)	PHỦ, HUYỆN	DIỆN ÍCH (Mẫu tây)
Văn-lâm	7.570 Ha	Khoái-châu	13.030 Ha
Mỹ-hào	7.860 Ha	Ân thi	13.230 Ha
Yên-mỹ	8.950 Ha	Tiên-lữ	10.170 Ha
Kim-động	11.810 Ha	Phù-cừ	9.580 Ha
		Tổng-cộng	82.200 Hecta

Khí-hậu

Suốt bốn tháng đầu năm, chỉ những mưa phùn, không-khí ẩm-thấp, đồ-đạc quần-áo meo mốc, các côn-trùng mà nhất là ruồi, muỗi càng sản-xuất ra nhiều. Hết thời-kỳ mưa phùn cho đến cuối năm, khí-hậu điều-hòa, không nóng lắm mà cũng không rét nhiều. Khí-tiết mát mẻ vì Hưng-yên ở giữa miền trung-châu, chung quanh có sông bao bọc.

Theo thời-tiết, một năm chia ra làm ba mùa :

a) Mùa hanh : mồng một tháng 11 tây năm trước đến 15 tháng giêng tây năm sau ;

b) Mùa mưa phùn : 15 tháng giêng tây đến mồng một tháng 5 tây ;

c) Mùa nước to : tháng 5 đến tháng 11 tây. Thường hay có giông-tố hoặc bão.

Một năm lại có hai mùa nước :

1°) Mùa nước lũ : tháng 6 đến tháng 11 tây ;

2°) Mùa nước nhỏ : tháng 11 đến tháng 6 tây.

Nhiều khi gặp kỳ đại-hạn, nắng thiêu đồng mạ, hư lụi vườn rau, — hoặc gặp mưa nhiều, cây-cối thối nát, mùa-màng rất là tai-hại.

Mấy năm gần đây, thiên-tai rất ít.

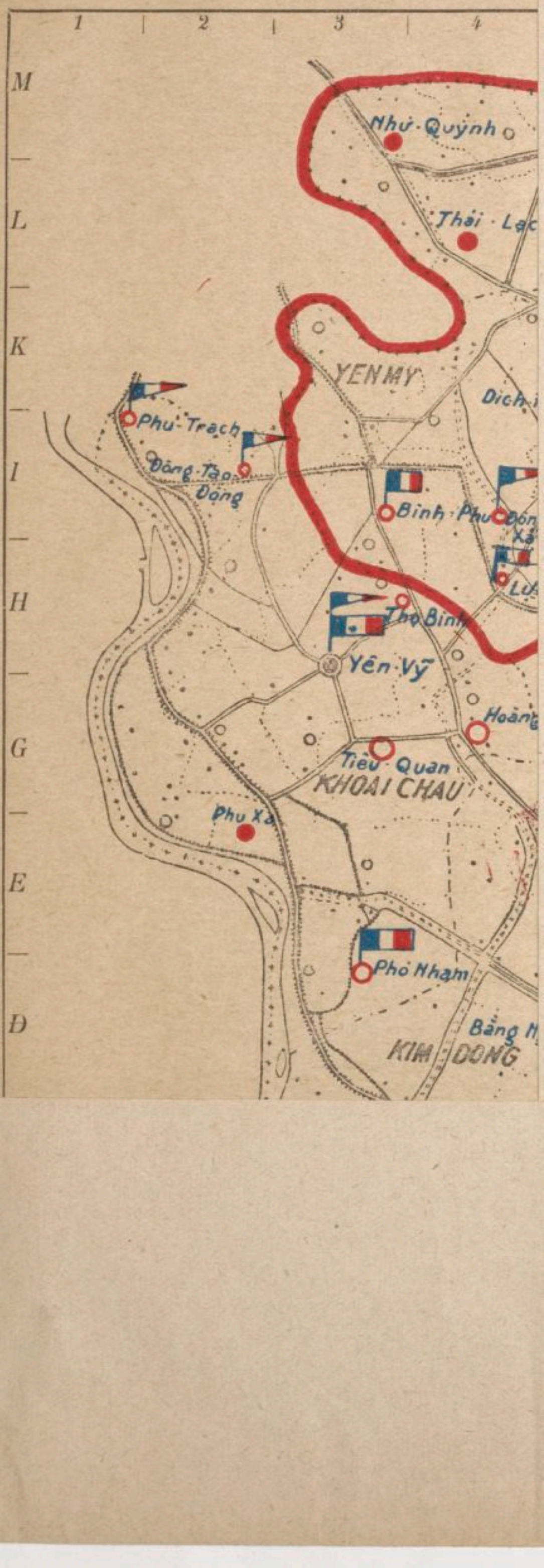
1
2
3
4
M
L
K
I
H
G
E
Đ
Như Quỳnh
Thái Lạc
YÊN MỸ
Phu Trạch
Đông Tảo
Đông
Bình Phu
Thọ Bình
Yên Vỹ
Tiêu Quan
KHOÁI CHÂU
Phu Xá
Phố Nhạm
KIM ĐỘNG

HƯNG - YÊN

1 / 200 000 — 0 1 2 3 4 5 Km.

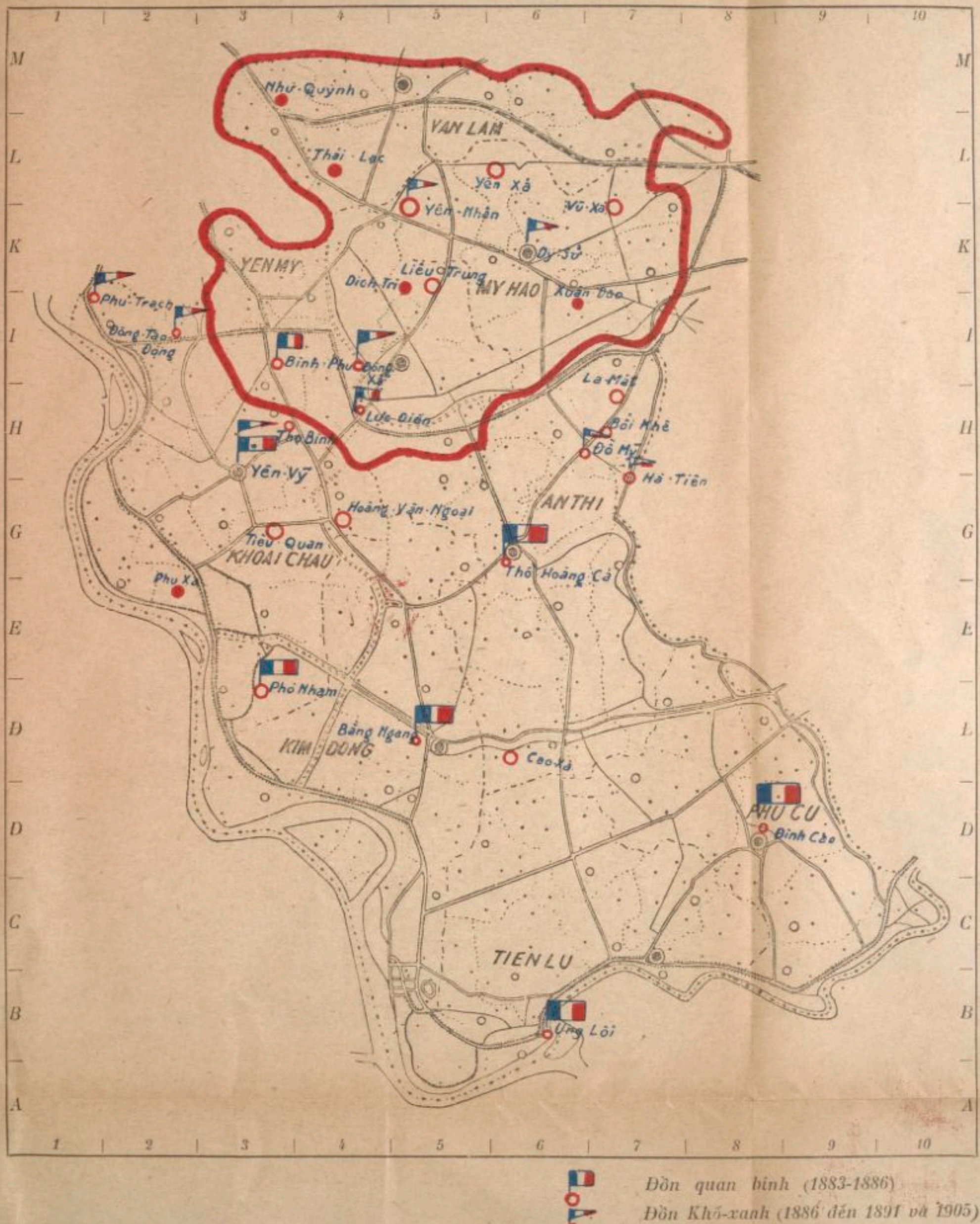

Đồn quan binh (1883-1886)

Đồn Khố-xanh (1886 đến 1891 và 1905)

Trường chiến-đấu

Linh-tinh

Địa-giới đạo Bắn-yên-nhân

Địa-thế và sông ngòi

Hưng-yên ở giữa trung-châu Bắc-kỳ, ruộng đất nhiều, không có rừng núi, chỉ có một ngọn đồi ở địa-phận xã Đào-đặng thuộc huyện Tiên-lữ. thường gọi là *Đầu-sơn* (1).

Giữa tỉnh-lỵ có hồ *Bán-Nguyệt*.

Truyền-tụng thơ rằng :

« Bán-Nguyệt hồ-tiền nguyên thị hải,
« Nhất bình Đầu-ngoại cánh vô sơn ».

Dịch :

Ngoài ngọn Đầu ra không có núi,
Trước hồ Nguyệt nọ vốn là khơi.

Tỉnh ở xa bể, nhưng lắm sông ngòi. Quanh tỉnh thì ba phía liền sông. Giữa tỉnh, nhiều sông đào ngang dọc :

a) Phía Tây, có sông Nhị-hà ;

b) Phía Nam, có sông Luộc ;

c) Giữa tỉnh có sông Hoàn-ái và sông Cửu-yên cùng nhiều sông đào khác nữa.

Các sông lạch ấy chia tỉnh ra làm ba khu :

A — Khu thứ nhất

Khu thứ nhất có ba huyện : Mỹ-hào, Văn-lâm và Yên mỹ hợp thành đồn Bần-yên-nhân.

Không kể vùng gần Kẻ-sặt (Hải-dương) thì ruộng đất khu này cao hơn tất cả hai khu kia. Có những sông này chảy qua :

1° — Một con sông đào phát-nguyên từ sông Cầm-giàng (Hải-dương) chia làm hai chi-lưu :

a) Một chi-lưu về phía Bắc, bắt đầu từ xã Cận-duyệt ;

b) Một chi-lưu ở phía Nam chảy vào sông Hoàn-ái về địa-phận xã Sài-trang.

2° — Sông Nghĩa-trụ.

B — Khu thứ nhì

Khu thứ nhì, đất ruộng phì-nhiêu hơn cả, có phủ Khoái-châu, huyện Kim-động và phủ Ân-thi.

Sông Quảng-lãng và sông Kim-ngưu chảy qua khu này :

1° — Hai chi-lưu phát-nguyên từ sông Hoàn-ái hợp thành sông Quảng-lãng. Sông Quảng-lãng chảy ra sông Cửu-yên.

---

(1) Tục truyền : xưa vua Hùng-vương lấy đồi này làm chỗ ao quân, nên gọi là Đầu-sơn (núi Đấu).

2° — Các sông đào phía Tây khu thứ nhì hợp lại thành sông Kim-ngưu.

C — Khu thứ ba

Khu thứ ba ở phía Nam tỉnh là khu thấp nhất, nhiều ruộng đất hơn cả. Gặp mùa mưa to, ruộng, đất ở chỗ thấp quá, thường bị ngập-lụt, mùa màng thối nát. Khu này có huyện Tiên-lữ và huyện Phù-cừ.

Phía Bắc, có sông Cửu-yên làm giới-hạn và giáp khu thứ nhì.
Phía Đông, giáp tỉnh Hải-dương, có sông Cửu-yên làm địa-giới.
Phía Nam, cách sông Luộc là tỉnh Thái-bình.

* * *

Sông Nhị-hà và sông Luộc là hai con sông to nhất trong các sông tỉnh Hưng-yên. Sức nước rất mạnh, đã gây nên nhiều cảnh-tượng tang-thương trên bờ sông.

Hai con sông cái ấy có nhiều khúc-khuỷu. Một bên bờ bịch-lập, đất bị lở luôn luôn. Còn bên kia, bao giờ cũng có đất phù-xa ở miền trên trôi xuống đọng lại. Có nhiều làng địa-thế mỗi năm một rộng thêm ra, trong khi các xã khác bị giòng nước làm cho đất, ruộng lở trôi. Các công-việc lở, bồi của giòng nước làm ra trong vòng 50 năm, 100 năm. Rồi có một ngày luồng nước gặp chỗ đất thực dắn, không thể làm mòn lở được. Bấy giờ nước lại thay giòng khác, làm cho đất phù-xa mới bồi phải vỡ lở, để bồi-đắp lại cho các nơi trước kia bị sạt-hại.

Nhưng chưa đến thời-kỳ ấy, nhiều xã vì địa-thế một ngày một hẹp, đã dần dần phải lui nhà cửa, đình, chùa, miếu-mạo vào trong, sau cùng không đủ chỗ cư-chú nên phải thiên-di.

Những xã bị cái thủy-họa ấy thường hay ở phía dưới các khúc-khuỷu sông Nhị-hà hay sông Luộc, là chỗ nước xoáy, đập vào bờ thực mạnh, làm cho đất phải sạt lở, rồi quấn đem đi.

Nước sông Nhị-hà và sông Luộc thường bị nước thủy-chiều ngoài bể cản lại, nên lòng sông ứ-chệ, rất hại cho hai bên bờ sông. — Muốn đề-phòng cho mùa màng và dân-cư khỏi tổn-hại về thủy-tai, nên Chính-phủ đã thi-hành việc trị-thủy. Đê sông Nhị-hà và sông Luộc thuộc địa-phận Hưng-yên đã đắp xong, rất chắc chắn, dân-gian không còn lo đến cái hại ngập lụt nữa.

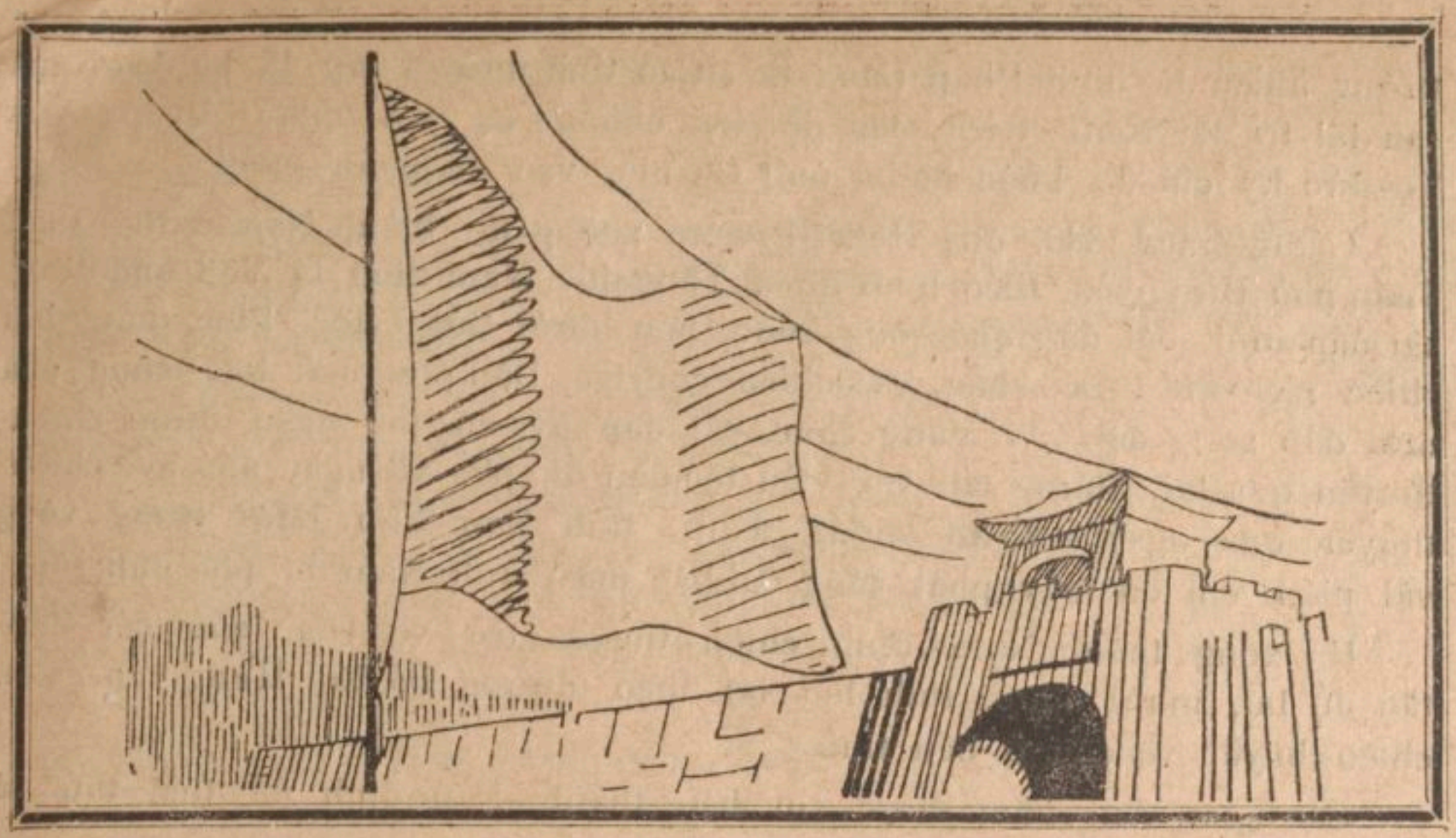

II

BINH PHÁP HẠ HƯNG-THÀNH VÀ BÌNH GIẶC BẢI SẬY (1)

NGÀY 26 novembre 1873, Trung-tá Thủy binh Balmy d'Avricourt và Thiếu-úy Thủy-quân De Trentinian hạ được Hưng-thành.

Chiến-thuyền đỗ ngay trước tỉnh. Trung-tá thủy-quân sai một viên Thông-ngôn cùng vài người lính vào thành mời quan Tuần-phủ ra bến. Quan Tuần-phủ trông thấy lính, liền truyền mở cửa thành, họp tất cả các quan tỉnh, rồi cùng nhau ra chiến-thuyền, hứa xin trung-thành với Chính-phủ Pháp.

Ông D'Avricourt và ông De Trentinian truyền nhổ neo sang Phủ-lý. Tỉnh Hà-nam cũng hạ được ngay, không gặp sự gì khó khăn cả.

Từ đó, rất hòa-bình cho mãi đến ngày 5 janvier 1874 là ngày ký hòa-ước Philastre. Hòa-ước ấy ký mười ngày sau khi đánh thành Hanoi; ông Francis Garnier và ông Balmy D'Avricourt bị tử-trận. Vì vậy ai cũng

---

(1) Trích dịch quyển *Notice của ông De Miribel* và quyển *Notice sur la Garde Indigène du Tonkin*.

tưởng nhầm là binh Pháp núng thế. Các tỉnh nước Pháp đã hạ được mà sau lại trả lại Nam-triều, đều nổi lên chống-cự với người Pháp. Vua Tự-đức ký chỉ-dụ buộc bộ-hạ ông Garnier vào tội phản-quốc.

Tháng mars 1883, ông Henri Rivière xuống lấy thành Nam-định. Quan Tuần-phủ Hưng-yên theo lệnh quan Tổng-đốc Nam-định là Võ-trọng-Bình, sai đắp một cái đập qua sông Luộc, bên dưới Cửa Luộc. Phải dùng hai chiếc xích sắt thực chắc và nhiều cọc tre. Dân-phu mất bao công của mới đắp xong đập. Ai cũng chắc cái đập ấy có thể ngăn được chiến-thuyền qua lại. Nhưng chỉ vài viên tạc-đạn đủ phá vỡ ngay đập ấy, chiến-thuyền qua ngay nơi đó xuống đánh tỉnh Nam-định. Mới trong vòng vài phút, chỉ có mấy phát súng đại-bác mà thành Nam bị phá tan tành.

Hạ xong thành Nam-định, chiến-thuyền trở về. Đến chỗ cái đập, tầu đỗ lại, mười người lính lèn bộ theo đường bộ tới Hưng-yên. Còn chiến-thuyền về đậu ở bến tỉnh.

Các quan An-nam được tin báo thành Nam-định đã thất-thủ và binh Pháp đã tới, bèn bỏ thành chạy.

Dân trong tỉnh chắc sẽ không có cuộc binh-đao, nên ai nấy cứ yên ổn, không lo ngại điều gì. Ngày hôm sau các kỳ-hào trong tỉnh vào thành chào Trung-tá. Được vài hôm, các quan An-nam trở lại xin hàng, đều được giữ chức cũ và ở dinh-thự như trước.

Các quan An-nam theo lệnh quan binh Pháp mộ ngay được một đội lính rất đông. Năm 1884, đội lính này có dự vào việc hạ thành Bắc-ninh.

Từ năm 1883 đến năm 1886, tỉnh Hưng-yên thuộc quyền quan binh cai-trị Phía Nam, có đồn Cai-nênh và Duyên-hà (Nay thuộc tỉnh Thái-bình), đồn Ứng-lôi và Phù-cừ (trên bờ sông Luộc), có các đạo binh bản-xứ đóng. — Phía Bắc, binh Pháp đóng các đồn Kim-động, Khoái-châu. Phó-nham, Bình-phú, Ân-thi, Lực-điền Trong các đạo binh này, phần nhiều có người Phi-châu.

Trong thời-kỳ ấy, chỉ có mấy đồn phía Nam phải dùng binh-lực để giẹp yên vài bọn phản-nghịch. Đồn Ứng-lôi thình-linh bị cướp; song nhờ sáng-kiến và nghị-lực của viên đội Delaforge, nên đồn này được vô-sự. Về dịp này, viên Delaforge được thăng Thiếu-úy.

Các đồn phía Bắc công việc khó nhọc hơn cả.

Từ năm 1871 đến năm 1883, đê Văn-giang năm nào cũng vỡ, nước tràn vào, phá hại mùa màng và để lại một giải đất hoang ẩm thấp, có sậy mọc, tục gọi là Bãi-sậy.

Thủy-tai làm dân-gian bị khốc-hại, hết đường sinh-kế. Muốn sang các tỉnh lân-bang tìm kiếm công việc, nhưng đương thời-kỳ loạn-lạc, khó kiếm được ăn. Trong khi cùng-quẫn, họ được người giúp đỡ thì theo ngay. Họ họp đảng với một người kỳ-hào ở xã Thọ-bình tên là Đồng-Quế. Đồng-Quế lấy cớ chống nhau với binh Pháp, đem quân đi tàn-phá các xã lân-cận. Khi quan-quân đến, Đồng-Quế cùng các đảng-viên lại chốn vào Bãi-sậy là nơi binh Pháp không biết lối vào.

Các viên đồn không am-hiểu đường-lối và các xã sợ thù-hằn không ai dám chỉ-dẫn, nên quân giặc càng ngày càng đông mà binh Pháp không sao giẹp được.

Binh-gia bèn cho một toán hùng-binh từ Hải-dương lên đánh quân nghịch, có quan Đại-tá Donnier đốc-xuất. Cuộc chiến-sự ấy cũng vô-hiệu. Dân-sự càng thêm khổ-sở, nên nhiều trộm cướp nổi lên.

Sau quan binh Pháp giao cho quan Hoàng-cao-Khải, thời ấy Án-sát Hưng-yên cầm quân đi đánh Đồng-Quế.

Quan Hoàng-cao-Khải đem theo gia-nhân và có lính tây hộ-vệ, vào Bãi-sậy giẹp giặc. Sậy mọc cao hơn ba thước tây, quan-quân phải lần đường, cứ quanh-quẩn trên các hầm của Đồng-Quế. Chung quanh lửa cháy mà cũng không trông thấy quân nghịch, quan quân phải vừa đánh vừa lui về phủ Khoái-châu.

Tháng janvier 1886, Hưng-yên thuộc quyền quan văn cai-trị. Quan Chánh Công-sứ có một đạo khố-xanh thay cho lính tây và lính khố-đỏ.

Ngày 5 juillet 1885, trong Triều-đình Huế, vua Hàm-nghi bị phế.

Giặc-dã nổi lên như ong. Dân-gian vì cuộc binh đao phải nghèo khổ phần nhiều theo các văn-thân nổi loạn.

Tỉnh Hưng-yên, có hai tướng giặc rất lợi-hại: Đồng-Quế và Tán-Thuật. — Sau Đồng-Quế mất năm 1885, còn mình Tán-Thuật.

Tán-Thuật hay Nguyễn thiện-Thuật sinh năm 1831 ở làng Xuân-dục, tổng Bạch-sam, huyện Mỹ-hào (Hưng-yên).

Người có tư-chất thông-minh dĩnh-ngộ. Lúc trẻ tuổi, đã cắp lều chiếu đi thi, đỗ đầu Tú-tài.

Các quan tỉnh Hải-dương thấy Nguyễn-thiện-Thuật là người lanh-lợi, bèn sai đem quân vào phủ Kinh-môn tiễu giặc Tiên-Viên. Tiên-Viên là bộ-hạ cũ của ông Francis Garnier, vì sợ tội với Nam-triều, nên làm giặc để tránh khỏi tử-hình (theo như chỉ-dụ vua Tự-đức ký sau hòa-ước Philastre).

Nguyễn-thiện-Thuật được bổ chức Bang-tá, cầm quân giẹp giặc. Giặc đã bình, lúc về được thưởng Quận-công.

Năm 1871, Nguyễn thiện-Thuật thi Hương ở Nam-định đỗ thủ-khoa, được bổ ngay Tri-phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh và ở đấy ba năm.

Sau được thăng Tán-tương-quân-vụ giúp Nguyên-súy Hoàng-kế-Viêm bình giặc Khách trên sông Hắc-giang, trở lên đến Sơn-la. Xong việc tiễu giặc, Nguyễn-thiện-Thuật được phong làm Chánh-sứ mười-sáu châu thuộc tỉnh Sơn-tây và Hưng-hóa. Vua Tự-đức truyền Chánh-sứ mới khai khẩn thực nhiều ruộng, đất giữa hai tỉnh Hòa-bình và Sơn-la, để làm công-điền của Nam-triều.

Ngày 9 août 1883, Đại-tá Brionval hạ được thành Hải-dương. Tán-Thuật được tạm bổ Tổng-đốc Hải-dương, coi cả Hải-dương, Hải-phòng và Quảng-yên và sung Phó nguyên-súy đạo binh Đông-Bắc để chống lại binh Pháp.

Tán-Thuật họp quân lại và mộ thêm lính Khách ở Đông-triều ; ngày 12 novembre 1883, đánh thành Hải-dương. Thành Hải-dương bị một phen nguy-ngập.

Tán-Thuật được tin quân Khách đóng ở miền Bắc để chống nhau với nước Pháp, vội vàng lên ngay Lạng-sơn để mừng chào và hợp-tác với tướng Tầu. Nhưng chẳng bao lâu thành Lạng-sơn thất-thủ, Tán-Thuật phải chốn sang Long-châu.

Đến khi vua Hàm-nghi bị phế, Tán-Thuật về Hải-dương, hợp tác với quan Phó Nguyên-súy đạo binh Đông-Bắc và một người cử-nhân tên là Nguyễn-Đức ở làng Thái-lạc, huyện Văn-lâm, tỉnh Hưng-yên, cùng nhau nổi binh ở miền Bắc-ninh, Hải-dương và Hưng-yên.

Tán-Thuật có hai em Lãnh Giang và Hai Kế là những tay kiện-tướng giúp sức.

Trên kia đã nói tỉnh Hưng-yên thuộc quyền quan văn cai-trị thay cho quan binh, và lính khố-xanh thế chân cho lính tây dần dần trở về Pháp. Trước kia tuy đồn to, nhiều lính, nhưng ở xa nhau. Nay lập nhiều đồn nhỏ để dễ tuần-tiễu các làng.

Như vậy Tán-Thuật hay tùy-tướng họp quân nơi nào, các đồn biết ngay và đem quân họp lại đuổi đánh. Tán-Thuật phải chia quân ẩn-nấp các nơi để chống-cự, nhưng bị nhiều trận thua to.

Em Tán-Thuật là Lãnh Giang tử-trận ở xã Yên-nhân. Viên đội Filippe cùng 15 người lính khố-đỏ ở Kẻ-sặt đi lại, vừa ra khỏi làng Yên-nhân thì gặp quân Lãnh Giang đóng ở chùa, đổ ra đánh. Viên đội Filippe vì ít người, yếu thế, phải nấp sau các mộ Khách cao vài thước tây, để chống lại với quân địch, cho đến khi các viên quản khố-xanh Soler và Samaran nghe tiếng súng đem binh lại cứu-viện.

Chính trong trận này Lãnh Giang tử-trận.

Được tin em chết ở trận-địa. Tán-Thuật lấy làm căm giận, tự đốc quân đi đánh. Quan đồn Mỹ-hào là Ney, quan Thương-tá Hải-dương và 24 người lính cùng tử-trận ở xã Liêu-trung.

Trận này là trận hăng-hái nhất trong thời-kỳ biến-động.

Được tin Chính-phủ Pháp sắp đem toàn-lực ra giẹp giặc, Tán-Thuật thân đi tìm Đốc Tích thời ấy đương đánh nhau với binh Pháp ở cù-lao Hai-sông. Đốc Tích bị vây. Tán-Thuật thấy thế núng, bèn khuyên Đốc Tích bỏ khí-giới chốn qua vòng vây, về giúp mình.

Tán-Thuật đánh trận Đông-nhu giết viên quản khố-xanh Leglée. Trong trận này, viên quản khố-xanh Aubert bị trọng-thương.

Được ít lâu, có trận Vũ-xá. Bên Tán-Thuật chết mất hai tay kiện-tướng là Lãnh Hạ và Lãnh Chiểu. Binh Pháp cũng thiệt mất 11 người.

Tháng mars 1889, viên quản khố-xanh Soler đem 30 người lính đi dò-thám vùng Bãi-sậy, gặp quân giặc có 300 khẩu súng. Bên viên Soler giữ được trật-tự, nên quân giặc không làm gì được, phải lùi.

Ngày 27 mars 1889, quan Bố Bắc-ninh đem quân-dân và có 100 lính khố-xanh hộ-vệ, sang đánh quân Tán-Thuật ở làng Phó-long và Đầu-thao.

Đánh nhau từ tám giờ sáng đến bảy giờ chiều, quân giặc thua, chạy chốn.

Quan Bố mất một viên phó-quản và một quân-dân.

Ngày 30 mars 1889, quan Bố Bắc-ninh đánh quân Tán-Thuật, Đốc Sủng và Quản Dày ở xã Thúy-làm. Từ 10 giờ sáng đến 9 giờ tối, quân giặc chết mất 50 người, bỏ chốn cả.— Bên Chính-phủ, 12 người bị thương.

Ngày 6 avril 1889, năm mươi người đàn bà mang rau ra chợ ngồi bán ngay trước cửa đồn Bình-phú. Trong đồn có một người cai và một ít lính.

Một lúc sau, một người đàn bà đến gần chỗ lính gác, bông đùa rồi lấy súng. Trong khi ấy, cả bọn đàn bà (tức là giặc giả dạng) tay cầm súng lục sông vào đồn, cướp súng.

Người cai không hề rối trí, họp lính lại và truyền bắn. Quân giặc chết mất 4 người, bỏ lại hai khẩu súng lục.

Ngày 23 avril 1889, đồn Đông-mai và đồn Bần-yên-nhân hợp sức đánh làng Mễ-đao. Viên quản khố-xanh Nicolas đem 35 người lính đến trước, vào trong làng đuổi giặc.

Lúc viên quản khố-xanh Normand cùng 75 người lính tới nơi, hai bên ập lại đánh đuổi quân giặc. Bên địch-quân chết mất 34 người. Bên Chính-phủ không thiệt-hại gì.

Ngày 24 juillet 1889, viên quản khố-xanh Escot cùng một bọn lính, vừa đến làng Hoàng-vân thì bị quân Đội Sung đổ ra đánh. Viên Escot bị giết.

Quan Phó-sứ Morel và các viên quản khố-xanh Samaran, Soler và Aubert đuổi và phá tan quân giặc ở bến Cầu-hậu.

Tháng août 1889, ba toán giặc có Hai Kế, (em Tán-Thuật) và Đề Bân đốc-xuất, tất cả có 100 người và 60 khẩu súng đến làng Tân-trạch (Hải-dương) gặp lính đồn Bần-yên-nhân và Mỹ-hào (Hưng-yên) đổ ra đánh úp. Quân giặc bỏ lại 6 khẩu súng, chạy tản-nát.

Ngày 24 mai 1890, quân Đề Bân, có 300 người và 150 khẩu súng, gặp toán lính của viên quản khố-xanh Chaigneau, gần xã Quang-xá (Hưng-yên).

Quân giặc phần nhiều mặc giả lính khố-xanh và lính khố-đỏ, lúc trở thuyền chạy qua sông thiệt-hại rất nhiều.

Ngày 18 octobre 1890, Tán-Thuật khởi-chiến ở xã La-mát, bị tổn mất 18 người. Viên quản khố-xanh Montillon bị trọng thương.

Gặp lúc vua Hàm-nghi an-trí sang châu Phi, Tán-Thuật biết sức mình không thể địch nổi được binh Pháp, bèn khuyên em là Hai Kế chạy chốn, còn mình theo lối Đông-triều chạy sang Tầu.

Tán-Thuật để lại các tướng-tá sau này:

1°) Đề-đốc Sủng, xã Dịch-trì huyện Yên-mỹ;
2°) Đề-đốc Bân xã Bối-khê, phủ Ân-thi;
3°) Đề-đốc Tính, xã Yên-vĩ, phủ Khoái-châu;
4°) Đề-đốc Cọp, xã Yên-xá, huyện Kim-động;
5°) Lãnh-binh Điều, xã Phù-xa, phủ Khoái-châu;
6°) Tuần Vân, xã Như-quỳnh, huyện Văn-lâm;
7°) Đề-đốc Mỹ, xã Xuân-cầu, huyện Văn-giang.

Bảy viên tướng có tất cả hơn 600 khẩu súng. Lúc bấy giờ không phải cùng nhau thuộc quyền ai nữa, nên mỗi tướng ở riêng một vùng, chia ra từng toán 20 hay 25 người, ẩn-nấp trong các làng, hễ gặp quan quân thì cùng nhau hợp lực kháng-cự.

Súng-đạn đều của giặc Khách Đông-triều, Lục-nam, Thái-nguyên giúp đỡ.

Phía bắc Hưng-yên thuộc quyền quan phó-sứ Morel cai-trị, có những đồn khố xanh sau này:

1°) Phủ Khoái-châu có viên quản khố-xanh Aubert đốc-xuất;

2°) Hà-tiên (ở địa-giới Ân-thi và Hải-dương), có viên Samaran đốc-xuất;

3°) Thúy-lâm thuộc huyện Yên-mỹ, có viên Pointis chủ-trương;

4°) Phú-trạch thuộc phủ Khoái-châu có viên Soler trông coi.

Trong thời-kỳ ấy, luôn luôn các đồn bị giặc đến đánh.

Viên quản khố-xanh Soler đồn Bình-phú (phủ Khoái-châu) để quân-dân ở lại coi đồn, thân đem toán-quân ra ngoài. Đến gần sông Nhị-hà, gặp ngay một toán nghịch-quân rất đông. May lúc bấy giờ có một chiếc tầu thủy qua đó, quân giặc tưởng là pháo-thuyền, đều bỏ chạy.

Lúc trở về đồn, viên quản Soler thấy đồn bị tàn-phá và quân-dân bị giết cả.

Viên quản khố-xanh Ney tử-trận ở Liêu-trung.

Viên quản khố-xanh Escot chết ngày 24 juillet 1889 trong trận ở làng Hoàng-vân, đánh nhau với Đề Tích.

Bên tỉnh Bắc-ninh, gần địa-giới, hai viên quản khố-xanh tử-trận ở Lang-tài và còn bao nhiêu người chết trận ở Bắc-ninh và Hải dương.

Quan Thống-sứ Brière biết rằng quân tỉnh nào giẹp giặc riêng tỉnh ấy, không có kết quả gì ngay mà tình-thế vẫn kéo dài ra, nên định đặt chung một đạo hùng-binh để đi tiễu-trừ các đảng phản-nghịch.

Đạo binh tiễu-nghịch có đủ khố-xanh, lính cơ và quân-dân.

Quan Hoàng cao-Khải khi bấy giờ Tổng-đốc Hải-dương kiêm chức Tiễu-phủ-sứ, tuần-tiễu trong các tỉnh Bắc-ninh, Hải-dương và Hưng-yên, đều được kết quả mỹ-mãn.

Đạo binh tiễu-nghịch dùng trong sáu tháng, đến cuối năm 1889 thì giải-tán.

Bên giặc nhiều kẻ phục-tòng và ra hàng Chính-phủ.

Bên quan-quân bắt được nhiều giặc và lột được nhiều khí-giới.

Chính-phủ tưởng giặc đã trừ tiệt, nên vội giải-tán đạo binh tiểu-nghịch.

Tàn-quân bên nghịch lại họp thành đảng, lấy Bãi-sậy làm sào-huyệt.

Chính-phủ lập Bãi-sậy thành một đạo cũng như một tỉnh nhỏ vậy, để dễ cai-trị và dễ bình quân nghịch. Đạo Bãi-sậy gồm có phủ Mỹ-hào, huyện Văn-lâm, và huyện Yên-mỹ, sở-tại là Bần-yên-nhân. Ba hạt này thuộc cả về tỉnh Hưng-yên.

Đạo Bãi-sậy có quan cai-trị Muselier đứng đầu, một viên Giám-binh, có tám viên quản tùy-tùng, đốc-xuất 380 tên lính khố-xanh.

Ông Muselier chia lính lập các đồn (cứ 50 tên một đồn) ở các nơi địa-thế có thể tiện thông-tin với nhau và tiện giao-thiệp với các đồn tỉnh lân-cận.

Lúc đầu hai bên giao-chiến luôn luôn. Quan-quân đuổi giặc rất hăng-hái, song các tướng giặc vẫn được vô-sự.

Hai bên vẫn đánh nhau dữ-dội.

Sáng ngày 10 avril 1891, viên Giám-binh Porto-Carrero có 60 tên lính, gặp ngay một toán giặc rất mạnh đương chiếm-cứ đê sông Hải-dương, gần xã Đào-xá (Hưng-yên).

Hai bên giao-chiến Lúc đầu viên Giám-binh Porto-Carrero và viên Phó-quản Chinh tử-trận ở Cao-xá (Ân-thi). Viên quản khố-xanh Pointis thay cầm quân, vừa đánh vừa lui về tới Hưng-yên : hai người chết và một người bị thương.

Ngày 11 avril 1891, quân của Hai Kế và Đề Vinh bị viên quản khố-xanh Moliner vây ở Mậu-duyệt (Hưng-yên). Viên Giám-binh Lambert và viên quản Desmot đem quân lại ngay để hợp sức với viên quản Moliner. Nhưng quân giặc phá vòng vây chạy sang xã Ngô-phan.

Viên quản khố xanh Fourre đem quân đi tuần-tiễu, vừa đến đấy, hợp sức lại để giao-chiến.

Quan-quân hết sức phá cổng làng; viên quản Desmot tử-trận, viên Giám-binh Lambert bị thương.

Lúc ấy tạm đình-chiến để xin súng đại-bác ở Bắc-ninh.

Toán quân Pierrot, Filippi, Villaine, cũng dần dần đến vây làng Ngô-phan. Viên quản Montillon đem thêm khí-giới đến.

Đến đêm trời mưa tầm-tã, đường đi lầy lội, toán giặc phá vòng vây chạy, nhưng lại bị vây ở làng Bích-khê.

Ba giờ chiều hôm sau, có súng đại-bác trở đến.

Trận-tuyến đã lập xong, chỉ còn đợi giờ khai chiến. . .

Đến nửa đêm, quân giặc ra ngoài, phá vòng vây. Viên quản Montillon bị thương : quân giặc bị phá tan, chết mất 9 người. Đề Vinh, Quan-bá-

Học và Am tử-trận. Quan-quân lấy được chín khẩu súng trường, một khẩu súng lục và nhiều đạn-dược.

Trận này, bên Chính-phủ không kể người Pháp, chết mất bốn tên lính và bảy người bị thương.

Ngày 25 avril 1891, 55 người lính tập-pháo, có một viên cai khố-xanh đốc-xuất, gặp một toán giặc ở xã Hạ-lang (Hưng-yên). Hai bên đánh nhau : bên Chính-phủ bắt được bốn tên giặc, trong số ấy có cả Lãnh-binh Bồng.

Ngày 15 juin 1891, viên Giám-binh Riou và quan Án Hải-dương đánh được quân Lãnh Bình, gần xã Lang-tài (Hưng-yên).

Lãnh Ngữ bị bắt giết ngay. — 60 tên giặc chốn qua sông bị chết đuối cả.

Ngày 22 juin 1891, viên Giám-binh Riou và quan Án Hải-dương vây một toán giặc 40 người ở xã Thanh-trác (Hưng-yên). Cả toán giặc bị giết cả, trong số đó có chủ-tướng Lãnh Lộ. Bắt được rất nhiều khí-giới đạn-dược.

Ngày 17 décembre 1891, một trăm lính có các viên quản khố-xanh Broussiac, Julliard, Masseboeuf và Menard đốc-xuất, gặp một toán giặc ở xã Đoan-lâm (Hưng-yên). Giao-chiến trên mặt đê, quân giặc chạy chốn bỏ lại 15 thây chết, 7 khẩu súng và 500 viên đạn.

Viên quản khố-xanh Leglée chết tại trận Đông-ngư và viên quản Aubert bị thương.

Viên quản khố-xanh Montillon bị thương ở La-mát (Ân-thi). Nhưng nhờ có cố-đạo Garia ở Kẻ-sặt cho phi-báo đồn Bần-yên-nhân, nên quan-quân ở La-mát thoát khỏi tay giặc.

Muốn trừ tiệt bọn phản-nghịch, quan Thống-sứ lại lập thành một đạo hùng-binh thứ nhì gọi là đạo Tuần-cảnh.

Đạo Tuần-cảnh có một nghìn lính khố-xanh thuộc quyền các viên Giám-binh và các viên quản đốc-xuất, và 500 lính-cơ thuộc quyền quan binh An-nam trông coi.

Đạo Tuần-cảnh để tùy quyền quan Kinh-lược Hoàng-cao-Khải, ông Muselier được làm Cảnh-sát-sứ của Chính-phủ.

Nhiều quan văn theo quan Kinh-lược đi tiễu-giặc và một tòa-án họp luôn luôn để kết án bọn phản-nghịch.

Ròng rã trong vòng 8 tháng, quân Tuần-cảnh giao-chiến luôn luôn với bọn nghịch, khiến quân giặc không còn thì-giờ dưỡng-sức nữa.

Tuy mất hai viên Giám-binh Festhmel và Lesage, nhưng kết quả thực tốt.

Trừ Tán-Thuật và Hai Kế (em Tán-Thuật), các tướng giặc đều bị tử-trận, hoặc bắt giết.

Chính-phủ bắt được rất nhiều khí giới ở nơi trận-địa. Còn bao nhiêu khí-giới, sau những tân-quân ra thú lại nộp cả Chính-phủ.

Bấy giờ còn hai toán quân Đề Tinh và Lãnh Điều vẫn lấy vùng Khoái-châu làm trận-địa, lấy Bãi-sậy làm sào-huyệt, để chống nhau với quan-quân.

Hai toán quân ấy gặp quân Chính-phủ ở xã Tiểu-quan. Hai bên đánh nhau giáp lá-cà. Bên giặc chết mất 100 người.

Được ít lâu, bao nhiêu tàn-quân bên giặc ra hàng cả và nộp 40 khẩu súng. Đề Tinh và Lãnh Điều bị bắt và xử-trảm.

Công việc của đạo binh Tuần-cảnh đến đấy là kết-thúc. Tháng chạp năm 1891, đạo Tuần-cảnh giải-tán.

Giặc đã bình. Tán-Thuật chạy sang Tầu, rồi mất tháng 6 năm 1926. Hai Kế cũng chốn mất. Các tướng-tá đều chết cả; quân giặc ra đầu-hàng đều được trở về làng làm ăn.

Nhờ có đạo binh tuần-tiễu mà miền trung-châu Bắc-kỳ trở nên thái-bình chỉ trong vòng 10 năm, dân-sự tiến-đạt vô cùng.

Đạo binh tuần-tiễu làm vẻ vang cho quan Phụ-chính Hoàng-cao-Khải là người minh-mẫn, có sáng-kiến, có nghị-lực; — vẻ vang cho quan cai-trị Muselier lúc bấy giờ ở trong địa-vị khó-khăn nguy-hiểm; — vẻ vang cho các quan Giám-binh và các viên quản khố-xanh người Pháp đã nêu gương can-đảm và giữ-gìn trật-tự trong khi giao-chiến, để gây nên cuộc hòa-bình là một trang lịch-sử rực-rỡ của ngạch khố-xanh; — vẻ vang cho các quan văn võ và binh-lính An-nam phần nhiều đã bỏ mình nơi chiến địa.

Hiện nay ở tỉnh-lỵ Hưng-yên, có bia-kỷ để kỷ-niệm võ-công của các quan-quân; xin trích-dịch câu đối ra sau.

Đạo Bãi-xậy bãi bỏ và thuộc tỉnh Hưng-yên, có quan Chánh-sứ Muselier cai-trị.

Trại lính khố-xanh bấy giờ có viên Giám-binh Lambert cai-quản, trừ tiệt được tàn-quân bên giặc.

Tướng giặc là Đề Vinh trốn tránh bên Bắc-ninh, ngày 12 avril 1892, bị bắt ở xã Lang-tài gần địa-giới Hưng-yên và cùng bị giết với bảy người bộ-hạ. Trong khi hai bên giao-chiến, viên quản khố-xanh Desmot bị giết và các viên Giám-binh Lambert và Montillon bị thương. Được ít lâu Hai Kế bị bắt và đầy ra Côn-đảo.

Trận này là trận cuối cùng. Từ đấy, trong tỉnh thái-bình, dân-sự được an-nghiệp làm ăn.

Ngày nay, không còn gì là di-tích Bãi-xậy. Bãi-xậy đã biến thành một cánh đồng mênh mông, tốt nhất trong tỉnh Hưng-yên.

Nhà bia dựng gần bờ đê Nhị-hà, giữa tỉnh-lỵ Hưng-yên, Trước mặt, bên kia đường cái, có hai cột bia, khắc bài sau này:

Thử bi-đình lập ư Đồng-khánh nguyên-niên Bính-tuất, tức tây-lịch nhất thiên bát bách bát thập lục niên, đương Hoàng-cao-Khải	此碑亭立於 同慶元年丙戌, 卽 西曆一千八百八 十六年, 當黃高啟

Tướng-công, Tuần-phủ Hưng-yên nhật dã, ký tiễu bình địch làm phỉ, hậu tuần giang khai thị, nông, thương hàm lợi, lại yên nhi thừ nhất phương dân. Tự thị đắc hưởng thăng-bình chi phúc, nhật trăn phú-thịnh giả. Thực lại hữu Đại pháp quốc-gia Bảo-hộ uy-đức minh khắc phật vong, chú chi vu thạch.

相公巡撫興安日睠商一昇盛
也既勦平林莽市而此享富法國
後沒利賴自焉是日有大銘刻
咸方民之福賴威德銘刻
平者寔賴威德銘刻
家保詰威德銘刻
弗忘燾之于石.

Dịch :

Bia này dựng năm Bính-tuất niên-hiệu Đồng-khánh năm đầu (1886) sau khi quan Hoàng-cao-Khải, Tuần-phủ Hưng-yên, đã bình được giặc Bãi-xậy, khơi sông mở chợ, khiến người làm ruộng, kẻ đi buôn, được tiện-lợi Dân một phương riêng hưởng phúc thăng-bình, ngày thêm giầu-thịnh.

Ấy cũng nhờ uy-đức Chính-phủ Bảo-hộ. Ta nên ghi lòng tạc dạ không bao giờ quên.

Vậy khắc bia này kỷ-niệm về sau.

Câu đối

Chung quanh nhà bia, có nhiều câu đối dịch ra sau này:

I

Lịch thất, bát niên, Hải-quốc quan-quân đa chí-tiết;
Khảo trung-liệt ký, Đằng-châu tướng-sĩ hữu kỳ-nhân.

歷七八年海國官軍
多致節
考忠烈記藤洲將士
有其人

Dịch :

Bảy, tám năm đã qua, chết cũng không từ,
đã làm quan-quân người Hải-quốc;
Truyện trung-liệt còn đó, xét ra cho kỹ,
đối khi tướng-sĩ quán Đằng-châu.

II

Báo-quốc tráng-tâm khinh nhật tử, ‖ 報 國 壯 心 輕 一 死
Tiêm cừu di-hận ẩm tam-quân. ‖ 嫌 仇 遺 恨 飲 三 軍

Dịch :

Cái chết coi thường, bởi lòng báo nước,
Ba quân ngậm giận, vì sự ghét thù

III

Hách hách nghiệp nghiệp chân thiên-cổ, ‖ 赫 赫 業 業 震 千 古
Liệt liệt oanh oanh tô nhật trường ‖ 烈 烈 轟 轟 做 一 場

Dịch :

Lẫy lẫy lừng lừng, nghìn thu sợ hãi.
Ầm ầm ã ã, một trận tưng bừng.

IV

Triều-đình trọng toàn-tiết nhi tử nghĩa, ‖ 朝 廷 重 全 節 而 死 義
Chí sĩ hữu sát thân dĩ thành nhân. ‖ 志 士 有 殺 身 以 成 仁

Dịch :

Chôn Triều-đình trọng toàn-tiết, mà chết về việc nghĩa,
Kẻ chí-sĩ bỏ hẳn mình, để được thành người nhân.

V

Đề chưởng sơn-hà tam sích kiếm, ‖ 抵 掌 山 河 三 尺 劍
Tại nhân nhĩ mục ức niên bi ‖ 在 人 耳 目 億 年 碑

Dịch :

Gươm ba thước đến tay, núi sông đã vững.
Bia ức năm dựng trước, tai mắt càng hay.

VI

Hách quyết thanh dương dương tại tả hữu, ‖ 赫 厥 聲 洋 洋 在 左 右
Hạo nhiên khí nhất nhất thùy đan thanh ‖ 浩 然 氣 一 一 垂 丹 青

Dịch :

Tiếng uy-linh, hình như tả hữu,
Người khí-phách, nghi đủ tinh-danh.

Trong nhà bia, có năm phiến bảng đá-hoa, khắc chữ vàng, treo áp vào tường.

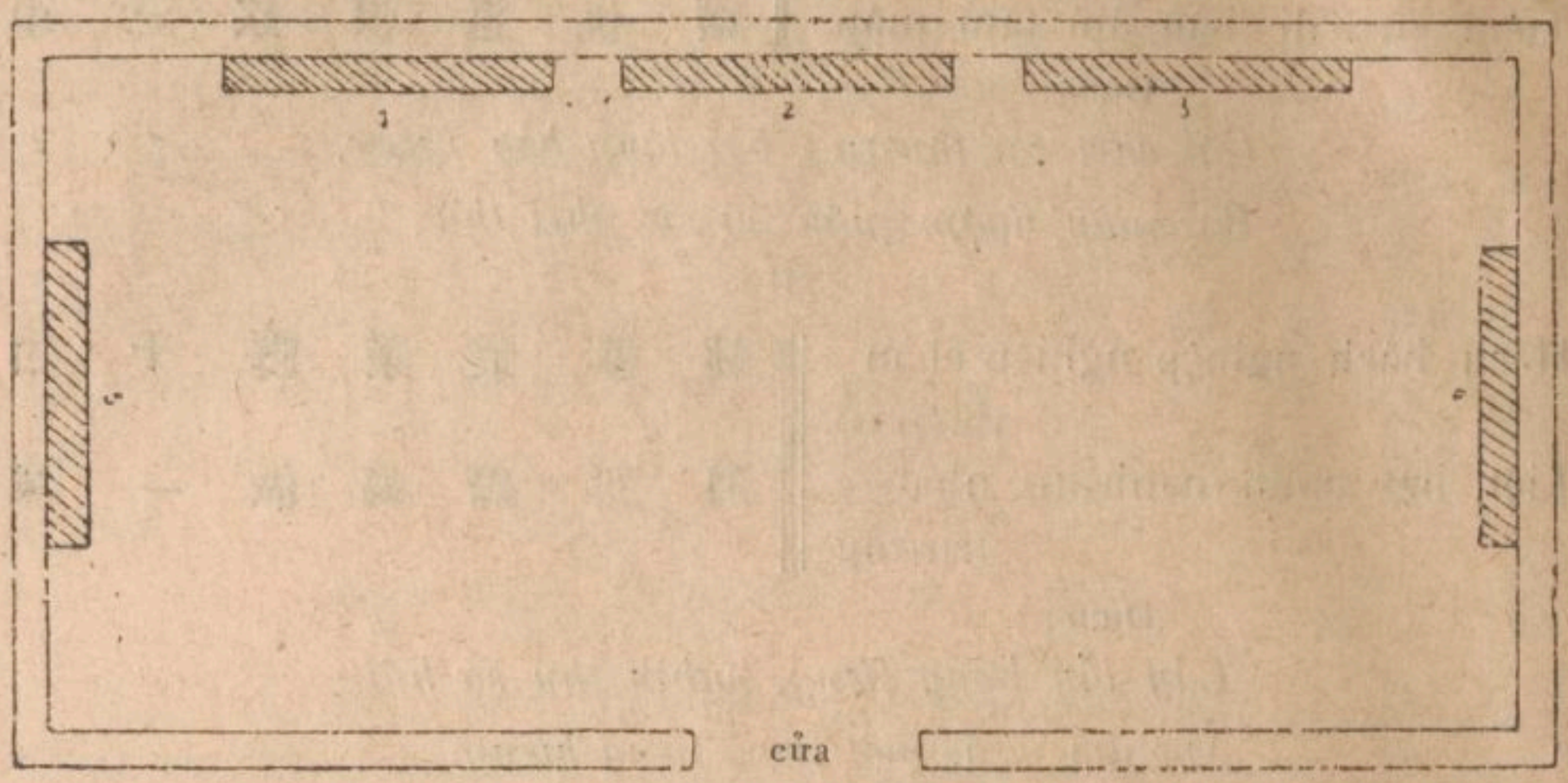

Ở ngoài, trên cửa, có mấy chữ sau này :

Aux gradés français de la Garde Civile
Aux fonctionnaires annamites et aux indigènes de la province
morts pour la cause de l'ordre et de la pacification 1892.

(Kỷ-niệm võ-công, các quan-chức Pháp Nam và dân bản-tỉnh đã quên mình để gây nên cuộc hòa-bình về năm 1892).

BẢNG SỐ 1

GARDE CIVILE *(Ngạch Khố-xanh)*	青袴竒
Đội	隊
Đặng-văn-Diêm du village de Nam-đồng	鄧文閻貫南洞社
Cai et linh	該炤俜
Nguyễn-văn-Đạt du village de Phù-liêu	阮文達貫扶白社
Vũ-văn-Khiêm du village de Bạch-sam	武文謙貫葷杉社
Đào-hữu-Thanh du village de Bạch-sam	陶有聲貫杉白社
Nguyễn-văn-Đính du village de Bình-hà	阮文頂貫河平社
Nguyễn-văn-Ước du village de Đức-triêm	阮文約貫雷德社

Đào-văn-Khoát du village de Yên-tử
Đỗ-văn-Sự du village de Đỗ-nghĩa
Nguyễn-văn-Tát du village de An-xá
Hoàng-văn-Thinh du village de Nhật-tảo
Nguyễn-văn-Đối du village de Thanh-nga
Nguyễn-cao-Tuyên du village de Ninh-tập
Nguyễn-văn-Thắng du village de Yên-phú
Vũ-văn-Thu du village de Kiêm-kỵ
Đào-viết-Nghiên du village de Lực-đáp

社子義舍早娥集富畿搭社社社社社社
安付安日青宰安兼力
貫貫貫員貫貫貫貫貫
文文文文文文文文文
豁事薩聽對宣勝秋硯
陶杜阮阮黃阮阮文文曰

BẢNG SỐ 2

Monument érigé en 1892

par M. **Muselier,** Résident de France à Hưng-yên

d'après les plans établis par M. **Tatin,** Agent des Travaux Publics du Tonkin,

effondré et reconstitué en 1909

F. Cullieret, Résident

Dịch :

Bi-đình dựng năm 1982

do ông **Muselier,** *Công-sứ Hưng-yên*

làm theo kiến-chúc của ông **Tatin,** *thuộc-viên ngạch Công-chính Bắc-kỳ,*

trùng-tu năm 1909

F. Cullieret, Công-sứ.

BẢNG SỐ 3

GARDE CIVILE

(Ngạch Khố-xanh)

Cai et linh

Trần-hữu-Trượng du village de Hưng-nhân
Nguyễn-văn-Thống du village de Cường-nỗ
Lý-văn-Phong du village de Đăng-nghiêm
Nguyễn-văn-Xuân du village de Hải-bào

青 袴 奇

該 伋 俜

社仁努嚴包社
社興彊登海社
員員員員員員
文有杖統封春文
陳阮李阮

Nguyễn-văn-Ước du village de Đông-dô
Nguyễn-văn-Thưởng du village de Ô-mễ
Nguyễn-văn-Cang du village de Lại-khuê
Phạm-văn-Gị du village de Kinh-khê
Nguyễn-văn-Đạt du village de Gia-lập
Vũ-văn-Hợp du village de Đào-xá
Nguyễn-văn-Chức du village de Kệ-châu
Trần-văn-Bổ du village de Nhật-tảo
Mai-tiến-Lý du village de Lang-diêm
Nguyễn-văn-Ước du village de Trình-uyên
Trần-văn-Thông du village de Đồng-thủy

社社社社社社社社社社
都米奎溪腊舍洲早閣社
東烏來涇嘉陶偈日郎社
買買買買買買買買買買
約儐沆易達合緘蒲理約
文文文文文文文文文文
阮阮阮范阮武阮陳枚阮
陳文進文文文通阮陳

BẢNG SỐ 4

De Porto Carrero, Inspecteur de 1ère classe
10 avril 1891
(Đờ Bô-tô Ca-rê-rô, *Giám-binh hạng nhất mất ngày 10 tháng 4 năm 1891*).

Lesage, Inspecteur de 2e classe
27 juin 1891
(Lư-xa-giư, *Giám-binh hạng nhì mất ngày 27 tháng 6 năm 1891*).

Escot, Garde principal de 2e classe
15 juillet 1889
(Éc-cô, *xuất-đội hạng nhì mất ngày 15 tháng 7 năm 1889*).

Desmot, Garde principal de 3e classe
11 avril 1892
(Điệt-mô, *xuất-đội hạng ba mất ngày 11 tháng 4 năm 1892*).

Nguyễn-văn-Hân, Lãnh-binh
16 octobre 1889

Nguyễn-như-Bích, Tri-huyện
4 avril 1890

項罰沒
壹腩迸
鄰進尬
瓶歌詆
蘇宦訝
逋其沒
歐監辭

官沒
兵辭
員訝
隊沒
隊沒
率辭
率辭
率辭
隊沒
隊沒
員訝
員訝

郭糝
郭糝
郭糝
項點尬
項點尬
項點尬
姑甌糝
弐腩迸
三腩迸
謨沒尬
項罰缸

迸慕
郭糝
官訝
沒辭
弐點尬
腩迸
沒
弐腩迸
炸迸慕
領辭
知辭
縣沒
官訝
官訝
郭糝
郭糝
夢慕
文腩迸
阮欽糝
阮眾尬
阮罪尬
如腩迸
璧罰

BẢNG SỐ 5

LÍNH - CƠ

Hiệp - quản

Phạm-văn-Thắng du village de Vạn-an

Đội

Đỗ-hữu-Giản du village de Đại-hữu

Lính - cơ

Bùi-Lâm du village de Phương-trà
Đào-văn-Hạnh du village de Hoan-ái
Phạm-văn-Thoa du village de Tất-viên
Phạm-văn-Hậu du village de Đa-hòa
Nguyễn-văn-Lực du village de Đa-hòa
Phan-văn-Dỵ du village de Kinh-khê
Cao-văn-Hoành du village de Đa-quang
Trần-hữu-Chi du village de Hưng-nhân
Nguyễn-văn-Tích du village de Đỗ-hà
Nguyễn-đức-Đội du village de Thanh-nga
Lê-văn-Ân du village de Vị-dương
Phạm-văn-Tính du village de Xuân-phú
Trần-công-Lộ du village de Tiên-châu
Trần-văn-Vinh du village de Đình-xá
Đào-đức-Hạp du village de Đào-xá
Nguyễn-Trúc du village de Kê-châu
Lê-văn-Khuyến du village de Mạn-trù-châu
Đào-quang-Lượng du village de Thiện-phiến

兵 奇

協 管

范 文 勝 貫 萬 安 社

隊

杜 有 大 貫 簡 有 杜

兵 奇

裴 檄 杏 貫 芳 茶 社
陶 文 錢 貫 歡 愛 社
范 文 厚 貫 滐 閑 社
阮 文 力 貫 多 禾 社
潘 文 潩 貫 多 禾 社
高 有 橫 貫 經 泺 社
陳 文 枝 貫 多 仁 社
阮 德 積 貫 興 河 社
黎 文 隊 貫 杜 娥 社
范 文 恩 貫 青 陽 社
陳 功 性 貫 洞 富 社
陶 交 路 貫 春 洲 社
阮 德 榮 貫 仙 舍 社
黎 竹 洽 貫 丁 洲 社
范 交 勸 貫 隘 厨 社
陳 光 量 貫 慢 片 社

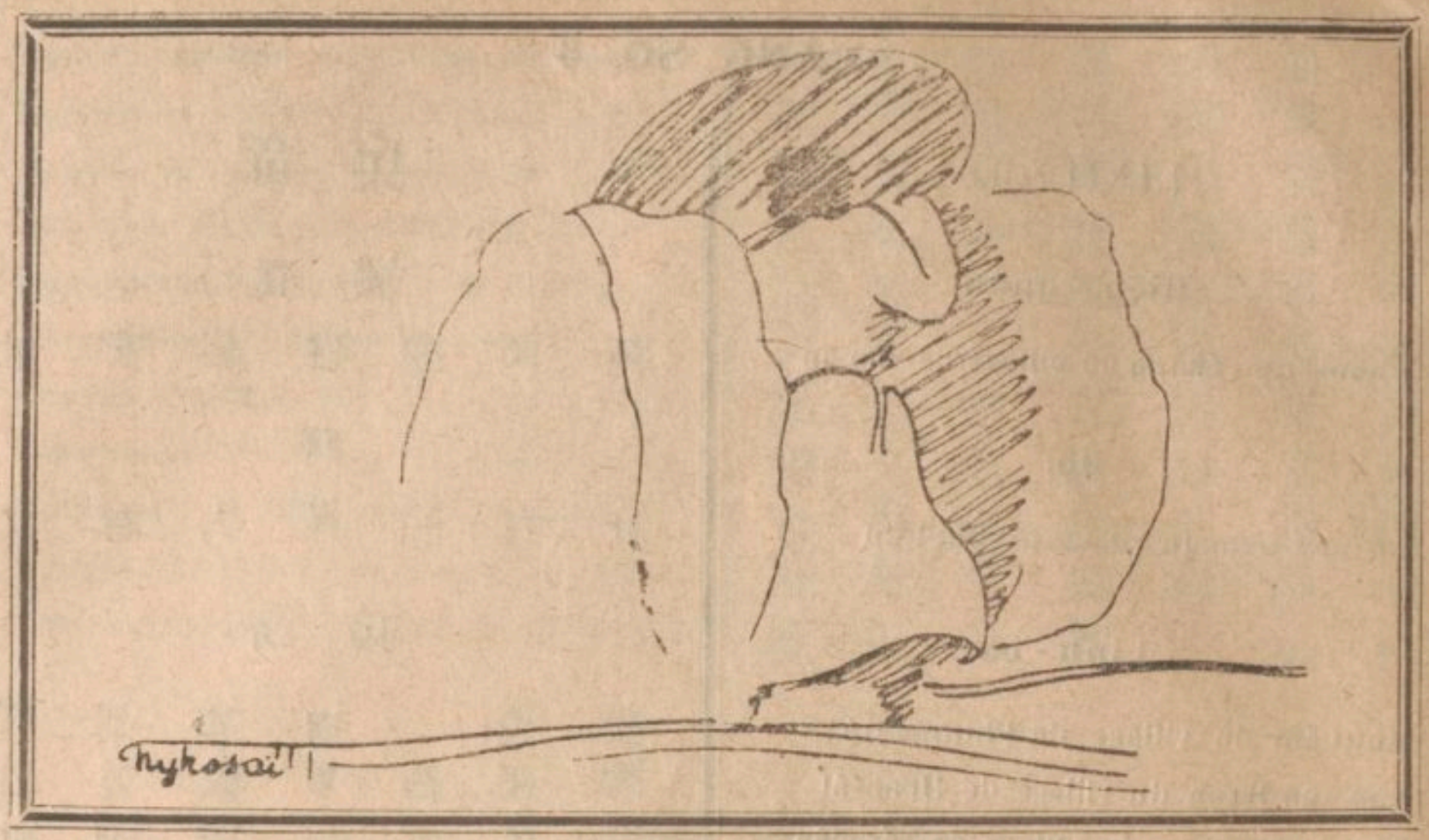

III

HƯNG-YÊN KINH-TẾ

Canh-nông

ỦA màng thường bị thiên-tai phá-hoại (30 lần lụt từ năm 1830 đến 1926), điền-khí và cách-thức giồng giọt hãy còn tối-cổ, nên việc canh-nông tiến-hành rất trậm.

Diện-tích tỉnh Hưng-yên đo được 82.200 mẫu tây (Hectares). Trong số đó, có 77.011 mẫu tây vừa đất giồng mầu, vừa ruộng giồng lúa. Khắp tỉnh, đâu đâu, cũng cấy các thứ lúa. Còn hoa-mầu (ngô, khoai, vừng, lạc, mia, vân vân) giồng theo thổ-chất mỗi vùng.

Lúa. — Tỉnh Hưng-yên có 70.200 mẫu tây ruộng giồng lúa.

Có ba thứ ruộng :

1°) Ruộng vụ tháng năm 10°/₀ ;

2°) Ruộng vụ tháng mười 65°/₀ ;

3°) Ruộng hai mùa 25°/₀.

Ruộng hai mùa thuộc huyện Tiên-lữ, Kim-động, phủ Ân-thi và ở phía đông tỉnh Hưng-yên.

Ở các vùng ấy, đất thấp, có nhiều máng nước mới khơi, có đường khuyến-nông giữ nước cầy cấy và ngăn nước lụt khỏi tràn vào ruộng, nên mùa màng được sung-túc.

Ruộng vụ tháng mười ở phía Bắc và phía Đông tỉnh, trên khu đất cao. Mỗi lần đê Nhị-hà và sông Luộc bị vỡ, nước tràn vào, lại bồi thêm cho vùng này một lượt đất phù-sa, nên địa-thế cao hơn các nơi khác.

Vụ tháng mười không được tốt lắm. Nhờ có sông ngòi mới khơi, nên những ruộng thấp thuộc huyện Tiên-lữ và Phù-cừ không bị úng-thủy và có thể cầy cấy được.

Ruộng vụ tháng năm ở phía Tây-Nam tỉnh, xa đê.

Nông-vụ :

1°) Vụ tháng năm – *a*) Ruộng một mùa : cầy cấy bắt đầu từ tháng chín ta ;

b) Ruộng hai mùa : cầy cấy ngay sau vụ tháng mười, bắt đầu từ tháng một.

2°) Vụ tháng mười – *a*) Ruộng một mùa : cầy tháng ba, gieo mạ tháng tư, cấy tháng năm ;

b) Ruộng hai mùa : cầy và gieo mạ tháng tư, cấy tháng sáu.

Phủ, Huyện	Diện-tích hai thứ ruộng theo mẫu tây	Ruộng một mùa		Ruộng hai mùa	
		Diện-tích (mẫu tây)	Gặt được bao nhiêu thóc	Diện-tích (mẫu tây)	Gặt được bao nhiêu thóc
Huyện Tiên-lữ	8.100 Ha	200 Ha		7.900 Ha	
Phủ Khoái-châu	11.800 Ha	11.700 Ha		100 Ha	
Phủ Ân-thi	11.600 Ha	3.600 Ha		8.000 Ha	
Huyện Yên-mỹ	7.700 Ha	7.500 Ha	Từ	200 Ha	Từ
— Kim-động	10.600 Ha	5.600 Ha	11	5.000 Ha	17 tạ 5
— Mỹ-hào	6.700 Ha	6.700 Ha	đến	»	đến
— Phù-cừ	7.600 Ha	3.100 Ha	12,5	4.500 Ha	13 tạ tây
— Văn-lâm	6.100 Ha	5.800 Ha	tạ tây	300 Ha	
	70.200 Ha	44.200 Ha	11 tạ 5	26.000 Ha	22 tạ tây

Ngô. — Ngô giồng chỗ đất cát cao-ráo, gần các bờ đê có đất phù-sa. Khắp vùng Khoái-châu về phía Tây tỉnh, đều giồng ngô cả. Hạt Tiên-lữ, Yên-mỹ và Kim-động, đất lẫn cát và cao-ráo, giồng ngô rất tốt.

Mỗi năm, tỉnh Hưng-yên có thể xuất-cảng được hơn hai vạn tấn ngô. Nghề giồng ngô cũng lợi cho các nhà nông chẳng kém gì gạo mấy.

Mía. — Có hai thứ mía : mía bầu và mía re.

Mía re thường giồng trên đất phù-sa. Bãi Kẻ-châu và Bồng-châu thuộc huyện Kim-động toàn giồng mía re để kéo mật. Hạt Khoái-châu cũng giồng nhiều mía : tất cả cộng 520 mẫu tây được 3.200 tấn mía.

Tuy vậy, nhưng cũng chỉ đủ dùng trong tỉnh thôi.

Giâu. — Giâu thường giồng dọc sông Nhị-hà và sông Luộc.

Toàn tỉnh có 730 mẫu giâu, Phủ Khoái-châu : 550 mẫu (xã Phú-trạch, Ninh-tập, Mạn-trù). — Huyện Kim-động : 120 mẫu (xã Đức-triêm, Đức-ninh, Nho-lâm, Hạnh-lâm, Bồng-châu, Lai-châu, Mễ-châu). — Huyện Phù-cừ : 50 mẫu (xã La-tiến và xã Trà-dương). — Huyện Tiên-lữ : 10 mẫu.

Lá giâu dùng để nuôi tằm. Hạt Khoái-châu, Phù-cừ và Tiên-lữ có nghề chăn tằm kéo tơ.

Gai. — Hạt Tiên-lữ có giồng gai để bán cho huyện Hưng-nhân (tỉnh Thái-bình) dùng làm chiếu.

Ở phủ Ân-thi, cũng giồng mấy mẫu gai để đan võng.

Bấc. — Hạt Yên-mỹ, có hai mẫu tây giồng bấc, dùng làm bấc đèn dầu ta, và làm ruột gối và khăn xếp.

Chàm. — Hạt Yên-mỹ có năm mẫu giồng chàm, bán được độ 60$00 một năm.

Thầu-dầu. — Dọc sông Nhị-hà, thuộc phủ Khoái-châu và huyện Kim-động, có giồng thầu-dầu để bán làm dầu ta thắp đèn.

Khoai-lang. — Khắp tỉnh, nơi nào cũng giồng khoai-lang để người ăn và nuôi súc-vật. Tất cả có 913 mẫu tây giồng khoai-lang.

Đậu. — Đậu thường giồng sen với ngô. Có hạt Khoái-châu là giồng nhiều đậu hơn cả (7.500 ha), còn các hạt khác chỉ giồng đậu đủ ăn. — Đậu Hòa-lan của người Hòa-lan đem giống sang từ thế-kỷ thứ XVI : có nhiều thứ giồng ở xã Bảo-châu (Tiên-lữ).

Nhãn. — Nhãn Hưng-yên quả vừa to, vừa ngọt. Nhãn Phố-hiến xưa vẫn dùng để tiến vua.

Nhãn Hưng-yên tiêu-thụ trong khắp xứ Bắc-kỳ.

Dân bốn hạt Tiên-lữ, Kim-động, Ân-thi và Phù-cừ nhờ có nhãn mà được sung-túc.

Về việc trị-thủy, biết bao nhiêu nhãn mọc hai bên bờ đê phải đốn chặt. Hiện nay, chỉ còn 3000 cây nhãn ăn quả, trong số ấy, 100 cây

thuộc hạt Ân-thi ; Phù-cừ (300 cây) ; Văn-lâm (700 cây) ; Tiên-lữ (700 cây) ; Kim-động (1.200 cây).

Mỗi cây nhãn chung-bình được 5.000 quả bán được 15$00.

Vừng. — Thường giồng trong hạt Kim-động. Có 44 mẫu tây giồng vừng. Được 80 tấn hạt vừng đủ bán trong tỉnh.

Củ hoàng-tinh. — Hoàng tinh giồng khắp các nơi. Các nhà tư-gia thường lọc lấy bột nấu trẻ.

Sắn. — Vừa đủ dùng trong tỉnh, không tiêu-thu ra ngoài.

Cau và dầu-không. — Chỗ nào cũng có cau, chỉ đủ dùng, không thừa bán ra ngoài. Các xã duyên đê Nhị-hà giồng nhiều dầu-không.

Sen. — Trong các đầm theo dọc đê sông Nhị-hà và sông Luộc, có nhiều sen, hương dùng ướp chè và hột để ăn và làm thuốc

Dưa. — Làng Đình-cao (huyện Phù-cừ) và Liêu-trung (huyện Yên-mỹ giồng nhiều dưa đỏ.

Việc chăn nuôi

Trâu, bò, ngựa, lợn nuôi trong tỉnh không đủ dùng cho việc cầy-bừa và đủ giết thịt. Thường thường vẫn phải mua của các tỉnh khác.

Khắp tỉnh, đâu cũng nuôi, gà, vịt, ngỗng để thịt. Phủ Ân-thi và huyện Phù-cừ nuôi rất nhiều gà Tây và gà Nhật-bản, đem bán ở Hà-nội và Hải-phòng. Xã Ba-đông và Hoàng-tranh (huyện Phù-cừ), xã Đào-dặng (huyện Tiên-lữ) nhờ thế mà phát-đạt.

Thả cá. — Dân xã Ứng-lôi (huyện Tiên-lữ), có nghề thả cá.

Mùa nước lũ, họ vớt trứng cá trôi rạt vào bờ, đem về nhà ấp cho nở. Đến khi cá nhớn bằng ngón tay, họ đem bán lấy tiền hoặc đem thả ở các hồ ao. Mỗi năm, lợi được độ ba trăm bạc cá.

Cá đầm Kênh-khê (phủ Khoái-châu) có tiếng là thịt ngon.

Nuôi tằm. — Xã Phú-trạch và Quan-xuyên (phủ Khoái-châu) nuôi tằm kéo tơ dệt sồi. Sồi đem bán ở Hà-nội.

Xã Mai-xá, Phù-xa, An-chiều và La-tiến cũng chăn tằm, nhưng rất ít

Đồn-điền

Có mấy cái ấp của người Pháp :

1°) Ấp Nhuận-trạch (huyện Văn-lâm) (200 mẫu) của ông Croibier Huguet ;

2°) Ấp Chi-trung (huyện Văn-lâm) của ông Sallée (200 mẫu) ;

3°) Ấp An-khải (phủ Ân-thi) của ông Clémenti (286 mẫu) ;

4°) Ấp Yên-lịch (phủ Khoái-châu) của ông Drouet (171 mẫu) ;

5°) Ấp Lạc-cầu (huyện Yên-mỹ) (52 mẫu) ;

6°) Ấp Yên-xá (huyện Mỹ-hào) (38 mẫu)

Ba cái đồn-điền Đại-ích (của ông Schneider), đồn-điền Yên-bình (của ông Drouet) và đồn-điền Đồng-tảo (của ông Rochard) đều bán lại cho người minh giồng lúa và ngô.

Kỹ-nghệ

Đầu năm 1935, quan Tuần-phủ Nguyễn-hữu-Thư đứng chủ-chương mở phòng chiển-lãm các công-nghệ tại hội-quán hội Hợp-Tế.

Có một lớp dạy làm ren, làm chiếu, đan bị, rệt khăn mặt và làm miến song-thần. Nghề làm miến song-thần tuy mới học, nhưng nếu cố gắng sức, sau này sẽ thu được một mối lợi không phải là nhỏ.

Nghề sơn đồ-đạc và vẽ sơn trên mặt kính đương mở mang. Đồ sơn và kính vẽ đem bầy ở Hội-chợ Hà-nội và Nam-định được nhiều người chú-ý.

Tỉnh Hưng-yên dân-cư đông-đúc, siêng-năng, có nhiều công-nghệ, nhân-công rất khéo, nhưng vì hóa-phẩm chế ra khó đường tiêu-thụ, nên thợ khéo vì đó phải di-cư sang các tỉnh lân-cận, để tỉnh Hưng-yên riêng chịu thiệt-thòi.

Đứng trước tình-cảnh ấy, quan Tuần-phủ Nguyễn-hữu-Thư mở phòng chiển-lãm mục-đích chấn-hưng công-nghệ trong tỉnh Hưng-yên.

Những công-nghệ đương tiến-hành trong hạt Hưng-yên :

Dệt vải ở xã Yên-vỹ, Đa-hòa (phủ Khoái-châu); Duyên-yên, Phương-tòng, Lương-xá (huyện Kim-động); Cao-cương, Linh-hạ, Nội-linh, Phù-phượng, Dụ-chế (huyện Tiên-lữ); Lưu-xá, Mão-cầu (phủ Ân-thi); Sài-trang (huyện Yên-mỹ).

Dệt lụa ở xã Cốc-phong, Cao-quan, Hương-quất, Bằng-nha (Khoái-châu); Đào-xá và Phượng-lâu (Kim-động).

Dệt sồi ở xã Phú-trạch và Quan xuyên (Khoái-châu).

Làm quạt giấy ở xã Hải-yến (Tiên-lữ) và Đào-xá (Ân-thi).

Làm gạch, ngói và nung vôi ở xã Mai-viên, Đức-triêm, Đức-ninh (Kim-động); riêng một xã Đạo-khê (Yên-mỹ) có sáu lò vôi, đá vôi lấy ở Đông-triều (Hải-dương).

Làm quạt lông ở phố Bắc-hòa, xã Hải-yến (Tiên-lữ).
Làm bừa ở Vân-dương (huyện Mỹ-hào); Vân-phương (huyện Tiên-lữ).
Làm gối bằng bắc ở Đông-la, Xuân lai, Đạo-khê (Yên-mỹ).
Làm đường và mật ở Trung-đạo (Yên-mỹ); Bồng-châu (Kim động).
Làm bột gạo ở xã Lương-điền (Kim-động).
Làm hương ở xã Đông-lỗ (Kim động).
Đan cót ở Thụy-lôi (Tiên-lữ).
Đan võng ở Trung-lập (Mỹ-hào).
Đan thuyền ở Nội-viên (Tiên-lữ).
Đan lưới ở Đỗ-thượng (Ân-thi).
Đúc nồi đồng ở Đông-mai và Lộng-đình (huyện Văn-lâm)

Trong các kỹ-nghệ ấy, chỉ có nghề đúc nồi đồng là phát đạt hơn cả. Nồi đồng đem bán ở Hà-nội và Hải-phòng rất nhiều.

Mỏ

Tỉnh Hưng-yên không có mỏ.

Thương-mại

I. — Thông - thương với ngoài

Kỹ-nghệ sản-xuất rất ít, Trừ ít nồi đồng, ít quạt đem bán ra các tỉnh ngoài, còn chỉ đủ dùng, Mỗi năm xuất-cảng thóc, gạo, ngô, đậu rất nhiều.

Việc buôn bán thóc, gạo, ngô, đậu thường thịnh-thành ở những nơi tiện đường bộ, đường thủy (sông Nhị-hà, sông Luộc, sông Lực-điền), hay đường hỏa - xa (Văn-lâm). — Cứ hàng năm, Ta và Tầu thi nhau cân ngô, gạo ở Lạc-đạo (Văn-lâm), Nghi-xuyên và Phú-thị (Khoái-châu), Thụy-lôi và Hải-yến (Tiên-lữ), chở đi Hà-nội và Hải-phòng.

Bến Thụy-lôi có nhiều hiệu to của Khách và Ta buôn bán rất xầm-uất. Chợ trâu ở hạt Khoái-châu và Kim-động rất thịnh-vượng.

Ở tỉnh-lỵ Hưng-yên, việc buôn bán không được phát-đạt. Bến Hưng-yên, có cát nổi giữa sông không tiện vận-tải hàng-hóa ; vả từ ngày có ô-tô Hà-nội — Hưng-yên, đi lại vừa rẻ tiền, vừa nhanh chóng, nên nhiều nhà thường về Hà-nội mua đủ đồ dùng hàng tháng.

Thóc, gạo, ngô, thường chở đi Hải-phòng, Nam-định, Hà-nội theo các lối sau này :

1°) *Khoái-châu* : Hai bến trên sông Nhị-hà : Nghi-xuyên và Phú-thị.

2°) *Tiên-lữ* : Bến Thụy-lôi trên sông Luộc.

3°) *Yên-mỹ* : *a*) Sông Lực-điền. Thuyền đi ngược lên Kẻ-sặt. Có nhiều thuyền mành chở nước-nắm, đồ bằng đất ở Mon-cay lại ; — *b*) Đường ô-tô Hà-nội — Hưng-yên.

4°) *Phù-cừ* : Bến Võng-phan trên sông Luộc.

5°) *Văn-lâm* : Ga Lạc-đạo ; — đường ô-tô Hà-nội — Hưng-yên (chợ Đường-cái).

Mỗi năm cả tỉnh xuất-cảng trung-bình được :

Tiên-lữ	2.000 tấn
Kim-động	2.000 tấn
Văn-lâm . . .	6.000 tấn
Yên-mỹ	3.000 tấn
Mỹ-hào.	2.000 tấn
Tổng cộng . . .	15.000 tấn ngũ-cốc.

II. — Thương-mại ở trong tỉnh

Chợ thường họp cạnh đường quan-báo ; dọc đường hỏa-xa (hạt Văn-lâm) ; hoặc dọc sông Nhị-hà, sông Luộc, sông Lực-điền.

Trong tỉnh có các chợ sau này, rất tiện cho việc giao-dịch :

TÊN CHỢ	THUỘC XÃ NÀO	NGÀY PHIÊN CHỢ (Theo âm-lịch)
	Phủ Ân-thi	
Chợ Thi	Ân-thi	2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30.
Chợ Đìa	Nam-trì	3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29.
Chợ Mới	Thổ-hoàng	1, 4, 7, 11, 14, 17, 21, 24, 27.
Chợ Đọ	Đỗ-thượng	2, 5, 8, 12, 15, 18, 22, 25, 28, 30.
Chợ Rồi	Văn-nhuệ	1, 3, 6, 9, 11, 13, 16, 19, 21, 23, 26, 29
Chợ Đầu	Bình-lăng	4, 7, 10, 14, 17, 20, 24, 27, 30.
Chợ Lão	Mão-cầu	1, 4, 8, 11, 14, 18, 21, 24, 28.
Chợ Mát	Nhân-la-lương	3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29.
	Phủ Khoái-châu	
Chợ Phủ	Yên-vỹ	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Phú-thị	Phú-thị	2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30.
Chợ Giàn	Sài-thị	1, 6, 11, 16, 21, 26.
Chợ Bái	Bối-khê	2, 7, 12, 17, 22, 27.
Chợ Hang	Thọ-nham	3, 5, 7, 10, 23, 25.
Chợ An-lạc	An-lạc	3, 8, 13, 18, 23, 28.
Chợ Nội	Nhuế-dương	4, 9, 14, 19, 24, 29.
	Huyện Tiên-lữ	
Chợ Suối	Thụy-lôi	4, 9, 14, 19, 24, 29.
Chợ Hới	Hải-yến	1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 30.
Chợ Đầu	Đào-dặng	2, 8, 12, 18, 22, 28.
Chợ Điềm	Điềm-xá	5, 10, 15, 20, 25, 30.
Chợ Ché	Dụ-chế	Ngày nào cũng họp.
Chợ Vương	Tiên-xá	4, 9, 14, 19, 24, 29.
Chợ Chùa	Cao-cương	3, 5, 7, 13, 15, 17, 23, 25, 27.
Chợ Nhài	Giai-lệ	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30.
Chợ Ba-hàng	Tiên-phương	Ngày nào cũng họp.
Chợ Cống-vân	Vân-phương	Ngày nào cũng họp.
Chợ Vỵ	Phương-chiểu	Ngày nào cũng họp.

TÊN CHỢ	THUỘC XÃ NÀO	NGÀY PHIÊN CHỢ (Theo âm-lịch)
	Huyện Phù-cừ	
Chợ Phướn	Võng-phan	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
Chợ Đình-cao	Đình-cao	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Tứa	Trần-xá	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
Chợ Chàng	Phú-mỹ	5, 10, 15, 20, 25, 30.
Chợ Đông-cáp	Đông-cáp	1, 3, 7, 11, 13, 17, 21, 23, 27.
Chợ Tranh	Quế-lâm	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Trà-bồ	Trà-bồ	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ La	La-tiến	Ngày nào cũng họp.
Chợ Nhật-lệ	Nhật-lệ	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
	Huyện Yên-mỹ	
Chợ Lưu	Nghĩa-trang	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
Chợ Bình-phú	Bình-phú	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Trung	Liêu-trung	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Chùa	Cảnh-lâm	2, 6, 12, 16, 22, 26.
Chợ Đọ	Sài-trang	1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 16, 18, 20, 21, 23, 25, 26, 28, 30.
Chợ Bàn-cụ	Yên-phú	3, 8, 13, 18, 23, 28.
	Huyện Mỹ-hào	
Chợ Bần	Bần-yên-nhân	5, 10, 15, 20, 25, 30.
Chợ Thứa	Dị-sử	3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 28.
Chợ Bạc	Bạch-sam	1, 4, 6, 11, 14, 16, 21, 24, 26.
Chợ Giậm	Cẩm-quan	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
	Huyện Kim-động	
Chợ Bồng	Lai-hạ-trung	Một tháng sáu phiên.
Chợ Giốc-lã	Đông-lỗ	Một tháng sáu phiên.
Chợ Gò	Thanh-cù	Một tháng sáu phiên.
Chợ Duyên-yên	Duyên-yên	Ngày nào cũng họp.
Chợ Vĩnh-đồng	Vĩnh đồng	1, 3, 5, 8, 11, 13, 15, 18, 21, 23, 25, 28.
Chợ Bình-hồ	Bình-hồ	1, 4, 7, 11, 14, 17, 21, 24, 27.
Chợ Phúc-lễ	Phúc-lễ	3, 7, 13, 17, 23, 27.
Chợ Ngàng	Bằng-ngang	Một tháng 18 phiên.
Chợ Trương-xá	Trương-xá	Một tháng 12 phiên.
Chợ Chiền	Bình-cầu	Một tháng chín phiên.
Chợ Trâu	Xích-đằng	Một tháng sáu phiên.
Chợ Tỉnh	Hưng-yên	Một tháng 12 phiên.

TÊN CHỢ	THUỘC XÃ NÀO	NGÀY PHIÊN CHỢ (Theo âm-lịch)
	Huyện Văn-lâm	
Chợ Đậu	Lạc-đạo	Một tháng 12 phiên.
Chợ Đường-cái	Nhạc-lộc và Ôn-xá	Nhạc-lộc họp ngày lẻ và Ôn-xá ngày chẵn.
Chợ Đống-mối	Cát-lư	Mỗi tháng 12 phiên : ngày 2, 4, 7, 9.
Chợ Ghênh	Như-quỳnh	—
Chợ Hè	Đông-mai	12 phiên : ngày 3, 5, 8, 10.
Chợ Nôm	Đại-đồng	12 phiên : ngày 1, 4, 6, 9.
Chợ Lạng	Hương-lãng	—

Trong các chợ nhà quê đã kể trên, thường bán các thứ ngũ cốc: thóc, gạo, đậu, vân vân . . ; các súc-mục: trâu, bò, ngựa, lợn. . . ; các đồ thực-vật : nước - mắm, muối, thịt, cá, vân vân . . . . ; các dụng - cụ : trài lưới, điền-khí, v. v..

Chợ họp theo dọc đường sau này:

ĐƯỜNG QUA NHỮNG XÃ NÀO	TÊN CHỢ	NGÀY PHIÊN CHỢ	GIỜ HỌP CHỢ	HÓA-VẬT BÁN TRONG CHỢ
	I.— Đường thuộc-địa số 5 Hà-nội đi Hải-phòng từ km 17+500 đến km 40 thuộc địa-phận Hưng-yên (đường giải dựa)			
Như-quỳnh (huyện Văn-lâm) Km 19+400	Chợ Ghênh	2, 5, 7, 10.	12 giờ	Thực-phẩm
Ôn-xá (huyện Văn-lâm) Km 22+500	Chợ Đường-cái	2, 4, 6, 8, 10.	—	—
Nhạc-lộc (huyện Văn-lâm) Km 22+500		1, 3, 5, 7, 9.	—	—
Bần-yên-nhân (huyện Mỹ-hào) Km 27	Chợ Bần	5, 10, 15, 20, 25, 30.	8 giờ sáng đến 5 giờ chiều	Trâu, bò, gà, vịt, chim, thịt, rau, lụa,
Dị-sử (huyện Mỹ-hào) Km 33+200	Chợ Thứa	3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 28.	9 giờ sáng đến 3 giờ chiều	Gà, vịt, quả, rau, cá.
Bạch-sam (huyện Mỹ-hào) Km 35	Chợ Bạc	4, 6, 9, 14, 16, 19, 24, 26, 29.	9 giờ sáng đến 2 giờ chiều	Thịt, rau, hoa, quả.
	II.— Đường hàng tỉnh số 39 Hưng-yên đi Văn-nhuệ (Phố-nối) từ km 0 đến km 36 (đường giải dựa)			
Bằng-ngang (huyện Kim-động) Km 11+200	Chợ Ngảng	1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 15.	11 giờ	Thịt, cá, thóc, gạo, rau, chim, gà, vịt, ngũ-cốc.
Trương-xá (huyện Kim-động) Km 17	Chợ Trương	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30.	12 giờ	Chim, gà, vịt, thịt, cá, gạo, thóc, ngũ-cốc, rau.
Yên-lạc (phủ Khoái-châu) Km 22+300	Chợ mới Yên-lạc	Ngày 2, 5, 7, 8, (mỗi tháng 12 phiên)	10 giờ	Thóc, gạo, thịt, rau.
Yên-lịch (phủ Khoái-châu) Km 24+400	Chợ Phủ	Ngày 1, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10 (mỗi tháng 24 phiên)	9 giờ	Thóc, gạo, rau, thịt, (ngày 1 ngày 6, có trâu, bò)
Nghĩa-trang (huyện Yên-mỹ) Km 29+200	Chợ Lưu	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.	9 giờ sáng đến 2 giờ chiều	Gà, vịt, chim, lợn, cá, thịt, gạo, vải.
Sài-trang (huyện Yên-mỹ) Km 30	Chợ Đọ	1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 16, 18, 20, 21, 23, 25, 26, 28.	9 giờ sáng đến 1 giờ trưa	—
Liêu-trung (huyện Yên-mỹ) Km 33+800	Chợ Trung	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.	—	—

ĐƯỜNG QUA NHỮNG XÃ NÀO	TÊN CHỢ	NGÀY PHIÊN CHỢ	GIỜ HỌP CHỢ	HÓA - VẬT BÁN TRONG CHỢ
III. — Đường hàng tỉnh số 39 Hưng-yên đi Thiện-phiến (từ km 0 đến km 7+500) (đường lát đá, giải dựa)				
Tiên-phương (huyện Tiên - lữ) Km 3+500	Chợ Đình-lờ hay Ba-hàng	Ngày nào cũng họp	8 giờ	Thực-phẩm, thóc, gạo
Vân-phương (huyện Tiên-lữ) Km 4	Chợ Cống-vân	3, 5, 7, 10, 13, 15, 17, 20, 23, 25, 27, 30.	—	—
Phương-chiểu (huyện Tiên-lữ) Km 4	Chợ Vy	—	—	—
IV. — Đường số 39 Hải-dương đi Hưng-yên, từ Phú-mỹ đến An-tảo (km 29 đến km 45) (5 km 400 giải đá. 11 km 600 đường đất).				
Phú-mỹ (huyện Phù - cừ) Km 29	Chợ Chàng	5, 10, 15, 20, 25, 30.	9 giờ	Thóc, gạo
Trần-xá (huyện Phù - cừ) Km 30+500	Chợ Tửa	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.	—	—
Cao-xá (huyện Phù-cừ) Km 31	Chợ Cao-xá	5, 10, 15, 20, 25, 30.	—	—
Đào-đặng (huyện Kim-động) Km 43+200	Chợ Đầu	2, 8, 12, 18, 22, 28.	8 giờ	—
V. — Đường số 200 : Hải-yến đi Cảnh-lâm (km 0+500 đến km 24+500) (24 km đường đất)				
Hải-yến (huyện Tiên-lữ) Km 0+500	Chợ Hới	1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 16,17, 18, 20, 21, 22, 23, 25,26, 27, 28,30.	8 giờ	Thóc, gạo và thực-phẩm
Dy-chế (huyện Tiên - lữ) Km 3+700	Chợ Ché	Ngày nào cũng họp	—	Thóc, gạo.
Tiên-xá (huyện Tiên-lữ) Km 5+400	Chợ Vương	4, 9, 14, 19, 24, 29.	—	—
Ân-thi (phủ Ân-thi) Km 9+800	Chợ Thi	2, 5, 7, 10.	9 giờ	Thóc, gạo, ngô, khoai, thịt, cá, lợn, gà, vịt, chim, vải
Mão-cầu (phủ Ân-thi) Km 13+300	Chợ Lão	1, 4, 8.	—	—
Cảnh lâm (huyện Yên-mỹ) Km 24+500	Chợ Chùa	2, 6, 12, 16, 22, 26.	9 giờ sáng đến 1 giờ trưa	—

ĐƯỜNG QUA NHỮNG XÃ NÀO	TÊN CHỢ	NGÀY PHIÊN CHỢ	GIỜ HỌP CHỢ	HÓA-VẬT BÁN TRONG CHỢ
	VI. — Đường số 202 Thụy-lôi đi Phù-cừ (từ km 0 đến km 8+200) (đường giải đá)			
Thụy-lôi (huyện Tiên-lữ) Km 0	Chợ Suối (To nhất trong hạt Tiên-lữ	4, 9, 14, 19, 24, 29.	9 giờ	Thịt, cá, gà, vịt, chim, thực-phẩm
Giai-lệ (huyện Tiên - lữ) Km 4+500	Chợ Nhài	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25 28, 30.	8 giờ	Thóc, gạo, thực-phẩm
Đình-cao (huyện Phù - cừ) Km 7+800	Chợ Cao	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.	9 giờ	Thóc, gạo,
	VII. — Đường số 203 Vông-phan đi Cao-xá (từ km 0 đến km 11 + 400) (đường đất)			
Điềm-xá (huyện Tiên - lữ) Km 2	Chợ Điềm	5, 10, 15, 20, 25, 30.	8 giờ	Thóc, gạo, thực-phẩm
Đình-cao (huyện Phù - cừ) Km 7+800	Chợ Cao	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, 30	9 giờ	Thóc, gạo
Cao-xá (huyện Phù - cừ) Km 11+400	Chợ Cao-xá	5, 10, 15, 20, 25, 30.	9 giờ	Thóc, gạo
	VIII. — Đường đê An-cầu đi La-tiến (từ km 14+400 đến km 18) (đường đất)			
La-tiến (huyện Phù - cừ) Km 18	Chợ La	Ngày nào cũng họp	9 giờ	Thóc, gạo, ngô, khoai, đậu
	IX. — Đường số 38 Trương xá đi Sa-lung (từ km 0 đến km 18) (đường giải đá)			
Trương-xá huyện Kim-động) Km 0	Chợ Trương	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30.	12 giờ	Thóc, gạo, ngô, khoai, đậu, vừng, lạc, gà, vịt, chim
Nam-tri (phủ Ân-thi) Km 2+700	Chợ Dia	3, 6, 9.	9 giờ	Thực-phẩm
Thổ-hoàng-quanh (phủ Ân-thi) Km 4+400	Chợ Mới	1, 4, 7.	9 giờ	—
Đỗ-xá-thượng (phủ Ân-thi) Km 18	Chợ Đọ	2, 5, 8, 10.	9 giờ	—

ĐƯỜNG QUA NHỮNG XÃ NÀO	TÊN CHỢ	NGÀY PHIÊN CHỢ	GIỜ HỌP CHỢ	HÓA - VẬT BÁN TRONG CHỢ
	X. — Đường số 204 Hoàng-vân đi Kênh-khê (km 0 đến km 6+100) (đường giải đá).			
Hoàng-vân-ngoại (phủ Khoái-châu) Km 0+200	Chợ Lác	Ngày 1, 3, 4, 6, 7, 9 (mỗi tháng 18 phiên)	10 giờ	Thóc, gạo, thịt, rau.
	XI. — Đường số 205 Tiểu-quan đi Đông-tảo (km 0 đến km 9+050) : (2 km 500 đường đá ; 6 km 550 đường đất)			
Yên-vỹ (phủ Khoái-châu) Km 3+500	Chợ Phủ	Ngày 1, 3, 4. 5, 6, 8, 9, 10 (mỗi tháng 24 phiên)	9 giờ	Thóc, gạo, thịt, rau, củi. (ngày 1, ngày 6, có trâu, bò)
	XII. — Đường số 206 Thọ-bình đi Đông-kết (km 0 đến km 8) (đường đất).			
Đông-kết (phủ Khoái-châu Km 8	Chợ Bái	Ngày 2, 7 (mỗi tháng 6 phiên)	10 giờ	Lợn, gà, vịt, gạo, rau.
	XIII. — Đường số 204. 206, 207 (đường đất) Yên-lịch đi Hòa-bình (km 0 đến km 11+200).			
Bình-phú (huyện Yên-mỹ) Km 4+500	Chợ Bình-phú	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.	9 giờ sáng đến 2 giờ chiều	Lợn, gà, vịt, gạo, thóc, lụa, cá, thịt, rau.
	XIV. — Đường số 206 Bần-yên-nhân đi Ngân-hạnh (km 0 đến km 8).			
Bần-yên-nhân (huyện Mỹ - hào) Km 0	Chợ Bần	5, 15, 25, 10, 20, 30.	8 giờ sáng đến 5 giờ chiều	Trâu, bò, chó, lợn, gà, vịt, chim, thịt, rau.

ĐƯỜNG QUA NHỮNG XÃ NÀO	TÊN CHỢ	NGÀY PHIÊN CHỢ	GIỜ HỌP CHỢ	HÓA-VẬT BÁN TRONG CHỢ.
	XV. — Đường số 19 Như-quỳnh đi Lương-tài dọc đường hỏa-xa (km 0 đến km 16+500).			
Lạc-đạo (huyện Văn-lâm) Km 5+500	Chợ Lạc-đạo	Ngày 3, 6, 8, (mỗi tháng 9 phiên)	12 giờ	Thực-phẩm
Lương-tài (huyện Văn-lâm) Km 16+500	Chợ Lương-tài	2, 5, 7	—	—
	XVI. — Đường số 196 Văn-nhuế đi Lộng-đình (km 0 đến km 8) (đường-đất).			
Văn-nhuế (huyện Mỹ-hào) Km 0	Chợ Rồi	Ngày 1, 3, 6, 9 (mỗi tháng 9 phiên)	9 giờ	Thực-phẩm
Hương-lãng (huyện Văn-lâm) Km 4	Chợ Hương-lãng	Ngày 1, 6 (mỗi tháng 6 phiên)	12 giờ	—
Đông-mai (huyện Văn-lâm) Km 7+400	Chợ Đông-mai	3, 5, 8, 10.	—	Đồ đồng
	XVII. — Đê Nhị-hà (tả-ngạn) Hưng-yên đi Phú-trạch (ô-tô đi lại được trong bố mùa) (km 0 đến km 40) (6 km đường đất và 34 km đường đá).			
Đông-lỗ (huyện Kim-động) Km 6+500	Chợ Giốc-lã	4, 9, 14, 19, 24, 29	10 giờ	Thực-phẩm tạp-hóa
Thanh-cù (huyện Kim-động) Km 10	Chợ Gò	—	11 giờ	Lợn, chó, chim, gà, vịt, thực-phẩm
Lai-hạ-trung (huyện Kim-động) Km 13	Chợ Bông	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30,	—	Thực-phẩm và tạp-hóa
Đông-kết (phủ Khoái-châu) Km 27+500	Chợ Bái	Ngày 2, 7 (mỗi tháng 6 phiên)	10 giờ	Lợn, gà, vịt, thóc, gạo, rau,
Phú-thị (phủ Khoái-châu) Km 38	Chợ Mễ	—	12 giờ	Gỗ, tre, chim, gà, vịt, thóc, gạo, rau

Đường giao-thông

Tỉnh Hưng-yên có nhiều đường giao thông : đường bộ và đường thủy.

Đường-bộ, có ô-tô chạy từ Hà-nội xuống Hưng-yên, và xe-hỏa qua hạt Văn-lâm, chở hành-khách và hàng-hóa.

Đường thủy, có tầu chạy từ Hà-nội đến Nam-định, (đỗ ở các bến Mễ-sở, Vườn-chuối, Quan xuyên, Yên-cảnh, Bông, Ngọc-đồng và Hưng-yên ; — Nam-định đi Hải-phòng đỗ ở bến Thụy-lôi, Hải-yến, Thiện-phiến (Tiên-lữ), La-tiến (Phù-cừ).

I. — Đường bộ

Mặt bộ có nhiều đường giao-thông đi từ Hưng-yên sang các tỉnh lân-cận :

1° — đường Hưng-yên đi Hải-dương, qua huyện Mỹ-hào : 55 cây số;

2° — đường Hưng-yên đi Thái-bình : 47 cây số ;

3° — đường Hưng-yên đi Phủ-lý, qua huyện Duy-tiên ;

4° — đường Hưng-yên đi Hà-nội :

a) qua Bần-yên-nhân và Đình-dù (65 km) có ô-tô vận-tải ;

b) qua Đồng-văn : sang phà Hưng-yên, đi xe tay đến ga Đồng-văn, từ Đồng-văn đến Hà-nội có xe hỏa.

Trong hạt Hưng-yên, có các đường bộ sau này :

Đường hàng tỉnh số 19 Như-quỳnh đi Nhật-tảo dài 16 km (đường đất) ;

— 38 Trương-xá đi Sa-lung dài 15^{km}800 (đường đá) ;

— 39 An-tảo đi Phú-mỹ dài 21 km (9^{km}400 giải đá ; 11^{km}600 đường đất) ;

— 196 Văn-nhuế đi Lộng-đình dài 9 km (đường đất) ;

— 198 Đô-mỹ đi Xuân-đào dài 15 km —

— 199 Thiết-trụ đi Sa-lung, dài 26 km —

— 200 Hải-yến đi Cảnh-lâm, dài 24 km —

— 201 Sĩ-quý đi Phú-mỹ dài 10 km —

— 202 Tiên-lữ đi Phù-cừ dài 7^{km}500 (đường đá) ;

— 202 Phù-cừ đi La-tiến dài 7^{km}500 (đường đất) ;

— 203 Võng-phan đi Cao-xá, dài 10 km —

— 204 Kênh-khê đi Bô-thời dài 6^{km}200 (đường đá) ;

— 204 Yên-lịch đi Thọ-bình dài 2 km (đường đất) ;

— 205 Tiểu-quan đi Khoái-châu dài 2^{km}500 (đường đá) ;

— 205 Khoái-châu đi Đại-hạnh dài 8^{km}500 (đường đất) ;

— 206 Đông-kết đi Bần-yên-nhân dài 21^{km}300 (đường đất) ;

— 206 Bần-yên-nhân đi Văn-lâm dài 5 km (đường đá) ;

— 207 Đại-hạnh đi Hòa-bình dài 4^{km}500 (đường đất) ;

— 39 Văn-nhuế đi An-vũ dài 34^{km}800 (giải dựa) ;

— 39 An-vũ đi Thiện-phiến dài 6^{km}400 —

Đường thuộc-địa số 5 Như-quỳnh đi Thịnh-vạn dài 22 km (giải dựa).

Đê Nhị-hà dài 45 km (39 km lát đá, 6 km đường đất) (từ Phú-trạch đến Phương-trà).

Đê sông Luộc từ Phương-trà đến Cự-phú dài 21 km (7 km lát đá, 14 km đường đất).

Từ tỉnh-lỵ Hưng-yên đến các tỉnh xứ Bắc-kỳ xa cách bao nhiêu cây số :

TỈNH	QUA NƠI NÀO	BAO NHIÊU CÂY-SỐ
Bắc-kạn	Gia-lâm	217
Bắc-ninh	—	83
Cao-bằng	—	346
Chapa	Hà-nội	397
Đồ-sơn	Văn-nhuế (Phố-nối)	131
Hà-đông	Hà-nội	75
Hà-giang	Gia-lâm	402
Hải-dương	Văn-nhuế	63
Hải-phòng	—	111
Hà-nội	—	64
Hòa-bình	Hà-nội	139
Hongay	Văn-nhuế và Hải-phòng	168
Kiến-an	Văn-nhuế	98
Lai-châu	Hà-nội	564
Lạng-sơn	Gia-lâm	210
Lao-kay	Hà-nội	360
Moncay	Gia-lâm	376
Nam-định	Bến Hưng-yên	58
Ninh-bình	Bến Hưng-yên và Nam-định	91
Phúc-yên	Gia-lâm	98
Phủ-lạng-thương	—	103
Phủ-lý	Bến Hưng-yên	27
Phú-thọ	Gia-lâm	153
Quảng-yên	Văn-nhuế và Hải-phòng	132
Sơn-la	Hà-nội	374
Sơn-tây	Hà-nội	105
Tam-đảo	Gia-lâm	138
Thái-bình	Bến Thiện-phiến	48
Thái-nguyên	Gia-lâm	129
Tuyên-quang	—	217
Vĩnh-yên	—	116
Yên-bay	Hà-nội	220

Đường Hưng-yên đi Đình-dù

Đình-dù là ga xe-hỏa đường Hà-nội — Hải-phòng thuộc hạt Văn-lâm.

Cách 7 cây số đến đồn Bần-yên-nhân thuộc huyện Mỹ-hào. Ở đấy có chợ, vùng ấy tục gọi là Bãi-sậy.

Đến km thứ 10, tức là Phố-nối : một đường thẳng xuống Hải-phòng, một đường rẽ sang phía Nam về Hưng-yên.

Đến km thứ 16, là xã Sài-trang, huyện-lỵ Yên-mỹ.

Đến km thứ 24, là Bô-thời, về bên tay phải, có đường rẽ sang phủ Khoái-châu.

Đến km 36, là xã Bằng-ngang, huyện-lỵ Kim-động.

Đến km 46, tới tỉnh-lỵ Hưng-yên.

Đường Hỏa-xa

Phía Bắc tỉnh Hưng-yên, có 20 km đường hỏa-xa Hà nội – Hải-phòng chạy qua. Đường này chỉ tiện-lợi về vụ gặt để vận-tải thóc, gạo, ngô, khoai, đậu. Ngoài ra cũng không còn ích gì hơn nữa, vì đường này cách tỉnh-lỵ những 45 cây số.

II. — Đường thủy

Đường thủy, có sông Nhị-hà và sông Luộc, ngày nào cũng có tầu, Hà-nội, Hải-phòng và Nam-định chạy qua Hưng-yên và Thụy-lôi.

Đường Hà-nội đi Nam-định qua Hưng-yên

Cách Hà-nội, độ 10 cây số là địa-phận xã Bát-tràng (thuộc tỉnh Bắc-ninh), làm đồ sứ.

Km 28 : xã Mạn-trù, phủ Khoái-châu (Hưng-yên), xưa ta đuổi giặc Nguyên ở đấy.

Km 42 : bãi Bồng-châu, giồng nhiều mía.
Km 46 : làng Phượng-lâu (huyện Kim động) giệt lụa.
Km 56 : bến Hưng-yên.
Km 59 : tay phải có sông Phủ-lý, chia địa-phận Hà-đông và Hà-nam.
Km 70 : sông Luộc phân địa-giới tỉnh Hưng-yên và Thái-bình.
Km 73 : tả-ngạn là làng Thái-dương, có lăng vua nhà Trần.
Km 102 : Nam-định.

Bến đò

Dọc sông Nhị-hà

Phà	Phú-thị (cách bến Phú-thị 500 thước tây, có pháo-đài sây từ năm 1906, tới nay hãy còn di-tích).	phủ Khoái-châu
Phà	Mạn-xuyên	
—	Phù-xa	
—	Nghi-xuyên	
—	Nhuế-dương	
—	Đức-ninh	huyện Kim-động
—	Duyên-yên	
—	Hưng-yên	
—	Mậu-dương	

Dọc sông Luộc

Phà	Thiện-phiến	huyện Tiên lữ
—	Thụy-lôi	
—	Võng phan	huyện Phù-cừ
—	La-tiến	

Dọc sông Lực-điền

Phà	Dã-cầu	huyện Yên-mỹ
Phà	Thuần-xuyên	huyện Mỹ-hào
—	Phúc-bố	

Dọc sông Cửu-yên

Phà	Vĩnh-đồng	huyện Kim-động
Bến	đò Sài-thị	phủ Khoái-châu
Bến	đò Vĩnh-mộ (bên kia bến đò, thuộc địa-phận tỉnh Hải-dương, có Pháo-đài Vĩnh-mộ tới nay di-tích hãy còn)	huyện Phù-cừ
Bến	đò Duyệt-lễ	
Bến	đò Ba-đông	

Dọc sông Nghĩa-trụ

Bến	đò Khê-than	huyện Phù-cừ

Cầu (ô-tô có thể qua lại được)

Dọc đường Hưng-yên đi Hà-nội

Cầu Đông-lỗ ở km 7.
— Bằng-ngang ở km 11.
— Trương-xá ở km 17.
— Yên-lạc ở km 23.
— Lực-điền ở km 27.
— Bần-yên-nhân ở km 40

Dọc đường hàng tỉnh số 39

Thuộc địa phận xã Phú-mỹ có cái cầu dài độ 40 thước tây, bắc trên con sông Cửu-yên, tục-truyền làm từ đời Gia-long, về sau sửa lại. Cầu này nối hai tỉnh Hải-dương và Hưng yên.

Dọc đường Kim động đi phủ Ân-thi

Một cái cầu dài độ 40 thước tây, bắc trên con sông Cửu-yên, ở ngay chợ Thi.

Trên sông Bình-hồ

Cầu Bình-trì.

Bưu-điện

Bưu-điện Hưng-yên và Bần-yên-nhân là những sở chính, làm đủ các việc giao-dịch, vận-tải, thư-tín và các hóa-kiện, đánh giây-thép, nhận gửi tiền và phát tiền măng-đa, nhận gửi các hàng khai-giá, gửi hàng và phát những hàng gửi theo cách lĩnh-hóa giao-ngân.

Bưu-điện Thụy-lôi không làm bưu-phiếu, không nhận hàng lĩnh-hóa giao-ngân và không thu trái-phiếu.

Bưu-trạm

Ba trạm sau này gần ga xe-lửa, mà lại lĩnh thư-tín tại sở Bần-yên-nhân :

1 — Đình-dù (3 tổng cùng thuộc huyện Văn-lâm : Thái-lạc, Nghĩa-trai, Như-quỳnh) ;
2 — Lạc-đạo (2 tổng cùng thuộc huyện Văn-lâm : Lạc-đạo, Đại-từ) ;
3 — Xuân-đào (2 tổng cùng thuộc huyện Văn-lâm : Lương-tài, Động-xá).

Thư-tín các tổng ấy không nên gửi qua Hưng-yên, chậm trễ lắm. Nên gửi tuột đến ga hoặc gửi qua Bần-yên-nhân.

Hai trạm gửi qua Bần-yên-nhân :

1 — Dị-sử ; 2 — Lực-điền.

Còn tám trạm, thư-tín phải gửi qua sở chính Hưng-yên :

1 — Bằng-ngang ; 2 — Phú-thị (Bến Mễ) ; 3 — Phù-cừ ; 4 — Nghi-xuyên
5 — Thổ-hoàng ; 6 — Khoái-châu ; 7 — Phú-mỹ ; 8 — Trương-xá.

Công - tác

I. — Đường-xá

Trong các hạt, những đường xấu, đã đắp lại cao và rộng hơn trước. Nhưng phần nhiều là đường đất, gặp mưa thường hay lầy lội. Nhờ có cỏ mọc hai bên vệ đường, nên đất không thể chôi được mà việc thông-hành trong vụ mưa cũng đỡ khó khăn. Nhiều đường chạy qua các phủ-lỵ, huyện-lỵ đã giải đá, ô-tô đi lại được.

Đường Phố-nối - Hưng-yên đã giải dựa, hàng năm sở Lục-lộ cho sửa lại luôn luôn Đường này có xe ô-tô, các thứ xe-cộ và khách bộ-hành qua lại như mắc cửi, rất tiện cho việc giao-thông và thương-mại.

II. — Đê-điều

Đê trong tỉnh đều sửa lại và đắp cao hơn trước. Hai bên bờ đê và mặt đê sông Nhị-hà, sông Luộc và sông Lực-điền sửa sang lại rất cẩn-thận.

Đê các hạt, như sau này :

1°) Khoái-châu : 23 km đê Nhị-hà ;
2°) Kim-động : 17 km đê Nhị-hà ;
3°) Tiên-lữ : 19 km (13 km đê sông Luộc, 6 km đê Nhị-hà) ;
4°) Phù-cừ : 9 km đê sông Luộc.

III — Đào và khơi sông

Phần nhiều ruộng đất trong tỉnh mà nhất là ruộng hai hạt Ân - thi và Phù-cừ, mùa hạ thường bị úng-thủy, mùa đông bị khô-khan, lúa mạ hoặc thối-nát, hoặc khô héo, nhà nông thiệt-hại không biết bao nhiêu mà kể. Dân mỗi năm một nghèo, cực chẳng đã phải bỏ ruộng đất cho chủ nợ để đi tha phương cầu thực.

Chính-phủ đã thấu tình-thế của dân, nên mùa đông năm 1929 đã bắt đầu cho khơi các sông cũ, vừa nông, vừa hẹp, để nước thủy triều lên xuống, tiện cho việc tát nước và tháo nước ở các ruộng.

Thời-kỳ 1929-1930, dân-phu khơi được 142 km. sông.

Sau lại đào thêm ngòi :

1°) Đại-từ từ Thanh-khê đến Đại-từ) 2 km
2°) Sa-lung (từ Phù-ủng đến sông Lực-điền) 1 km 400.

Mùa hanh 1930 - 1931, khơi các sông :

1°) Trương-xá: từ Trương-xá (huyện Kim-động) đến Nam-trì (phủ Ân-thi) ;
2°) Kim-ngưu ;
3°) Cửu-yên (từ Nghi-xuyên đến chợ Thi).

Thế là năm 1929-1930, khơi và đào được gần 160 km sông, ngòi, Trong thời-kỳ 1929-1930, lại sây thêm được một cái cống ở Sa-lung để nối hai con sông Lực-điền và Sa-lung về phía đông tỉnh Hưng-yên. Năm 1931, sây thêm cống Triều-dương (huyện Tiên-lữ) nối hai con sông Nội-viên và sông Luộc. Trước kia, ruộng hai hạt Ân-thi và Phù-cừ, mùa màng thường bị úng-thủy, lúa tháng 10 vì thế mà thối nát. Nay nhờ có sông ngòi mới khơi và các cống mới sây, nước mưa có thể thoát ra sông Thái-bình được.

Năm 1930 mất mùa tháng 5, dân túng đói; lại gặp lúc biến-động việc cầm-phòng trong các xã rất là quan-trọng. – Vì vậy công việc khơi ngòi phải một phen đình-chệ. Về phía Bắc, còn nhiều sông chưa khơi, hoặc chưa khơi xong:

1°) Sông Yên-xá;
2°) Sông Yên-nhân;
3°) Sông Lương-tài.

Mãi đến mùa đông năm 1931 mới khơi xong.

Dân phía Nam tỉnh Hưng-yên cũng thỉnh-cầu khơi sông, để tiện việc canh-nông. Vì vậy tháng Mars 1931, bắt đầu khơi sông Nội-viên từ Triều-dương (huyện Tiên-lữ) đến Đông-lỗ (huyện Kim-động) và sông Đông-lỗ, từ Đông-lỗ đến Mai-viên (huyện Kim-động).

Năm 1933, đã sây hai cái cống to ở đê Lực-điền thuộc địa-phận xã Chu-xá (phủ Ân-thi) và xã Từ-hồ (huyện Yên-mỹ).

Sở Lục-lộ đã mua nhiều cống bằng si-moong để phát cho các làng làm cống vệ-nông.

Phần nhiều các sông ngòi trong tỉnh có nhiều bèo Nhật-bản mỗi ngày một sinh sản thêm ra, làm ngăn-trở cho giòng nước chảy. Nhiều nơi, dân hai bên ngòi thường ngăn nước lại để trài lưới. Vì vậy, nước sông ngòi chảy rất chậm, mà có khi ứ lại, nên nước trong đồng không thoát đi được, ruộng đất bị úng-thủy, hoa mầu thối nát, rất là hư-hại.

Quan trên rất chú-ý đến các lẽ đó, nên thường săn sóc sức bắt dân-phu phải hết sức dọn sông ngòi, vớt bèo Nhật-bản và cấm việc trài lưới làm ngăn-trả cho giòng nước chảy.

TỈNH HƯNG-YÊN

Ruộng đất chia từng hạng chịu thuế

PHỦ, HUYỆN	RUỘNG				ĐẤT						Tổng cộng (mẫu ta và mẫu tây)	Diện-tích từng hạt (mẫu tây)
	Nhất-đẳng	Nhị-đẳng	Tam-đẳng	Cộng (mẫu ta)	Nhất-đẳng	Nhị-đẳng	Tam đẳng	Tứ-đẳng	Ngũ-đẳng	Cộng (mẫu ta)		
Khoái-châu	13.283	8.258	4.955	26.496	1.280	59	4.563	1.339	532	7.773	34 269 (12 337 Ha)	13.030 Ha
Kim-động	8.754	9.007	1.497	19.258	696	4 682	5.722	1.083	396	12.579	31.837 (11.469 Ha)	11.810
Ân-thi	14.160	15.982	66	30.208	557	663	934	749	302	3.205	33.413 (12.029 Ha)	13.230
Tiên-lữ	9.365	9.713	1.612	20.690	488	983	2.392	1 219	435	5.517	26.207 (9.435 Ha)	10.170
Phù-cừ	9.504	9.589	2.006	21.099	159	1.298	735	413	211	2.816	23.915 (8.609 Ha)	9.580
Mỹ-hào	6.688	9.054	3 300	18.442	»	187	992	747	274	2.200	20.642 (7.431 Ha)	7.860
Yên-mỹ	14.552	5.920	1.041	21.513	532	609	553	531	297	2.522	24.035 (8.653 Ha)	8.950
Văn-lâm	7.218	8.007	1.109	16.334	»	25	1.989	819	415	3 248	19.582 (7.049 Ha)	7.570
	82.924	75.530	15.586	174.040	3.712	8.506	17.880	6 900	2.862	39.860	213.900 mẫu ta (77.011 Ha)	82.220 Ha

TỈNH HƯNG-YÊN

Mỗi phủ, huyện có bao nhiêu tổng, xã, chợ, bến đò, cách tỉnh lỵ bao nhiêu cây số, đê

Phủ, huyện	Bao nhiêu tổng	Bao nhiêu xã	Bao nhiêu chợ	Bao nhiêu bến đò	Cách tỉnh-lỵ bao nhiêu km	Bao nhiêu km đê
Khoái-châu	10	76	15	6	28 km	23 km (Nhị-hà)
Ân-thi	10	86	9	»	22 km	»
Kim-động	8	70	6	4	11 km 500	17 km (Nhị-hà)
Tiên-lữ	8	64	16	2	12 km 500	19 km (6km đê Nhị-hà) (13km đê Luộc)
Phù-cừ	6	53	4	2	20 km	9 km (sông Luộc)
Mỹ-hào	6	50	4	2	39 km 500	»
Yên-mỹ	8	56	6	1	30 km 500	»
Văn-lâm	7	48	9	»	45 km 300	»
Tổng cộng....	63 tổng	503 xã	69 chợ	17 bến đò		68 km đê

TỈNH HƯNG-YÊN

Bảng kê súc-mục năm 1934-1933

PHỦ, HUYỆN	TRÂU		BÒ		LỢN		NGỰA		DÊ	
	1934	1933	1934	1933	1934	1933	1934	1933	1934	1933
Khoái-châu	460	400	1.840	1.500	»	15.900	20	15	15	25
Ân-thi	2.163	1.930	442	574	»	5.507	21	17	5	19
Kim-động	1.422	1.430	1.226	1.246	»	5.820	5	12	25	16
Tiên-lữ	1.150	1.250	850	880	»	5.120	4	5	20	30
Phù-cừ	903	920	423	450	»	3.720	8	6	5	15
Mỹ-hào	1.385	920	119	450	»	3.720	4	6	10	»
Yên-mỹ	700	800	620	600	»	12.000	15	18	15	20
Văn-lâm	1.410	1.240	289	370	»	21.640	20	15	»	»
Tổng cộng.	9 593	8.890	5.809	6.030	70.000	73.427	97	94	95	125

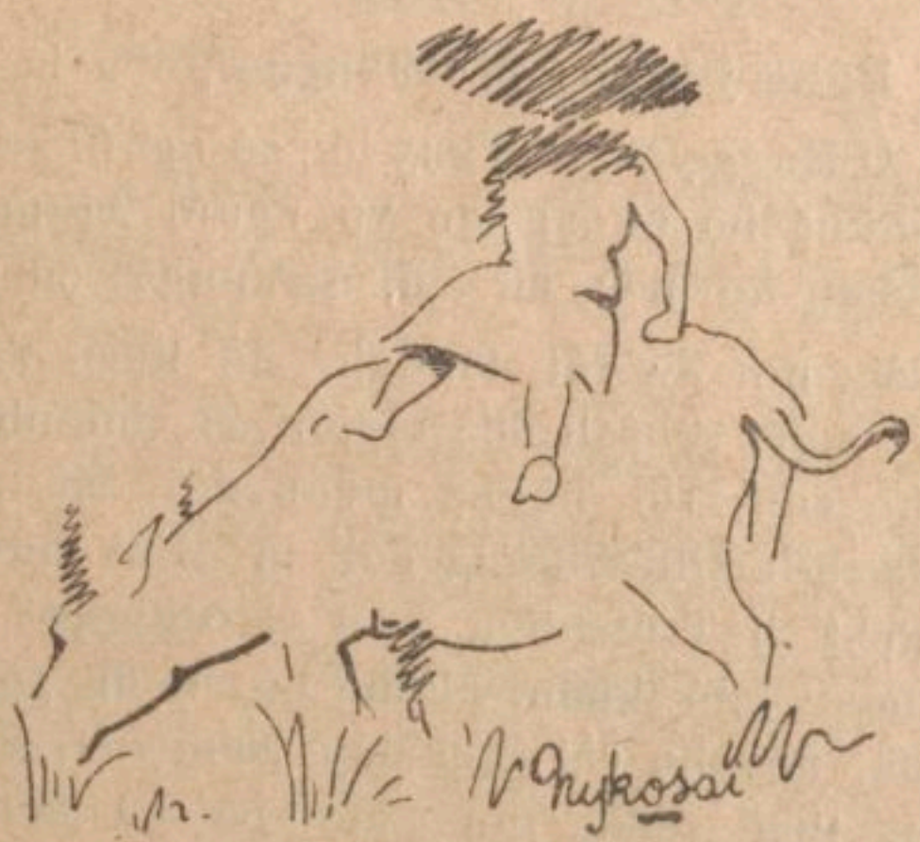

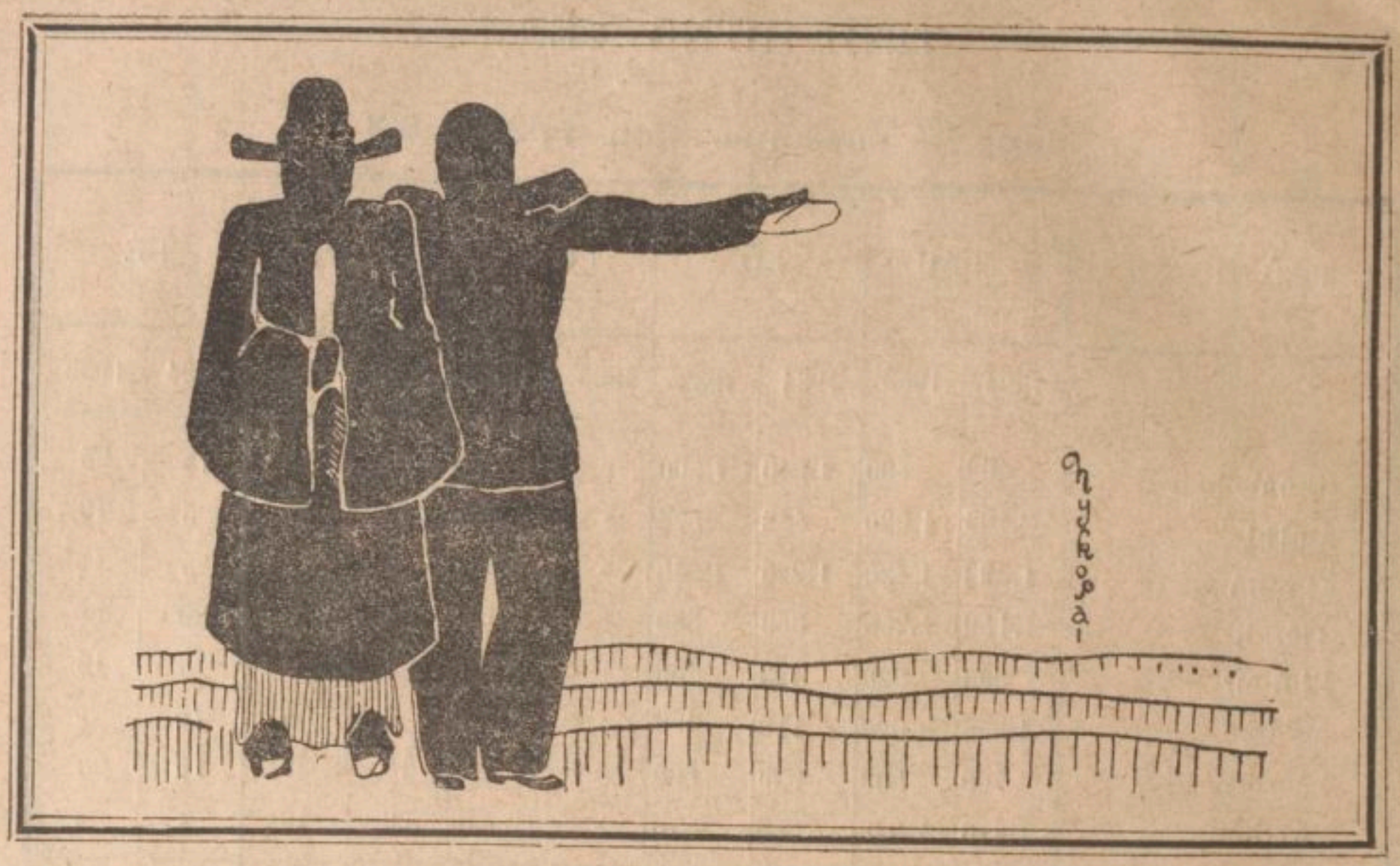

IV

HƯNG-YÊN CHÍNH-TRỊ

Dân-cư

TỈNH Hưng-yên có 446.199 người, đều là người Việt-nam cả.

Ở Hưng-yên và Thụy-lôi, có người Trung-hoa buôn bán. Nhưng họ không lẫn với người An-nam, họ có hội-quán riêng, ăn mặc, cử-chỉ, ngôn-ngữ, cũng khác người mình.

Các nơi ấy rất tấu-tập, dễ kiếm ăn, nên mấy thế-kỷ nay, nhiều khách đến tụ-họp để sinh-nhai. Họ phần nhiều lấy vợ An-nam, sinh con, rồi không muốn dời đất mình đương ở, để về xứ-sở. Những khách-lai (ta thường gọi là Minh-hương), lúc sinh nhai dễ dãi, còn theo quốc-tịch Trung-hoa. Sau vì cảnh-ngộ: hoặc buôn bán thua lỗ, hoặc sinh-hoạt khó khăn, không đủ đóng góp theo với người đồng-bằng Trung-hoa, nên họ cải làm dân Nam-việt, đi lại trong xứ đã dễ dàng, thuế thân, thuế điền, thuế môn-bài lại giảm được bội-phần, ngang với dân bản-xứ.

Con gái Minh-hương phần nhiều theo quốc-tịch An-nam, để tiện việc hôn-nhân, hoặc dễ đường buôn bán với người bản-xứ.

Vì vậy, nên ở Hưng-yên và Thụy-lôi, có nhiều người Việt-nam thủy-tổ là dân Trung-hoa. Hiện nay họ không còn gì là di-tích giòng-giõi người Trung-hoa, họa chăng còn quyển gia-phả khiến họ còn nhớ đến tổ-quốc non sông.

Chính-trị

Từ juin 1884, tỉnh Hưng-yên cũng như các tỉnh khác ở xứ Bắc-kỳ, thuộc quyền nước Pháp Bảo-hộ, có quan-lại ta cai-trị dưới quyền kiểm-đốc của Chính-phủ Bảo-hộ.

Việc chính-trị vẫn giống như xưa. Nhiều xã họp lại thành tổng, nhiều tổng thành huyện hay phủ. Có hai phủ, sáu huyện :

1°) phủ	Khoái-châu :	10 tổng,	76 xã
2°) phủ	Ân-thi :	10 tổng,	86 xã
3°) huyện	Kim-động :	8 tổng,	70 xã
4°) huyện	Tiên-lữ :	8 tổng,	64 xã
5°) huyện	Phù-cừ :	6 tổng,	53 xã
6°) huyện	Yên-mỹ :	8 tổng,	56 xã
7°) huyện	Mỹ hào :	6 tổng,	50 xã
8°) huyện	Văn-lâm :	7 tổng,	48 xã
	Cộng tất cả...	63 tổng,	503 xã

Tỉnh-lỵ Hưng-yên ở trên tả-ngạn sông Nhị-hà, cách Hà-nội 65 cây-số và cách Hải-phòng 70 cây-số.

Ở xã thì có Lý-trưởng, Hội-đồng Hương-chính và Hội-đồng Kỳ-mục cùng nhiều chức-dịch khác (phó-lý, trương-tuần, xã-đoàn, khán-máng, thủ-lộ, tùy theo từng làng).

Đầu tổng, có Chánh-tổng, Tổng-chức khác là Phó-tổng và Tổng-đoàn.

Đầu huyện, có quan Tri-huyện ; — ở phủ, có quan Tri-phủ.

Ở tỉnh, quan Tổng-đốc hay quan Tuần-phủ đứng đầu quan-lại an-nam.

Quan-lại ta chia ra như sau này :

I. — Quan-trường

1°/ Quan Hành-chính

a) Tỉnh-đường :

Quan Tổng-đốc hay Tuần-phủ, có quan Thương-tá giúp việc.

Phòng giấy, có một quan Tri-huyện tập-sự hay một viên Thông-phán kiểm-đốc các viên Thừa-phái.

b) Quản-hạt :

Mỗi hạt có một quan Tri-phủ hay Tri-huyện đứng đầu.

2°/ Quan Tư-pháp

a) Tòa-án đệ nhị-cấp :

Một quan Bố-chánh sung Chánh-án dự-khuyết.

Một quan Bố-chánh kiêm Dự-thẩm.

b) Tòa-án sơ-cấp :

Một quan Tri-huyện tư-pháp làm Thẩm-phán tại Tòa-án sơ-cấp phủ Khoái-châu.

3°) Học-quan

Một quan Kiểm-học Thanh-tra các trường Pháp-Việt trong tỉnh, chú-sở ở tỉnh-lỵ.

Một quan Huấn-đạo chú-sở huyện-lỵ Yên-mỹ.

II. — Nha-lại

Tỉnh-đường	1 Thông-phán 4 Thừa-phái	
Khoái-châu Ân-thi Tiên-lữ Kim-động	Mỗi hạt ba Thừa-phái, trong số ấy một người kiêm Lục-sự Tòa-án sơ-cấp.	
Yên-mỹ Phù-cừ Mỹ-hào Văn-lâm	Mỗi hạt một người Thừa-phái và một người Lục-sự.	

III. — Lính-lệ và Lính-cơ

Trong tỉnh có tất cả 41 người lính-lệ :

Tỉnh-đường :	7	người
Tòa-án tỉnh	5	—
Nha Kiểm-học :	1	—
Dinh Thương-tá :	1	—
Mỗi phủ :	4	—
Mỗi huyện :	3	—
Nha Huấn-đạo :	1	—

Trong tỉnh, có 85 lính-cơ thuộc viên Chánh-quản-cơ đốc-xuất. (Tỉnh-lỵ 29 người và mỗi hạt 7 người).

* * *

Bên Chính-phủ Bảo-hộ có quan Chánh Công-sứ đầu tỉnh, rồi đến quan Phó Công-sứ cùng các quan Chánh các sở công, như quan Giám-binh, quan Lục-lộ, quan Thương-chính, quan chủ Ngân-khố, quan Cẩm, vân vân...

Quan Chánh Công-sứ :

1°) kiểm-soát việc hành-chính và tư-pháp an-nam ;

2°) giữ-din trật-tự trong tỉnh được yên ổn ;

3°) có quyền chi-thu các khoản thuộc công-quỹ hàng tỉnh và công-khố Bắc-kỳ;

4°) thi-hành mệnh-lệnh các Tòa-án trên ;

5°) sung Chánh án tòa Tây-án trong tỉnh ;

6°) kiểm-soát các công-sở trong tỉnh ;

7°) kiêm Hộ-lại tây và làm Chánh-án tòa Nam-án.

Tòa-sứ có quan Phó-sứ giúp quan Chánh-sứ kiểm-đốc các viên Tham-tá, Phán-sự mỗi người giữ một việc.

Trại lính khố-xanh

Quan Giám-binh đứng đầu kiêm chức Thừa-phát-lại.

Một viên quản khố-xanh người Pháp kiêm Cảnh-sát cục-trưởng, quản đề-lao và Lục-sự tòa Tây-án trong tỉnh.

Một viên quản khố-xanh người Pháp coi đồn khố-xanh Bần-yên-nhân. Có 117 người vừa sĩ-quan, hạ-sĩ-quan và lính khố-xanh.

Ngân-khố

Quan chủ Ngân-khố người Pháp coi việc thu, chi, trong tỉnh, thuộc công-quỹ Hưng-yên, Bắc-kỳ và Đông-pháp.

Công-chính và trị-thủy

Một viên Kỹ-sư đứng đầu trông nom các việc công-tác, như sây dựng các công-thự, sửa chữa các công-sở, đắp đê, sây cầu-cống, khơi sông ngòi, sửa đắp các đường bộ, vân vân ..

Thương-chính

Có quan Chánh Thương-chính đứng đầu.

Trong tỉnh có hai nha Thương-chính ở tỉnh-lỵ và ở đồn Bần-yên-nhân thu các thứ thuế thương-chính và bắt các đồ lậu.

Bưu điện

Chủ-sự người An-nam, có thư-ký, đội-trạm, phu-trạm, lính-trạm giúp việc thông-tin bằng thư-từ, điện-tín hoặc điện-thoại với các nơi.

Trong các hạt, có bưu trạm giữ việc thông tin.

Hai sở bưu-điện quan-trọng ở Bần-yên-nhân và Thụy-lôi là hai nơi xầm-uất trong tỉnh.

Y-tế

Một viên Bác sĩ người Pháp hay người Nam đứng đầu.

Có hai viên y-sĩ và nhiều khán-hộ giúp việc. Một viên y-sĩ ở tỉnh lỵ, còn một viên y-sĩ chủ-trương nhà thương Bần-yên-nhân.

Có bốn cô đỡ coi bốn nhà hộ-sinh : ở tỉnh-lỵ, phủ Khoái-châu, đồn Bần-yên-nhân và huyện Tiên-lữ.

Trong tỉnh có nhiều nhà thuốc do các viên khán-hộ phát thuốc cho dân.

Địa-chính

Một viên kỹ-sư người Pháp kiểm-đốc.

Một viên Tham-tá địa-chính và các viên trác-địa trông coi địa-bạ các làng và kiểm-soát công-việc của các chưởng-bạ.

Nông phố ngân-hàng

Ngân-hàng mới lập từ tháng janvier 1932, rất tiện cho các nhà nông vay tiền được nhẹ lãi.

Một người Pháp làm Chánh-Đốc Ngân-hàng, có các viên thư-ký giúp việc.

Hội-đồng hàng tỉnh

Toàn tỉnh có 13 hội-viên ta và 1 hội-viên người Pháp.

Mỗi năm hai kỳ, các hội-viên họp hội-đồng do quan Chánh Công-sứ chủ-tọa, quan Tuần-phủ phó chủ-tọa, quan Phó-sứ làm Thư-ký và một viên Tham-tá làm Thông-ngôn.

Công việc của Hội-đồng là xét sổ dự-toán của hàng tỉnh, nghe đọc sổ kết-toán năm vừa qua và bàn các việc công-ích cho toàn tỉnh.

TỈNH HƯNG-YÊN

Danh sách các vị Thủ-hiến Pháp

TÊN	THỜI-KỲ TRỌNG-NHẬM
MM. Thureau	1886
Unal	1887
Delmas	1888
Morel	1889
Beauchamp	1889 - 1890
Fèvre	1890
Moulie	1890 - 1891
Sestier	1891
Alcan	1891
Mahe	1891
Muselier	1891 - 1893
Ceytier	1893 - 1894
David	1894 - 1896
De Miribel	1897 - 1902
Bon	1903 - 1904
De Miribel	1904 - 1906
Domergue	1906 - 1908
Cuillieret	1909
Lafrique	1910 - 1911
Tharaud	1911
About	1912 - 1913
Peyrabère	1913 - 1914
Bichard	1914
Duval de Saint Claire	2-2 - 1915 đến 6-5 - 1919
Saurel	7-5 - 1919 — 15-1 - 1921
Thezeloup	16-1 - 1921 — 22-2 - 1922
Pergier	23-2 - 1922 — 31-3 - 1926
Servoise	1-4 - 1926 — 4-1 - 1927
Foy	5-1 - 1927 — 30-11- 1927
Lotzer	30-11- 1927 — 3-3 - 1930
Tanquerey	5-3 - 1930 — 8-5 - 1930
Collet	11-5 - 1930 — 11-12- 1930
Gèhin	12-12- 1930 — 5-2 - 1931
Pettelat	7-2 - 1931 — 8-5 - 1935
Rivière	9-5 - 1935 —

TỈNH HƯNG-YÊN

Danh-sách các vị Thủ-hiến An-nam (1883-1936)

TÊN VÀ HỌ	CHỨC	THỜI-KỲ TRỌNG-NHẬM
Đinh-nho-Quan 丁 儒 關	Tuần-phủ	1883 - 1885 (Tự-đức năm thứ 36 đến Hàm-nghi năm đầu)
Hoàng-cao-Khải 黃 高 啓	—	1885 - 1888 (Hàm-nghi năm đầu — Đồng-khánh năm thứ ba)
Phạm-ngọc-Côn 范 玉 現	—	1888 - 1889 (Đồng-khánh năm thứ 3 — Thành-thái năm đầu)
Cao-xuân-Dục 高 春 育	—	1889 - 1890 (Thành-thái năm đầu — năm thứ 2)
Lê-Cơ 黎 機	—	1890 - 1891 (Thành-thái năm thứ 2 — năm thứ 3)
Phan-huy-Quán 潘 輝 舘	—	1891 (Thành-thái năm thứ 3, ba tháng)
Nguyễn-Thịnh 阮 盛	—	1891 - 1892 (Thành-thái năm thứ 3 — năm thứ 4)
Nguyễn-hữu-Toán 阮 有 瓚	—	1892 - 1895 (Thành-thái năm thứ 4 — năm thứ 7)
Trần-đình-Lượng 陳 廷 量	—	1896 (hai tháng, năm Thành-thái thứ 7)
Nguyễn-đức-Tú 阮 德 秀	—	1896 - 1897 (Thành-thái năm thứ 7 — năm thứ 8)
Phạm-văn-Toản 范 文 算	—	1897 - 1905 (Thành-thái năm thứ 8 — năm thứ 17)

TÊN VA HỌ	CHỨC	THỜI-KỲ TRỌNG-NHẬM
Lê-Hoan 黎 讙	Tuần-phủ	1905 - 1907 (Thành-thái năm thứ 17 — năm thứ 19)
Đặng-đức-Cường 鄧 德 彊	—	1907 - 1911 (Thành-thái năm thứ 19 — Duy-tân năm thứ 5)
Nguyễn-hữu-Tường 阮 有 詳	—	1911- 1913 (Duy-tân năm thứ 5 — năm thứ 7)
Nguyễn-trung-Tiên 阮 忠 先	—	1913 - 1914 (Duy-tân năm thứ 7 — năm thứ 8)
Trần-văn-Thông 陳 文 通	—	1914 - 1917 (Duy-tân năm thứ 8 - Khải-định năm đầu)
Lê-trung-Ngọc 黎 忠 玉	—	1917 - 1921 (Khải định năm đầu — năm thứ 6)
Nguyễn-năng-Quốc 阮 能 國	Tổng-đốc	1921 - 1927 (Khải-định năm thứ 6 — Bảo-đại năm thứ 2)
Vi-văn-Định 韋 文 定	—	1927 -1928 (Bảo-đại năm thứ 2 - năm thứ 4)
Lê-vân-Đinh 黎 雲 頂	—	1928 - 1929 (Bảo-đại năm thứ 4 — năm thứ 5)
Bùi-phát-Tường 裴 發 祥	Tuân-phủ	1929 - 1931 (Bảo-đại năm thứ 5 — năm thứ 7)
Lương-văn-Phúc 梁 文 福	Tuần-pnủ thăng Tổng-đốc năm 1933	1931 - 1934 (Bảo-đại năm thứ 7 -- năm thứ 9)
Nguyễn-hữu-Thư 阮 有 書	Tuần-phủ	1934 - 1936 (Bảo-đại năm thứ 9 - năm thứ 11)
Lê-đình-Trân 黎 廷 珍	Bố-chánh quyền Tuần-phủ	1936 (Bảo-đại năm thứ 11)

TỈNH HƯNG-YÊN

Tên các phủ, huyện thường thay đổi và sở-tại các hạt đã nhiều lần thiên-dị

PHỦ, HUYỆN	NGÀY XƯA		NGÀY NAY	
	TÊN	SỞ-TẠI	TÊN	SỞ-TẠI
Huyện Kim-động	Huyện Kim-động	Xã Sích-đằng (cách tỉnh-lỵ 2km)	Huyện Kim-động	Xã Bằng-ngang (cách tỉnh-lỵ 11km)
Phủ Ân-thi	Huyện Thiên-thi sau đổi ra huyện Phú-an	Xã Thổ-hoàng	Huyện Ân-thi (năm 1930 đổi ra phủ Ân-thi)	Xã Thổ-hoàng
Phủ Khoái-châu	Huyện Đông-yên (đời Lê, đổi ra phủ Khoái-châu)	Xã Đa-hòa (sau di sang xã Trương xá)	Phủ Khoái-châu (cuối đời Lê)	Xã Yên-vỹ
Huyện Tiên-lữ	Huyện Tiên-hoa	Xã Đào-đặng	Huyện Tiên-lữ	Xã Thụy-lôi
Huyện Phù-cừ	Huyện Phù-dung	Xã Hoàng-tranh	Huyện Phù-cừ (đời Gia-long)	Xã Đình-cao (đời Thành thái
Huyện Yên-mỹ	Chưa có		Năm 1888, hai tổng huyện Mỹ-hào, 6 tổng phủ Khoái-châu và 1 tổng phủ Ân-thi, họp thành huyện Yên-mỹ	Xã Sà-trang
Huyện Mỹ-hào	Huyện Đường-hào, trước thuộc tỉnh Hải-dương. Năm Thành-thái thứ nhất lấy tên Đường-hòa thuộc đạo Đích-lâm	Bần-yên-nhân	Phủ Mỹ-hào (thángfévrier 1930 thay ra huyện Mỹ-hào)	Xã Dỵ-sử
Huyện Văn-lâm	Chưa có		3 tổng huyện Văn-giang, 2 tổng huyện Gia-lâm, 1 tổng huyện Thuận-thành, 1 tổng huyện Lương-tài hợp lại thành huyện Văn-lâm	Xã Cát-lư

TỈNH HƯNG-YÊN

Bảng kê dân - số

Tên các tổng	Dân số từng tổng	Diện-tích mỗi tổng bao nhiêu kmq	Mỗi kmq có bao nhiêu người	Mỗi làng chung-bình bao nhiêu người
Phủ Khoái-châu				
Đại-quan	15.800	15 kmq 00	1.053	2.633
Mễ-sở	8.291	8 , 60	964	1.036
Yên-cảnh	10.112	18 , 20	555	1.444
Yên-lạc	5.572	7 , 00	796	796
Yên-vĩnh	7.076	15 , 00	475	884
Yên-lịch	9.550	16 , 60	575	1.591
Phú-khê	13.464	16 , 00	841	1.683
Đông-kết	10.897	12 , 70	858	1.362
Bình-dân	3.454	7 , 20	479	690
Ninh-tập	9.299	14 , 00	649	774
	93.515	130 kmq 30		
Huyện Kim-động				
An-tảo	9.906	16 kmq	619	990
Tiên-cầu	6.069	12 , 10	501	867
Bằng-ngang	7.862	10 , 40	755	1.310
An-xá	3.896	9 , 00	432	649
Thanh-cù	9.671	10 , 30	930	1.611
Đức-triêm	18.615	26 , 30	707	1,163
Tạ-xá	10.105	22 , 50	447	1.010
Lựu-xá	6.870	11 , 50	598	763
	72.994	118 kmq 10		

Tên các tổng	Dân-số từng tổng	Diện-tích mỗi tổng bao nhiêu-kmq	Mỗi kmq có bao nhiêu người	Mỗi làng chung-bình bao nhiêu người
	Phủ Ân-thi			
Ân-thi	8.332	14kmq60	570	833
Văn-nhuế	8 241	19 , 00	433	915
Hạ-cồ	3.417	10 , 50	325	488
Thổ-hoàng	7.165	15 , 70	456	551
Nhân-vũ	4.760	14 , 10	337	793
Yên-canh	5.556	12 , 10	459	925
Đặng-xá	3.952	10 , 00	395	494
Phù-vệ	4.751	11 , 80	402	475
Đỗ-xá	3.394	9 , 50	357	484
Huệ-lai	5.050	15 , 00	336	505
	54.618	132kmq30		
	Huyện Tiên-lữ			
Cao-cương	9.158	12kmq50	732	1.017
Dụ-chế	9.825	17 , 20	571	755
Hải-yến	8.982	10 , 50	855	2,245
Canh-hoạch	6.323	11 , 90	531	790
Thụy-lôi	8.136	12 , 00	678	1.162
Tiên-châu	7.501	9 , 60	781	1,250
Tiên-phương	12.146	15 , 00	809	1,735
Phương-trà	9.610	13 , 00	739	961
	71.681	101kmq70		

Tên các tổng	Dân-số từng tổng	Diện-tích mỗi tổng bao nhiêu kmq	Mỗi kmq có bao nhiêu người	Mỗi làng chung-bình bao nhiêu người
	Huyện Phù-cừ			
Hoàng-tranh	7.546	15kmq70	480	754
Kim-phương	5.848	13 , 30	382	731
Ba-đông	9.901	21 , 20	467	825
Viên-quang	5.137	10 , 20	503	642
Cát-dương	5.437	17 , 20	315	679
Võng-phan	6.714	16 , 20	414	839
	40.583	93kmq80		
	Huyện Mỹ-hào			
Yên-nhân	6 132	12kmq10	506	1.032
Trương-xá	7.089	11 , 60	611	1.082
Bạch-sam	7.494	17 , 80	421	681
Phong-cốc	3.792	9 , 60	384	3.126
Yên-xá	4.412	12 , 10	364	1.103
Hòa-đam	4.582	15 , 40	297	458
	33 501	78kmq60		
	Huyện Tiên-mỹ			
Hòa-bình	5.467	12kmq80	427	683
Liêu-xá	5.352	8 , 30	644	872
Tử dương	5.529	9 , 30	594	691
Yên-phú	2.797	5 , 50	508	699
Thượng-cổ	4.110	8	513	685
Sài-trang	10.451	17 , 30	604	950
Khóa-nhu	5.048	11 , 80	427	721
Đồng-than	5.175	16 , 50	314	862
	43.929	89kmq50		

Tên các tổng	Dân-số từng tổng	Diện-tích mỗi tổng bao nhiêu kmq	Mỗi kmq có bao nhiêu người	Mỗi làng chung-bình bao nhiêu người
	Huyện Văn-lâm			
Nghĩa-trai	5.474	7kmq70	710	782
Thái-lạc	4.182	28 , 90	317	834
Như-quỳnh	3.958	5 , 70	694	791
Lạc-đạo	3.847	7 , 00	549	767
Đại-từ	5.441	9 , 00	604	906
Lương-tài	3.945	11 , 40	346	438
Đồng-xá	3.531	6 , 00	588	706
	35.378	75kmq70		

TỔNG KÊ

PHỦ, HUYỆN	DÂN SỐ	DIỆN TÍCH	TẠP CHÚ
			So với dân số toàn tỉnh
Khoái-châu	93.515	130kmq30	21%
Kim-động	72.994	118 , 10	17%
Ân-thi	54.618	132 , 30	12%
Tiên-lữ	71.681	101 , 70	16%
Phù-cừ	40.583	95 , 80	9%
Mỹ-hào	33.501	78 , 60	7%
Yên-mỹ	43.929	89 , 50	10%
Văn-lâm	35.378	75 , 70	8%
Tổng cộng...	446.199 người	822kmq00	100%

Chung-bình mỗi cây số vuông (Kmq) 546 người.

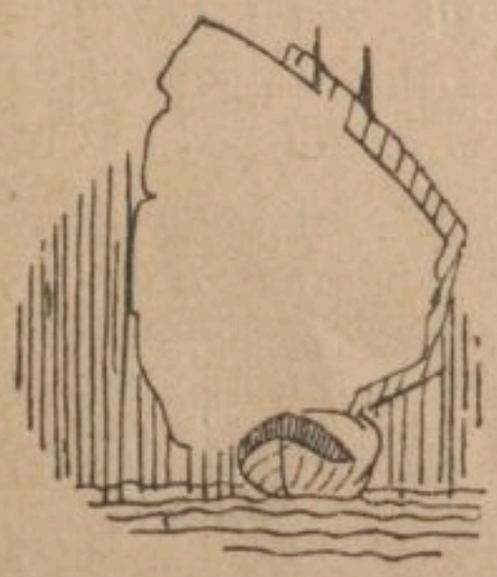

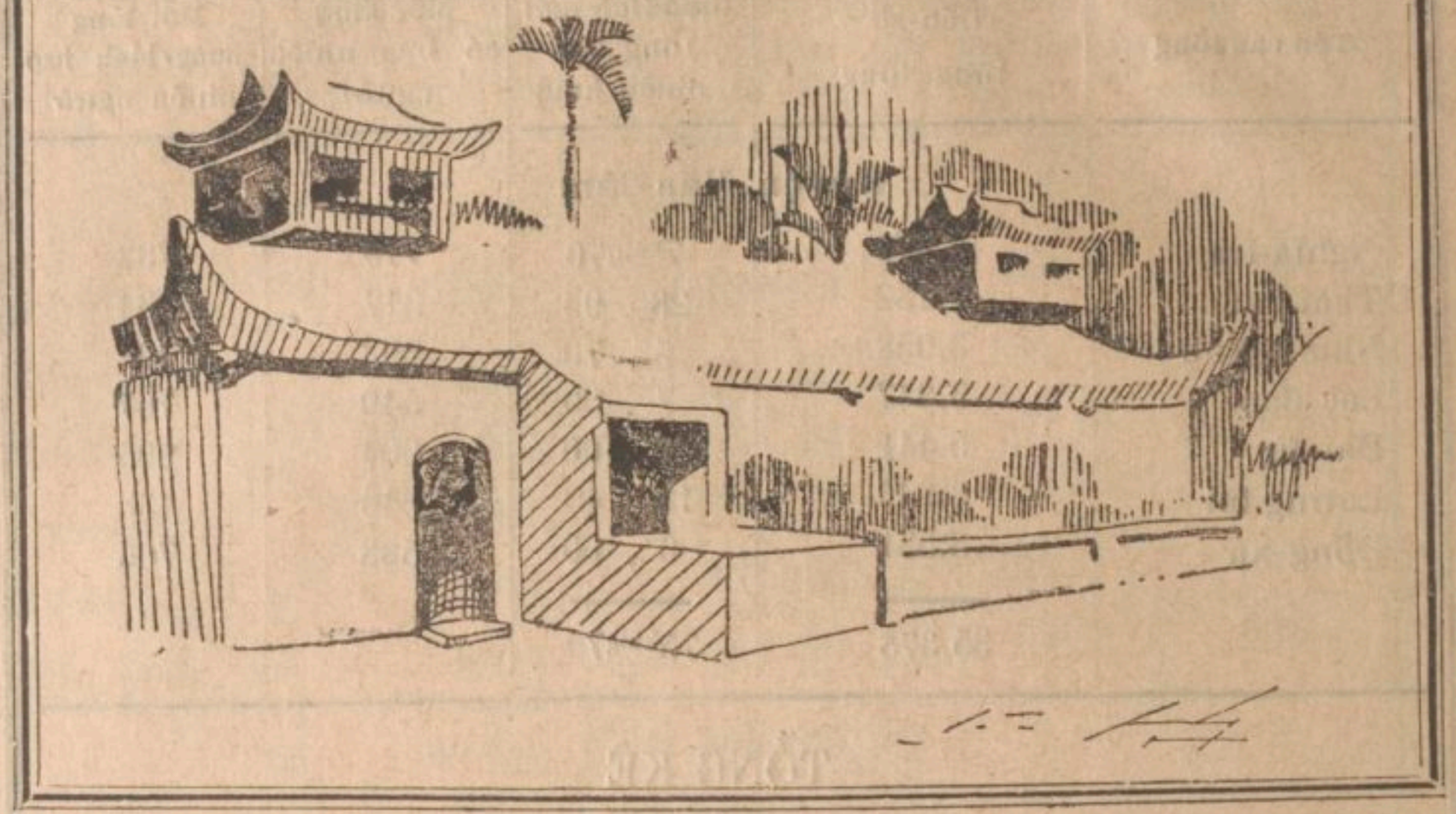

Kim-chung tự (chùa Chuông) — Hưng-yên

V

HƯNG-YÊN XÃ-HỘI

Học-chính

DIỆC học rất tiến-bộ. Từ tỉnh-lỵ đến thôn-quê, nơi nào cũng có trường, như :

a) Trường Kiêm-bị ;

b) Trường Sơ-học ;

c) Trường Hương-học,

A. — Trong toàn tỉnh, có chín trường Kiêm-bị :

Tỉnh-lỵ		1
Phủ	Khoái-châu	1
—	Ân-thi	1
Huyện	Tiên-lữ	1
—	Kim-động	1
—	Yên-mỹ	1
—	Mỹ-hào	1
—	Phù-cừ	1
—	Văn-lâm	1
	Cộng	9 trường

B. – Trường Sơ-học :

Phủ	Khoái-châu	14
–	Ân-thi	4
Huyện	Mỹ-hào	5
–	Yên-mỹ	5
–	Văn-lâm	8
–	Kim-động	11
–	Tiên-lữ	12
–	Phù-cừ	10
	Cộng	69 trường

C. – Trường Hương-học :

Phủ	Khoái-châu	26
–	Ân-thi	20
Huyện	Mỹ-hào	10
–	Yên-mỹ	17
–	Văn-lâm	9
–	Kim-động	18
–	Tiên-lữ	15
–	Phù-cừ	20
	Cộng	135 trường

Các bậc văn-nhân

Hưng-yên là đất văn-vật, dân Hưng-yên rất hiếu-học. Trải mấy nghìn năm, biết bao khoa-mục đã làm vẻ vang cho nước, cho nhà. Xin kể các bậc danh-nhân có đặc-sắc về văn-học :

Ông **Hồ-gia-Tân**. – Người xã Trung-lập thuộc huyện Mỹ-hào. Đỗ Phó-bảng triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Quyển *Thọ-mai gia-lễ* của ông làm ra, tuy để dùng riêng trong nhà, nhưng về sau công-hành trong nước.

Ông **Lương-đức-Uỵ**. – Người xã Đào-xá-Tạ thuộc huyện Kim-động. Đỗ Tiến-sĩ đời vua Lê Chiêu-Thống. Làm quan đến chức Thừa-chánh-sứ.

Soạn quyển *Định-quốc-triều luật-lệ*.

Ông **Lê-Nam**. – Người xã Liêu-xá, huyện Yên-mỹ, sinh đời Lê.
Rất sành về nghề thuốc, không kém gì Hoa-Đà thủa trước.
Có soạn một quyển sách thuốc rất hay, gọi là *Hải-thượng Lãn-ông* (海上懶翁).

Bà **Đoàn-thị-Điểm** — Người xã Giai-phạm, huyện Yên-mỹ. – Sinh đời Lê.

Học rộng, hay thơ, thường nhật ngâm vịnh, còn để lại nhiều thiên tuyệt-tác.

Ông **Trần-tử-Định**. — Người xã Duyên-yên, huyện Kim-động. Đỗ thủ-khoa đời Thiệu-trị, làm quan đến chức Thừa-thiên Phủ-doãn.

Tác-giả quyển *Nhị-thập-tứ hiếu* (式拾肆孝).

Ông **Nguyễn-khắc-Vỹ**. — Người xã Bình-hồ, thuộc huyện Kim-động. Đỗ cử-nhân triều Nguyễn. Làm quan đến chức Phó Kinh-lược Bắc-kỳ.

Tác-giả quyển *Nữ-huấn*, văn-chương rất lưu-loát.

Ông **Chu-mạnh-Trinh**. – Người xã Phú-thị, thuộc phủ Khoái-châu. Đỗ Tiến-sĩ năm Thành-thái thứ chin (1892), làm quan đến Án-sát, cáo về nhà nghỉ.

Người rất tài-tình, các nghề chơi, như thơ, đàn, đều giỏi cả. Chữ tốt, văn hay, nôm cũng sành.

Tác-giả quyển *Thanh-tâm tài-nhân thi-tập* (thơ vịnh Kiều) và bài *Hương-sơn nhật-trình ca*.

Văn có vẻ tài-tình, thật là tiêu-biểu cho lối lãng-mạn trong văn-giới nước nhà.

Còn nhiều văn-nhân kể sao cho xiết. Xin xem các bia kê ở chương sau, đủ hiểu tỉnh Hưng-yên là đất văn-học thứ nhất trong nước Việt-Nam.

Y-tế

Hưng-yên ở giữa trung-châu Bắc-kỳ, khi-hậu mát mẻ, nên dân ít ốm đau

Ít lâu nay, dân-sự đã chịu khuyên nhau theo phép vệ-sinh, để bảo-vệ sự khang-cường. Lại nhờ học-thức phổ-thông, nhờ có báo-chí, nên dân các nơi xa tỉnh, đã biết cách phòng-vệ cho khỏi ốm đau.

Việc y-tế đã khuyếch-trương trong tỉnh. Như trên kia đã nói, ở tỉnh-lỵ một viên bác-sỹ đứng đầu sở Y-tế, có một viên y-sĩ, năm người khán-hộ và một cô đỡ giúp việc. Các vùng nhà quê, có nhà thuốc chữa và phát thuốc, như nhà thuốc Trương-xá (Kim-động), Như-quỳnh (Văn-lâm). Khoái-châu. Thụy lôi (huyện Tiên-lữ) Ân-thi, Trần-xá (huyện Phù-cừ). Mỗi phủ, huyện, có năm bà-mụ, riêng huyện Yên-mỹ có hai bà-mụ.

Năm nào, cũng giồng đậu và tiêm thuốc trừ bệnh dịch-tả, trong toàn tỉnh.

Vì vậy, nên các bệnh truyền-nhiễm mỗi ngày một ít dần. Nhờ có các nhà hộ-sinh và các bà-mụ, nên trẻ con trong tỉnh đỡ chết hại và dễ nuôi.

Xem vậy, việc y-tế tỉnh Hưng-yên rất tiến-hành. Tuy nhiều nơi, gặp cảnh-ngộ quẫn-bách, dân-sự phải cư-trú trong các nhà danh ẩm-thấp và ăn uống kham-khổ, nhưng bệnh tật vẫn giảm dần.

Tôn-giáo

Dân-số Hưng-yên có 446.199 người. Trong số ấy, 23.328 người theo đạo Gia-tô, gọi là *giáo-dân*:

Tỉnh-lỵ		1.201
Võng-phan	(Phù-cừ)	1.101
Tiên-châu	(Tiên-lữ)	1 552
Ngọc-đồng	(Kim-động)	4.163
Vĩnh-phúc	(Kim-động)	1.681
Sài-quất	(Khoái-châu)	2.055
Trung-châu	(Khoái-châu)	530
Lực-điền	(Yên-mỹ)	2.448
Địa-phận xứ	Kẻ-sặt	2.882
Cao-xá	(Phù-cừ)	4.500
Đinh-tô	(Yên-mỹ)	210
Đào-xá	(Ân-thi)	1.005
	Cộng	23.328 người

Còn thì gọi là *lương-dân*, theo chủ-nghĩa thờ thần phật và tổ-tiên.

Các làng đều có đình, chùa, đền, miếu. thờ thần, thờ phật. Các tư-gia có bàn thờ thờ tổ-tiên, có miếu-mạo thờ thổ-thần, táo-quân, vân vân. . .

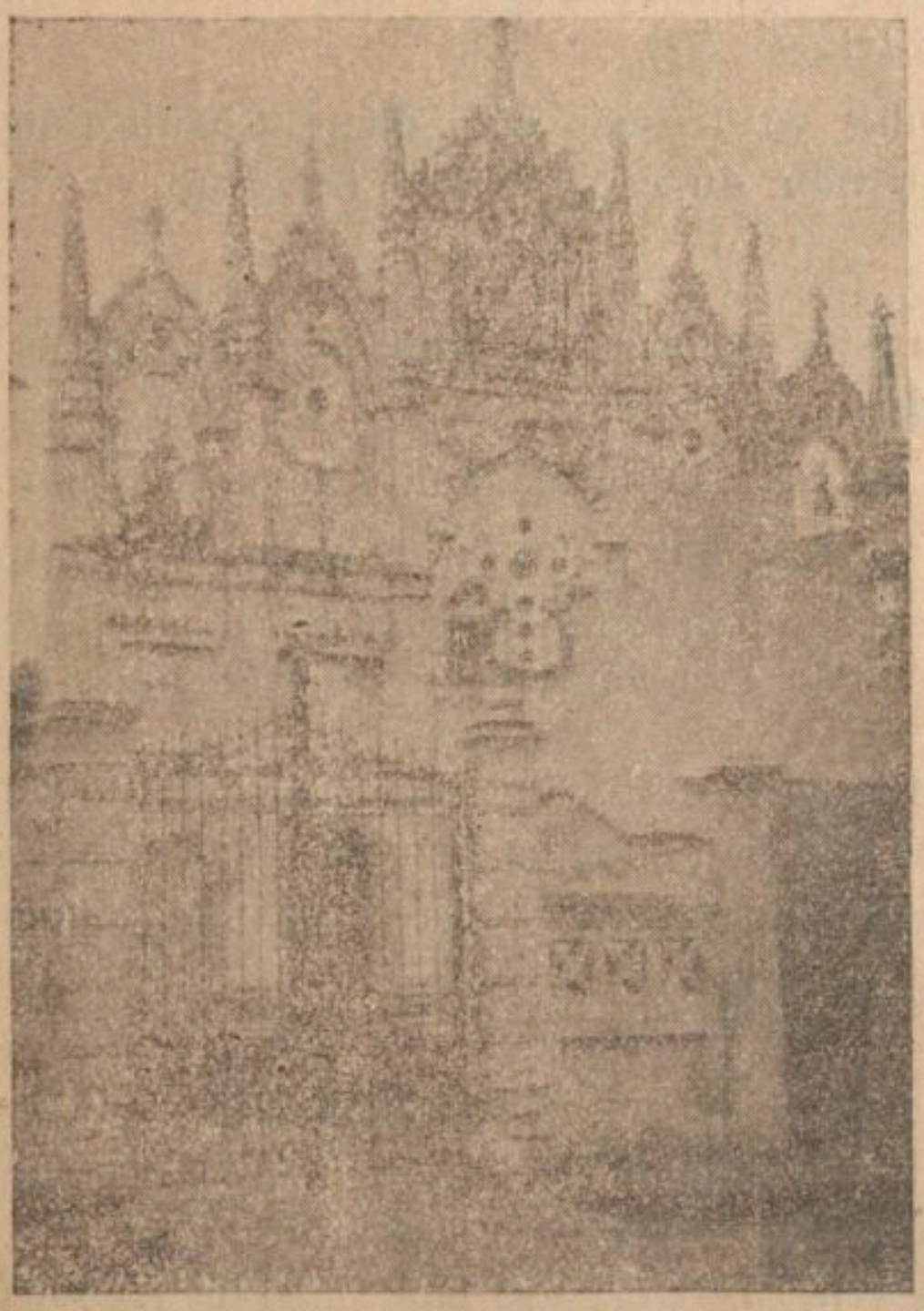

Nhà thờ tỉnh-lỵ Hưng-yên

Lập hội

1°/ **Hội Hợp-tế.** — Ngày 15 mars 1917, dân các phố họp nhau xin phép lập hội Hợp-tế, được quan Thống-sứ y.

Hội-quán ở phố Nguyệt-hồ.

Mục-đích hội là làm các việc từ-thiện, chôn cất cho các thây vô-thừa-nhận, hoặc giúp cho các tang-gia nghèo khổ không lấy gì mua đồ mai-táng.

Ngoài ra, hội lại cho thuê đất và các đồ hành-táng. Phòng Chiến-lãm các tiểu-công-nghệ thành-lập ở Hội-quán hội Hợp-tế từ đầu năm 1935.

2°/ **Hội Trí-tri.** — Ngày 2 octobre 1919, hội Tri-tri thành-lập để đúc tri, rèn tài cho học-sinh các trường công tư đến học.

3°/ **Thương-đoàn.** — Thương-đoàn thành-lập ngày 20 octobre 1919.

Mục-đích hội là nghiên-cứu, trong việc thương-mại, những cách giao-thiệp Pháp, Nam, và những điều quan-trọng trong việc giao-dịch.

4°/ **Câu-lạc-bộ.** — Ngày 20 septembre 1926, quan Thống-sứ Bắc-kỳ cho phép Câu-lạc-bộ Hưng-yên thành-lập.

Câu-lạc-bộ thành-lập, mục-đích để các hội-viên có nơi xem sách, trao đổi ý-kiến và giải-trí.

Năm 1936, nhờ có trợ-cấp của quan Chánh Công-sứ Rivière, mà Câu-lạc-bộ có thư-viện, đủ các sách có ích, vừa về văn-chương, vừa về tư-tưởng.

5°/ **Hội Tương-tế.** — Theo nghị-định quan Thống-sứ, cuối năm 1931, hội Tương-tế thành-lập.

Tiền góp của hội-viên dùng để giúp các nơi cơ-cận.

Ban trị-sự có quan Chánh Công-sứ làm Chánh Hội-trưởng.

Công-việc đang tiến-hành. Số hội-viên càng ngày càng đông. Từ thành-phố đến thôn-quê, đâu đâu cũng có người vào hội.

6°/ **Hội Thể-dục.** — Hội Thể-dục thành-lập ngày 11 octobre 1932, giúp bạn thanh-niên có nơi vận-động và khuyến-khích nền thể-dục bản tỉnh.

Những môn chơi hàng ngày : đánh vợt, đá bóng, chạy, nhảy, vân vân...

Công việc mở mang đương tiến hành.

7°) **Hội Phật-giáo.** — Trong vòng 2 năm 1935 và 1936, toàn tỉnh có bảy Chi-nhánh lập theo mệnh-lệnh Trung-ương tiến-hành, mục-đích tuyên-truyền đạo của Phật-tổ, dạy các Tín-đồ biết đường xử-thế và xuất-thế. Các Chi-nhánh : Hưng-yên, Mỹ-hào, Văn-lâm, Tiên-lữ, Yên-mỹ, Đông-kết, Phù-sa có tới một vạn Hội-viên chụ-trì.

Di - dân

Tỉnh Hưng-yên ở giữa Trung-châu Bắc-kỳ, dân chỉ trông vào nghề nông sinh-nhai, nên ruộng đất không đủ làm cho dân sung-túc. Kỹ-nghệ đã ít, buôn bán lại khó khăn, nên phần nhiều phải ra ngoài làm ăn.

Hàng năm, một số đông đàn ông, đàn bà, con trẻ, xuống miền Nam Đông-pháp (Nam-kỳ, Cao-mên) hoặc sang Tân-đảo, làm phu, làm thợ, cho các đồn-điền.

Xem bảng tổng-kê sau này, có thể biết được số di-dân từng năm xuống miền Nam.

Ngoài số di-dân ấy, các mỏ than Đông-triều, Uông-bí, Hon-gay, Chợ-điền, mỏ thiếc Tinh-túc, vân vân, dung-thụ một phần đông phu, thợ quán tỉnh Hưng-yên.

TỈNH HƯNG-YÊN

Phu mộ đi ra ngoài Đông-pháp và xuống phía Nam Đông-pháp

NHỮNG XỨ MỘ PHU	ĐÀN ÔNG	ĐÀN BÀ	TRẺ CON	CỘNG
	1928			
Nam-kỳ	54	9	»	63
Cao-mên	16	2	»	18
Tân-đảo	104	11	»	115
	174	22	»	196
	1929			
Nam-kỳ	116	24	10	150
Cao-mên	87	17	2	106
Tân-đảo	88	18	3	109
	291	59	15	365
	1930			
Nam-kỳ	355	77	8	440
Cao-mên	208	28	15	251
Tân-đảo	74	10	12	96
	637	115	35	787
	1931			
Nam-kỳ	57	20	2	79
Cao-mén	48	8	1	57
	105	28	3	136
	1932			
Nam-kỳ	9	1	»	10
	1933			
Nam-kỳ	95	23	»	118
Cao-mên	77	10	»	87
Tân-đảo	12	4	»	16
	184	37	»	221
	1934			
Nam-kỳ	80	5	»	85
Cao-mên	93	8	»	101
Tân-đảo	38	6	»	44
	211	19	»	230
	1935			
Nam-kỳ	186	10	»	196
Cao-mên	219	17	»	236
Tân-đảo	11	3	»	14
	416	30	»	446

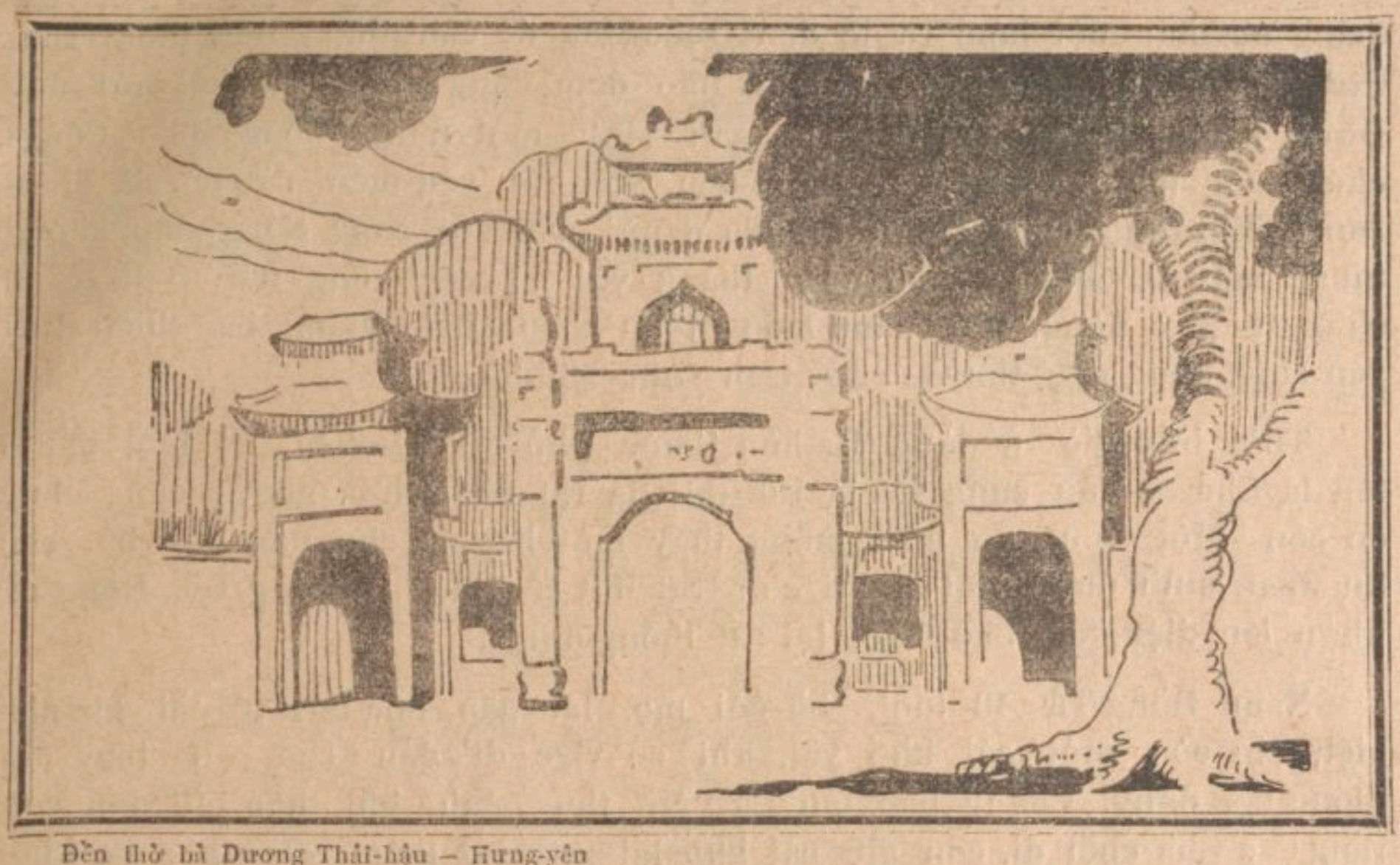

Đền thờ bà Dương Thái-hậu – Hưng-yên

VI

HƯNG-YÊN CỔ-TÍCH

TỈNH Hưng-yên ở giữa đồng-bằng, chỉ những ruộng cùng sông ngòi, cây cối và tre vây bọc các làng, không có một nơi nào gọi là thắng-cảnh. Những cổ-tích thì có :

Đền thờ đức Chử-đồng-Tử

Đền này ở làng Đa hòa, tổng Mễ-sở, phủ Khoái-châu, là một đền cổ nhất trong nước Việt-Nam.

Có hai lối về đền :

1°) *Đường bộ*. – Đi xe-hỏa xuống ga Đình-dù hay ga Lạc-đạo, rồi dùng xe tay về làng Đa-hòa độ 18 cây-số. Từ tỉnh-lỵ theo dọc đê, đi xe tay hoặc đi bộ cũng đến nơi.

2°) *Đường thủy*. – Tầu thủy Hà-nội – Nam-định đỗ ở bến đò Mễ-sở gần đền.

Tục truyền rằng :

Về đời vua Hùng-Vương thứ 18, nước Văn-lang rất thịnh-vượng. Nhưng vua phiền vì nỗi không con. Hoàng-hậu là Dương-thị-Diệm ngày

tháng âu-sầu, một hôm ra lễ đền Quốc-Mẫu để cầu phúc. Đêm hôm sau, Hoàng-hậu nằm mộng thấy một bà lão đem dâng một đứa bé mới đẻ. Được ít lâu, Hoàng-hậu thụ-thai, sau sinh một nàng Công-chúa. Công-chúa càng nhớn, trông càng xinh-đẹp, vua rất yêu-mến, đặt tên là Tiên-Dung. Khi Công-chúa 18 tuổi, nhiều người đến hỏi, song Công-chúa không thuận một ai, chỉ tiêu-giao ngày tháng với cỏ cây sông núi. Vua cũng chiều theo ý nàng. Mỗi năm trong tuần tháng hai, tháng ba, chiều trời yên lặng, nàng ngự thuyền chơi trên sông Nhị-hà.

Thời bấy giờ, ở làng Đa-hòa thuộc phủ Khoái-châu, có một người tên là Chử-cù-Vân cùng vợ là Bùi-thị-Gia rất nhân-đức, nhưng cũng chưa có con. Một đêm, vợ nằm mộng thấy một bà già cho một đứa bé, sau thụ thai, sinh được một người con trai đặt tên là Chử-đồng-Tử. Đồng-Tử nhớn lên diện-mạo khôi-ngô, lại rất thông-minh.

Năm Đồng-Tử 13 tuổi, bồ-côi mẹ, lại gặp hỏa-tai, gia-tài khánh-kiệt, chỉ còn một cái khố vải, khi có việc đi đâu cha con thay đổi nhau mà đóng. Chẳng bao lâu Cù-Vân thụ bệnh, khi hấp hối dặn con rằng: « Cha chết đi, con giữ cái khố lại mà che thân, cho thiên-hạ khỏi chê cười. Con cứ táng trần cho cha cũng được ».

Cù-Vân mất, Đồng-Tử vốn có hiếu, không nỡ để cha chết truồng, lấy khố quàng cho cha, rồi mới đem chôn.

Từ đấy, Đồng-Tử không lấy gì che thân, đói rét khổ sở, phải lội dưới nước cho kín nửa mình, chờ thuyền buôn qua lại thì xin hoặc câu cá bán để độ thân.

Một hôm Công-chúa Tiên-Dung bơi thuyền chơi trên sông Nhị-hà, chiêng chống vang lừng, đàn sáo rầm rĩ.

Chử-đồng-Tử sợ hãi vô cùng, chạy lên bờ, nấp trong bãi sậy, nằm xuống lấy cát vùi lên.

Tiên-Dung đến bến ấy, đoái trông phong-cảnh hữu-tình, truyền đậu thuyền, lên bãi cát đứng xem. Công-chúa thấy bờ sông sạch-sẽ, truyền mắc màn trên bãi cát để tắm. Tiên-Dung vào màn cởi xiêm áo, rội nước tắm, không ngờ nước chôi cát, Đồng-Tử chồi lên. Đồng-Tử sợ, định chạy chốn. Tiên-Dung trông thấy rật mình ngăn lại, hỏi duyên-cớ làm sao? — Đồng-Tử cứ thực tình kể cả đầu đuôi.

Tiên-Dung bảo rằng: « Ta nguyện không muốn lấy chồng, nay sự đã thế này, ắt bởi duyên trời ».

Công-chúa sai đem quần áo cho Đồng-Tử, vời xuống thuyền, mở tiệc ăn uống vui vẻ.

Đồng-Tử từ mãi không được, phải bằng lòng kết duyên cùng Công-chúa.

Vua Hùng-Vương được tin, nổi giận, nói rằng:

« Tiên-Dung không biết trọng phẩm-giá, tự lấy kẻ nghèo hèn ở đầu đường, còn mặt mũi nào nhìn đến Trẫm ».

Hai vợ chồng Công-chúa phải đem nhau lên ở làng Đa-hòa, buôn bán với dân.

Một hôm một người lái buôn dủ Đồng-Tử ra bể buôn các đồ quý.

Giữa đường, đến núi Quỳnh-lãng, gặp một cụ già, đầu dâu, tóc bạc, đội nón lá, tay cầm gậy chúc, hát rằng:

« Biết bao sông cạn, núi mòn,
« Núi cao nước thẳm, ai còn biết ai!
« Trong trần nào thiếu chi người!
« Ai tri-âm đó là người tri-âm!
« Tri-âm sẽ kết đồng-tâm,
« Đồng-tâm là bạn sơn-lâm sau này!
« Đường xa muôn dặm tìm thầy!
« Hễ ai tìm được, dạy ngay tức thì,
« Núi cao, nước thẳm, sợ chi! »

Đồng-Tử đến trước, vái chào, xin theo học đạo. Ông cụ dẫn vào trong hải-đảo, truyền đủ phép thần, tiên, phi, thăng, biến, hóa, lại thêm phép thần-thông cứu người. Được ba ngày, ba đêm, Đồng-Tử học đạo xong, trở về. Thầy tặng cho một cái gậy, một cái nón và dặn rằng:

« Phép linh-thông ở cả trong này.... »

Đồng-Tử về nhà, mới biết ba năm đã qua. Bèn đem đạo Phật dạy Tiên-Dung. Tiên-Dung chợt tỉnh giấc mê, bỏ cửa hàng cùng chồng dủ nhau đi học đạo.

Một hôm, hai vợ chồng đến hạt Ông-đình (phủ Khoái-châu), gặp một người con gái tuổi độ 18, nhan sắc tuyệt-trần. Tiên-Dung thấy chồng nhìn mãi, biết ý, nên hỏi ngay người con gái làm lễ cho chồng. Người con gái ấy tên là Tây-Nương.

Bấy giờ, hạt Ông-đình đương có dịch, người, vật chết hại rất nhiều. Đồng-Tử lấy gậy chọc vào thây người đã chết thì thấy sống lại cả. Ba vợ chồng vào trong làng cứu được nhiều người khỏi chết.

Một hôm đi xa, trời đã tối mà chưa đến chỗ dân-cư. Đồng-Tử tạm chống gậy và che nón ở dọc đường để nghỉ. Canh ba đêm hôm ấy, tự nhiên hiện ra thành-quách, lầu ngọc, điện châu, kho tàng, dinh phủ, vàng, bạc, châu, báu, giường sập, màn trướng, lại có tiểu-đồng ngọc-nữ, tướng-sĩ, thị-vệ hầu-hạ chung quanh. Lại có văn-quan, võ-tướng chia quân canh giữ các cửa thành.

Sáng ngày hôm sau, ai trông thấy cũng lấy làm kỳ-dị, tranh nhau mua hương, hoa, ngọc-thực đến dâng.

Vua Hùng-Vương được tin cho là Đồng-Tử làm loạn, sai quan quân đi đánh.

Khi quan quân sắp đến nơi, chúng tâu xin đem binh ra cự-địch.

Tiên-Dung cười, nói rằng:

« Việc này tự trời sui nên, không phải tự ta làm ra. Ta dù sống chết đã có trời, đâu dám cự nhau với cha. Ta chỉ thuận theo lẽ phải, cha ta dù có giết chết cũng cam-tâm ».

Đồng-Tử thấy vua nghi sợ như vậy, muốn tỏ cho vua biết tấm lòng trung-tín của mình, định hủy cả lâu-đài rồi biến lên trời. Đến nửa đêm, tự nhiên nổi cơn giông-tố, cả một khu bà Tiên-Dung ở, cửa nhà, người, vật, trong một lúc bay cả lên trời. Chỗ lâu-đài thành một cái đầm gọi là *Nhất-dạ-trạch*.

Quần-thần về thuật truyện lại đầu đuôi cho vua Hùng-Vương nghe, vua Hùng-Vương rất lấy làm hối-hận, tự thân-chinh đến chỗ Đồng-Tử ở trước, khi vừa mới đến nơi đã thấy một con bạch-trĩ mang một người con gái rất đẹp, tự trên trời sa xuống. Người con gái ấy tự xưng là vợ lẽ Đồng-Tử, vâng lệnh Đồng-Tử và Tiên-Dung sai xuống lạy vua và chúc vua vạn tuế. Vua cảm ơn và phong là *Nội-trạch-cung Công-chúa*.

Sau vua truyền lập đền tại làng Đa-hòa để thờ ba vị thần ấy. Tới nay, đền còn linh-ứng.

NHẬT-NHAM có thơ rằng:

Lộng lẫy phương Nam, một góc trời,
Khí thiêng chung đúc rõ mười mươi.
Tản-Viên nghi-ngút, mây man mác,
Dạ-Trạch mông-mênh, sóng dập dồi.
Đạo hiếu thơ ngây, mà có một,
Chữ tình phút chốc, bỗng thành đôi.
Bốn ngôi bất-tử còn truyền lại ;
Lộng lẫy phương Nam, một góc trời.

Lúc gặp bà Tiên-Dung

Người phàm, mắt thịt dễ ai hay!
Vật sắc trần-ai, khó lắm thay.
Rạch cát, ẩn mình, e mặt thẹn,
Vây màn, tấm mát, sánh vai tầy.
Duyên ưa, có quản chi không khổ,
Phận đẹp, khen sao khéo buộc giây.
Mới biết gặp tiên, tiên mới biết,
Người phàm, mắt thịt, dễ ai hay!

Lúc gặp bà Tây-Nương

Đã tưởng xuân-xanh, bước nhỡ nhàng,
Lòng trời sui khiến sự vây màn.
Má hồng Công-chúa chao tơ thắm,
Đầu bạc Tiên-ông thử tiếng vàng.
Gặp gỡ bãi màn duyên đế-tử,
Vui vầy chùa kính truyện Tây-nương.
Tam sinh hương-hỏa, âu là thề;
Lừng lẫy linh-thanh sánh Đổng-vương....

Dịch bài giáng bút của ông Chử đồng-Tử

1o — *Ba đào mù mịt bao lâu,*
Một vòng nước chảy sạch lâu bụi-nhơ.
Dâu Tiên ai biết mập-mờ.
Trong mây ta những vẫn-vơ đi về.

2o — *Lâu đài trong nước, thành rừng,*
Trên mây gà chó đã từng nghe quen.
Ba canh hạc gáy trăng lên,
Một thuyền giâu phượng đứng trên mũi sào
Cõi trần đổi kiếp đã bao.
Cảnh Tiên mờ mịt ào ào sóng bay.
Nghìn năm tả cảnh ai hay.
Xuân, thu lễ bái biết vầy mà thôi.

3o — *Rồng bay trên nước mây cao.*
Lá sen nghìn mảnh nhuộm mầu xanh xanh
Ai ngăn gió mát trăng thanh,
Rong chơi nhàn-hạ nhận thành bạn quen.

4o — *Không chơi Dạ-trạch đã lâu,*
Bóng mây xe gió đã hầu nhw không.
Cửa trời mở mịt chín trùng,
Lòng thành thấu đến nơi ông họa là.

5o — *Núi sông qua mắt bao năm,*
Hát lên một khúc cho rầm mọi nơi.
Trăng trong mấy nhạt bến khơi.
Ngọc long vùng vẫy ở nơi châm này.
Ô hay! Gậy, nón truyện bầy
Lâu-đài gặp gỡ duyên đây tự trời.
Bụi trần trong sạch thảnh thơi.
Cá vàng qua bể bời bời khói bay.

Dịch bài phú

Trông lên cửa ngọc trời cao,
Đài vàng rộng rãi biết đâu là bờ.
Mây bay muôn dặm xa đưa,
Nghìn trùng nước chẩy lờ lờ mầu xanh
Chiếc thuyền trên mặt lênh-đênh.
Bồng-lai, tiên-cảnh ai rành được chưa?
Nơi chầm Dạ-trạch lờ mờ.
Nhân-duyên đế-tử bây giờ có ta.
Trên sông gặp gỡ đàu mà.
Cung tiên bè-bạn vốn là duyên xưa.
Hùng-vương mười chín đời vua.
Nàng Tiên-Dung đó còn chờ đợi duyên.
Sông Đằng rong ruổi buông thuyền.
Tới nơi Bạch-xã dựng nên cơ đồ.
Nhà Tiên gà chó bay ồ,
Rắn rồng Dạ-trạch vào hùa cùng đi.
Thuốc thang trồng hạnh xanh rì.
Quả đào biếu xén các chi lân-bàng.
Đêm thanh trăng sáng rỡ ràng.
Một ròng sông rộng trời quang khác thường
Thả thuyền câu cá thênh thang,
Hoặc khi chống gậy xem hàng gió lay.
Đài-cao chôn ấy ran tay.
Thổi hơi sáo ngọc phượng bay tới gần.
Gác sâu kim chỉ chuyên cần,
Chỉ vàng thêu dệt Chu, Trần uyên-ương.
Trần-ai không phải chốn thường.
Trăng trời đi lại như dường khẩy trêu.
Trần tình dâng biểu cửa cao.
Nhẹ nhàng rảo gót đời vào động tiên.
Xích-tùng là một bạn hiền.
Làm mưa sự-tích còn truyền Thần-nông.
Xương-hiệt chữ nghĩa làm xong.
Tự khi Bàn-cổ có công với đời.
Bến sông ngẫm lại nực cười.
Ba mươi năm trước rong chơi cõi trần.

Cửa trời tay gõ mây lần,
Chín muôn dặm thẳng hát vân làm vui.
Lâu-đài mù-tịt khác nơi,
Mà ra làng mạc cũng dời chốn nao.
Mặt sông lớp sóng dồi-dào,
Trên trời mây lượn thấp cao mấy từng.
Xưa nay dâu cũ bâng khuâng,
Ruộng, gò lúa má xem chừng khác xưa.
Lai-Công rừng trúc khá ưa,
Gây nên điềm lạ cũng nhờ đức hay.
Đào quán Phan, quả đầy cây.
Cảnh ta cũng vậy còn say mến gì.
Cam-đường không nỡ chặt đi,
Bởi ông Thiện-bá kẻ vì người yêu.
Dương-công « Núi Hiển » đặt đều,
Đời sau coi đó còn nhiều ái-ân.
Rằng : đài, rằng : các của thần,
Rằng : đô, rằng : ấp chốn trần chưa phai.
Dâu tiên phán đoán một hai,
Bao nhiêu việc trước nào ai tỏ tường.
Hư hư, tin tin mọi đường,
Người nhớ chốn cũ, ta dường xa bay.
Đá không biết nói ai lay,
Đồ binh gai Cối khéo bầy đặt ra.
Nghìn thu vận sự xa xa,
Không còn bằng cớ mà tra cho rành.
Mây bay một mảnh xanh xanh,
Dâu tiên tưởng tượng vẫn hình ở trên.

Đền thờ đức Tống-Trân

Đền này thuộc xã An-cầu, tổng Võng-phan, huyện Phù-cừ, trên đê sông Luộc, cách tỉnh-lỵ 18 cây số.

Tục truyền : Ở xã (An-đô bây giờ là An-cầu) tổng Võng-phan, huyện Phù-dung (nay là huyện Phù-cừ), có một người họ Tống tên gọi Thiện-Công, dòng giõi thi-thư, trong gia-đình rất hiếu-đễ, ngoài xã-hội rất khoan-hòa. Tống-thiện-Công lấy vợ người xã Phù-anh cùng huyện, tên là Đào-thị-Cuông, vợ chồng rất nhân-từ, thường tu-nhân tích-đức : các đền chùa lâu ngày đổ nát, phần nhiều xuất của trùng-tu.

Chẳng bao lâu, Thị-Cuông thụ-thai. Đến tháng thứ 11, sinh hạ được một người con trai (đúng giờ dần, rằm tháng tư) Trong ba ngày, trong nhà rất nhiều khí sáng. Tống-thiện-Công đặt tên con là Tống-Trân.

Tống-Trân mới lên ba tuổi mà đã am-hiểu âm-luật. Lên năm tuổi, vào học Lý-Đường tiên-sinh, khí-chất thông-minh, thiên-tư sáng suốt, học một biết mười, trên từ thiên-văn, dưới đến địa-lý, đều am-hiểu tinh-tường.

Năm Tống-Trân lên bảy tuổi, vua Nam-đế nhà tiền-Lý mở khoa thi tuyển nhân-tài.

Ngày 29 tháng 9 năm ấy. Tống-Trân vào Kinh-đô ứng-thí, ba kỳ đều được ưu-hạng, đậu thủ-khoa.

Ngày 1 tháng hai năm Quý-sửu, đỗ Đệ-nhất-giáp cập đệ nhất-danh Trạng-nguyên.

Vua khen rằng: « Quốc-sĩ vô song, Tướng tài quả nhị » (Trong nước chỉ một ông là danh-sĩ, tướng tài cũng chỉ mình ông).

Ngày 10 tháng tư, vua ban cờ biển, một nghìn vuông gấm và mười đĩnh vàng cho vinh-qui bái tổ. Tống-Trân bái lĩnh, lên xe về làng. Tới làng bái-yết tổ-tiên, thăm hai bên nội-ngoại, khao vọng trong vòng một tháng, rồi lấy nàng Cúc-Hoa làm vợ. Tống-Trân làm nhà ở làng Phù-anh cho vợ trông coi, rồi trở lại Kinh-thành.

Được ba tháng, vua sai sang sứ Tầu.

Tống-Trân phụng-mệnh sang Bắc-kinh, vào yết-kiến vua Linh-Long Kiền-Huy. Vua Tầu thử văn-chương võ-nghệ, cho là kỳ-đồng, khen là nhân-tài thứ nhất trong 18 chư-hầu và phong làm Trạng-nguyên hai nước.

Tống-Trân vâng lệnh ra ở chùa Linh-long, hơn một trăm ngày. Trong chùa chỉ có những tượng-phật trang-nghiêm, ngoài ra không có thức ăn. Tống-Trân có sáng-kiến, bèn bẻ các phật-tượng ra ăn, mới biết các tượng đều đắp bằng chè-lam để thử mình. Thế là hơn một trăm ngày chỉ ăn chè-lam và uống nước lã mà sống.

(Tục truyền: Các tiên trên trời xuống cho Tống-Trân ba quả đào-tiên, ba ngành tóc-tiên và dạy sách binh-thư bí-pháp).

Vua Tầu phục tài, bèn phong Tống-Trân làm *Phụ-quốc Thượng-tể Đầu-Nam Tống Đại-vương*. Tống-Trân thăng nhậm châu An-kinh, châu Thống-đốc và châu Mã-chính, đánh giặc Đông-Ngô, Bắc-Nguy, trong vòng mười năm an bình được cả.

Vua Tầu ban đồ thiết-việt, cùng cho Đông-Ngô, Bắc-Nguy cùng hòa.

Tống-Trân dâng sớ xin vua Linh-Long Kiền-Huy về thăm song-đường bên Nam-Việt. Vua Tầu ban cho bộ ngọc Lưu-ly thông thiên.

Tống-Trân lạy tạ, trở về Nam-Việt.

Khi về tới nước, thấy người ngoại-thích gả chồng cho nàng Cúc-Hoa, Tống-Trân bèn lẻn vào dò la ý-tứ, mới biết Cúc-Hoa không lòng

nào lấy hai chồng, khen Cúc-Hoa đủ tam-tòng tứ-đức : thực là Nữ-trung Nghiêu, Thuấn, rồi bắt tội người ngoại-thân, giáng niên-hạn để tang xuống một năm.

Vua rất khen ngợi, phong Cúc-Hoa là *Quận-phu nhân*.

Tống-Trân làm lễ các từ-đường, về nghỉ ở làng.

Ba tháng sau, Vua Lý Nam-Đế băng-hà di-quyền cho quan Đại-thần là Triệu-quang-Phục. Triệu-quang-Phục lên ngôi, đóng đô ở Đông-an (tục gọi là Tự-nhiên-châu) hiệu là Triệu Việt-vương Hoàng-đế.

Triệu Việt-vương thấy Tống-Trân văn võ toàn tài, bèn sai Sứ-thần là Nguyễn-khắc-Hồ đến xã An-đô vời ra làm quan Phụ-chính.

Tống-Trân đại-hành quốc-chính, không kỳ việc to hay việc nhỏ, đều qua xem cả.

Được hơn mười năm, Tống-Trân tuổi đã sáu mươi, bèn dâng biểu cáo-hồi. Vua chuẩn-y và cho thu thuế xã An-đô và toàn-huyện để dưỡng-lão, đến khi trăm tuổi, xã An-đô sẽ phải dựng lăng trong địa-phận và phụng-tự.

Cúc-Hoa không có con, bị chứng đau bụng được ba hôm thì mất, an táng ở làng Phù-anh. Tống-Trân dựng miếu trên mộ, trích ba mẫu ruộng đất ở đồng xã ấy, giao cho một người phụng sự.

Sau Tống-Trân mở trường dạy học, được năm năm, bị bệnh lên mã-đao, rồi mất ngày 5 tháng 5 năm Tân-hợi.

Vua được tin, thương nhớ bầy-tôi trung-dũng, phong sắc *Thượng-đẳng Phúc-thần*, và sai Đại-thần Nguyễn-đình-Huy đem sắc-chỉ chuẩn xã An-đô phụng-tự

Sau lại gia-phong *Thượng-đẳng tối-linh Phụ-quốc Thượng-tể Đầu-nam Song-toán Tống Đại-vương*.

Mỗi năm, tháng hai, tháng tám, vua gia ban 80 quan tiền xanh và sai quan đại-thần đến dự tế.

Xin trích dịch đối-văn ra sau đây:

I

Bát tuế chạc nho khoa tự hữu tài danh long Bách-Việt,	八	歲	擢	儒	科	自	有
		才	名	隆	百	粵	
Thập niên chi sứ tiết khước giáo vận sự bá thiên thu.	十	年	持	使	節	却	教
		韻	事	播	千	秋	

Dịch :

Tám tuổi, đỗ Trạng Nam, đã nổi tài-danh vang đất Việt,
Mười năm sang Sứ Bắc, lại đem vận-sự rõi đời sau.

II

Khoa hoạn ức niên tiền, cầu địa thượng truyền giang tẩm bút,
Lăng từ thiên tải hậu, An-đô trưởng ngưỡng quốc châu phê.

地棣筆安批
科窘億年前浸後硃
陵祠千載江國
長仰傳

Dịch :

Khoa hoạn ức năm xưa, mạch đất qua sông giâm đại bút,
Lăng từ nghìn kiếp nọ, ơn vua còn đó lời châu phê.

III

Nhất gia tiết nghĩa sinh tiền-Lý,
Lưỡng quốc huân danh mộng hậu-Ngô.

一家節義生前李
两國勳名蔆後吳

Dịch :

Tiết nghĩa một nhà đời Lý trước,
Huân danh hai nước, sử Ngô sau.

IV

Trung hiền thốt nhất môn, mẫu hữu tử nhi phu hữù phụ,
Khoa hoạn kiêm song tuân, tiền vô cổ nhi hậu vô kim.

忠賢辈一門母婦
有子而夫有前
科窘兼双俊無今
無古而後無

Dịch :

Khoa hoạn đủ hai đường, trước ai so, mà sau ai sánh ?
Trung hiền họp một cửa, con như mẹ, mà vợ như chồng.

V

Lưỡng quốc văn lan danh bất hủ,
Thập niên sứ tiết tích do truyền.

两國文瀾名不朽
十年使節績猶傳

Dịch :

Mười năm tiết sứ, truyền bia miệng.
Hai nước làn văn đỗ trạng đâu.

VI

Nam quốc khôi-nguyên tinh thượng đẩu,
Bắc-đình chuyên đối ngọc chung khuê.

南國魁元星上斗
北庭專對玉中圭

Dịch :

Đỗ đầu hổ bảng trên sao Đẩu,
Tâu mặt Long-nhan tựa ngọc khuê.

VII

Đức phối nhị vương, An-quận ninh khang ca thánh trạch,
Công cao thiên cổ Phù-dung hiển-tích tạ thần hưu.

德配二王安郡澤
寧康歌聖芙蓉麻
高千古芙神
顯跡謝神

Dịch :

Đức sánh hai vua, An-quận yên lành nhờ thánh-trạch,
Danh lưu muôn kiếp, Phù-dung hiển-ứng tỏ thần-công.

VIII

Long thủ tinh thiều kiêm thề riệm,
Phượng-sơn phúc-địa dẫn thu-hương.

龍首星軺兼世艷
鳳山福地引書香

Dịch :

Cờ biển dâu Rồng, vinh bái tổ,
Cán chi núi Phượng, phúc ơn trời.

IX

Quần-tiên ca vũ sinh tiền sự,
Lưỡng-quốc huân-danh tử hậu bi.

群仙歌舞生前事
两國勳名死後碑

Dịch :

Múa hát, quần-tiên vui kiếp trước,
Tiếng tăm hai nước, nhận bia sau.

X

Ti luân mạnh tích Nam-thiên Đẩu,
Hoa hốt danh thùy Bắc-sứ tinh.

絲綸命錫南天斗
花笏名垂北使星

Dịch :

Trời Nam sủng mạnh cao sao Đẩu,
Sứ Bắc công danh rạng vẻ cờ.

XI

Nam, Bắc lưỡng triều long hữu bảng,	南北两朝龍有榜
Hiếu trung nhất tiết hổ hàm thư	孝忠一節虎啣書

Dịch :

Nam, Bắc, hai triều, long yết bảng,
Hiếu, trung một tiết, hổ đưa thư.

XII

Đầu Nam, Bắc nhất nhân Lý thê Trạng-nguyên lưu tín sử,	斗南北一人李世 狀元留信史
Thần anh-linh vạn cổ Nông giang trụ bút chân ba đào.	神英灵萬古農江 柱筆鎮波濤

Dịch :

Đầu Nam, Bắc, một người, chép sử sách Trạng-nguyên nhà Lý.
Thần anh-linh muôn kiếp, nhức ba đào cây bút sông Nông.

XIII

Văn vũ bẩm toàn tài : kháng Ngụy, sanh Ngô cái-thê huân danh minh Việt-sử.	文武稟全才盖蓋世抗世史封 魏熙撑名吳銘夏首累祠
Bắc, Nam dai cử thủ phong Vương, tích tước lủy niên tháng mộc tráng lăng từ.	北南玉錫爵壯陵年祠 湯沐

Dịch :

Toàn tài văn vũ, giẹp Bắc, dánh Đông, muôn kiếp công cao ghi sử-sách
Qui phục Bắc, Nam, phong Vương tiên tước, nghìn năm đất tổ, tê lăng-từ.

Đền Đạo-An

Đền này ở xã An-xá (tục hiệu là Đạo-An) thuộc huyện Tiên-lữ.

Về đền có hai lối :

1°) Từ tỉnh-lỵ Hưng-yên theo con đường dựa, đến cây số thứ tám thuộc địa-phận xã Phượng-tường, rẽ sang tay phải, đi một quãng nữa thì tới đền.

2°) Từ huyện-lỵ Tiên-lữ qua cống Hải-yến, đến đầu xã Dy-chế, rẽ về tay trái, đi một lúc tới nơi.

Hàng năm, cứ ngày 6 tháng 4, xã An-xá mở hội lập đàn, thập-phương đến chiêm-bái rất đông. — Nhưng phần nhiều người vẫn tưởng nhầm đền Đạo-An thờ « ông Đùm bà Đà » là hai vị dâm-thần, lúc sinh-thời là hai chị em ruột lấy nhau.

Trái lại, đền ấy thờ đức Ngọc-hoàng Thượng-đế. Ai đã bước chân tới xã An-xá, nếu để ý đến tấm bia đá đồ-sộ đứng trước cửa đền, trên lưng rùa đá, sẽ thấy chép rằng :

Niên-hiệu Thiên-định thứ hai, có năm vị Tiên-ông đầu râu tóc bạc hiện ra, dựng một ngôi đền lấy tên là « Thụy-ứng-quán », trong thờ các vị sau này :

1°) Hiệu-thiên Trí-tôn Ngọc-hoàng Thượng-đế ;
2°) Ngọc-thanh Thánh-cảnh Nguyên-thủy-Thiên-tôn ;
3°) Thượng-thanh Chân-cảnh Linh-bảo Thiên-tôn ;
4°) Thái-thanh Tiên-cảnh Đạo-đức Thiên-tôn ;
5°) Câu-Trận Tinh-cung Thiên-hoàng Đại-đế ;
6°) Trung-thiên Tinh-chúa Bắc-cực Tử-vi Đại-đế ;
7°) Thánh-tổ Tư-mệnh Bảo-sinh Thiên tôn ;
8°) Thái-ất Tâm thanh Cứu-khổ Thiên-tôn ;
9°) Nguyên-thiên, Thánh-mẫu Thái-hậu Thừa-thiên Hiệu-pháp;
10°) Hậu-đức-quang Thái-hậu Thổ-hoàng Địa-kỳ ;
11°) Ba vi Đạo Kinh, Sư Bảo.
12°) Hoàng-thượng ;

Trước cửa đền, lại sây tháp Cửu-phẩm để các Tiên thăng-giáng.

Công việc đã xong, năm vị Tiên-ông sửa lễ lạc-thành, lập đàn-tiếu bảy đêm ngày (từ mồng 6 đến 12 tháng tư an-nam) và viết bảng treo trên nóc đền. Lại thêm đức Đông-vương-phụ và Tây-vương-mẫu người rất cao lớn, đi riễu chung quanh đàn.

Trong 4 ngày 6, 7, 8, 9, lúc sắp rước, một viên Đạo-sĩ (tục gọi là Thày-Cả) riễu đàn nội, rồi phụng bình-hương ra tháp, cầu-nguyện đức Hiệu-thiên Ngọc-hoàng giáng-hạ, sau mới riễu đàn ngoại. Ngày 8, vừa rước đến nửa đường thì người câu ếch vào trình : « Có con hắc-hổ đón đường quấy nhiễu ».

Một vị Tiên-bồng và hai người lực-sĩ cùng ra đánh hổ, lại gặp hai mẹ con người nghèo vào giúp Trừ được ác-thú, bèn lột da đem về nộp.

Ngày 10, đàn-tiếu đã xong, các tiên đều thanh hóa tại cây Cửu-phẩm

Ngày, 11, 12, tế tạ rồi mãn tán.

Về sau, làng ấy cứ theo tích cũ, đệ niên đến ngày 6 tháng tư mở hội làm đàn, để thuật lại công việc các Tiên-ông.

Niên-hiệu Bảo-thái nhà Lê, Thái-hoàng Thái-hậu sai trùng-tu đền ấy. Nhờ thế mà từ đấy, đền ngày thêm sầm-uất, hàng năm làm nơi hẹn hò của bao khách thập-phương !. . .

Đền thờ đức Ngô-Vương

Làng Dy-chế thuộc huyện Tiên-lữ, cách tỉnh-lỵ 7 cây số, có đền thờ vua Ngô Vương-Quyền, tục gọi đền Vương, tên chữ là Kê-Lạc-Miếu.

Ngô-Quyền, người xã Đường-lâm (tỉnh Sơn-tây) xuất-thân làm Châu-mục. Kịp đến cuối đời nhà Đường, nước ta bị quân Tầu dấy loạn. Ngô làm tướng, giữ Ái-châu, đánh nhau với quân Tầu trên sông Bạch-đằng, bắt được tướng Tầu là Hoàng-Thảo, bình được giặc Nam-Hán, khôi-phục được giang-sơn nước nhà và gây nền tự-chủ trong cõi Lạc-hồng.

Năm 41 tuổi, Ngô làm vua, đóng đô ở Loa-thành, trị-vì được 6 năm thì mất.

Nhân mộ phát-tích nhà Ngô ở đền Vương thuộc xã Dy-chế, nên xã này làm đền phụng-sự để ghi nhớ công-đức một vị đế-vương cứu-quốc.

Đệ niên cứ đến ngày 17 tháng 2 an-nam là ngày kỵ-nhật : dân sở-tại tế lễ linh-đình.

Từ mồng 6 đến mồng 10 tháng 4 mở cửa đền, thiện-nam tín-nữ thập phương đến chiêm-bái rất đông.

Đền thờ đức Phạm-bạch-Hổ

Đền này thuộc xã Đằng-châu (huyện Kim-động), cách tỉnh-lỵ ba cây số.

Phạm-bạch-Hổ tên tự là Phòng-Ất, người xã Ngọc-đường (huyện Kim-động), là một vị trong mười hai Sứ-quân. Về cuối đời nhà Ngô, Bạch-Hổ đóng ở xã Đằng-châu, sau đem quân giúp vua Đinh-tiên-Hoàng khai quốc, làm quan Thân-vệ Đại-tướng-quân. Trong khi giẹp giặc, không hề để quân nhũng nhiễu dân lương-thiện hoặc dâm-hiếp đàn-bà con gái.

Khi qua Đằng-châu, Bạch-Hổ chú dinh ở đấy, cấm chấp bọn gian phi, làm nhiều việc công-đức. Dân-gian cảm ân-đức đem trâu, bò, lợn, rượu, khao quân. Bạch-Hổ không nhận. Dân-gian lại càng cảm-phục, xin duệ-hiệu làm đền thờ.

Qua đời Lý, Trần, Lê đều có sắc phong.

Cuối đời vua Lê Ngọa-Triều, Lý-công-Uẩn nhân đi thuyền chơi trên sông Đằng, qua trước cửa đền Bạch-Hổ, chợt gặp mưa to gió nhớn, Lý-công-Uẩn hỏi lái thuyền xem đền có thiêng không?

Phu chèo trả nhời :

« Đền thờ đức Phạm Đại-Vương, dân-gian xưa nay cầu gì cũng được ».

Lý-công-Uẩn khấn rằng :

« Nếu làm được tạnh gió, nửa sông bên này mưa, nửa sông bên kia

nắng, rồi lại làm nửa sông bên này nắng, nửa sông bên kia mưa, mới thực là anh linh ».

Quả nhiên thấy linh-ứng ngay thế. Lý-công-Uẩn lấy làm lạ, bèn chữa lại đền thờ.

Đến khi Lý-công-Uẩn sắp mưu làm vua, có đến đền Bạch-Hổ khấn xin báo mộng.

Đêm nằm mộng, thấy thần-nhân đọc thơ rằng :

« Yêu thắng nả đắc thắng, yêu thành nả khắc thành,
« Tứ phương dai thuận phục, chư quốc hưởng thăng bình,
« Tam niên trung lạc nghiệp, thất miếu tự an linh »

Dịch :

Muốn đánh thời được, muốn làm thời nên,
Bốn phương hòa thuận, các nước bình yên,
Ba năm xong việc, bầy miếu thiêng liêng.

(Bầy miếu tức là làm vua, được truy tự bầy đời).

Khi tỉnh giậy, Lý-công-Uẩn không hiểu ý bài thơ ấy ra sao? Có người đoán là điềm tốt.

Sau Công-Uẩn làm vua, hiệu là Lý Thái-Tổ, đổi Đằng-châu gọi là Thái-bình-phủ, phong Phạm-bạch-Hổ là *Thượng-đẳng Tối-linh Đại-vương*.

Đến đời nhà Trần, nước to, đền ở trong đê, dân gian thường thấy hình như có quan quân, xe ngựa, cờ quạt đi giữ đê, thành ra đê chỗ ấy tuy thấp nhỏ mà không bị vỡ lở bao giờ.

Đến đời nhà Lê, sông lở gần vào đến đền. Đêm, người quanh vùng nghe thấy hình như có tiếng hỏi nhau mượn thuổng cuốc và tiếng thợ làm. Đến sáng đã thấy bia đá và cột trụ đi vào trong đê hơn ba thước.

Đến đời chúa Trịnh, cầu-đảo việc gì cũng linh-ứng. Hàng năm cứ đến ngày trung-đinh, chúa Trịnh ban cho 40 quan 25 đồng tiền cổ để làm lễ tế.

Chúa Đoan-nam-vương Trịnh-Khải có đề ba bài thơ ở đền Bạch-Hổ như sau này :

I

Hộ quốc, an dân, hách quyết thanh,	護	國	安	民	赫	厥	聲
Lịch triều bao tặng, cổn hoa vịnh,	歷	朝	褒	贈	衮	花	榮
Lâm tiền Đằng thủy, chung linh tú,	臨	前	藤	水	鐘	靈	秀
Thập nhị đô kỳ đệ nhất doanh.	十	二	都	畿	第	一	營

Dịch :

Thần thiêng hộ nước, lại an dân,
Vua, Chúa, chuy phong, biết mấy lần?
Trước mặt sông Đằng thu nước tôt,
Danh kỳ thứ nhất rõ mười phân.

II

Bán giang tinh vũ tam quân tráng,	半江晴雨三軍壯
Bát diệp Hầu, Vương, nhất mộng thành	八葉侯王一夢成
Thiên vi Sứ-quân, lưu chính-khí,	天爲使君留正氣
Sinh vi anh dã. tử vi linh.	生爲英也死爲靈

Dịch :

Nửa sông mưa tạnh, ba quân mạnh,
Tám vị Hầu, Vương một giấc liền.
Trời khiến Sứ-quân phù đất Việt.
Sống thì là tướng, thác thần thiêng.

III

Cung doanh thử địa cổ Đằng-châu,	宮營此地古藤洲
Thập nhị sơn-hà, đệ nhất châu.	十二山河第一州
Tôi thị anh-hùng, lưu bất tử,	最是英雄留不死
Đường-lâm nhi hậu kỷ xuân thu?	唐林而後幾春秋

Dịch :

Mở mang danh lấy chôn Đằng-châu,
Sông núi mười hai giải, dứng đâu.
Khí phách anh-hùng còn mãi mãi,
Đường-lâm từng-trải mấy xuân thu?!!..

Đối-văn

I

Thập nhị sơn-hà thanh sử-bút,	十二山河青史筆
Bán thiên tinh vũ sích-giang lưu.	半天晴雨赤江流

Dịch :

Mười hai non nước, xanh ghi sử
Lơ lửng mưa mây, đỏ lộn sông.

II

Ngô-tướng Đinh-thần, hùng ư loạn giả năng ư trị,
Đằng-đô Đường-ấp, sinh vi anh nhi tử vi linh.

吳將丁臣雄於亂
者能於邑治生爲英
藤都唐邑爲灵
而死爲

Dịch :

Tướng Ngô, tôi Đinh là ai? khỏe làm loạn ắt hay làm trị,
Châu Đằng, ấp Đường còn đó, sống thời khôn mà chết thời thiêng!

III

Liễu liễu bán-giang yên, bất ký hà niên phân vũ tễ,
Y y thiên cổ miếu, tương truyền thử dạ chuyển đường cơ.

渺渺半江烟不記
何年分雨霽
依依千古廟相傳
此夜轉堂基

Dịch :

Đùn đùn khói sông kia, khôn biết năm mô là mưa tạnh,
Chơ chơ miếu cổ nọ, cùng truyền đêm ấy chuyển cơ-đồ.

IV

Đại địa anh-linh, thập nhị sơn-hà nguy Đầu-lĩnh,
Trường giang khí vượng, ức niên vũ-trụ tráng Đằng-châu.

大地英灵十二山
河魏斗嶺
長江氣旺億年宇
宙壯藤洲

Dịch :

Mạch đất thiêng liêng, non núi mười hai cao Đầu-lĩnh,
Giòng sông khí-vượng, cõi bờ muôn kiếp mạnh Đằng-châu.

Đền thờ đức Đinh-Điền ở xã Kim-đằng huyện Kim-động

Cuối đời nhà Ngô, mười-hai Sứ-quân chia nhau mỗi người giữ một nơi, đánh lẫn nhau, làm cho nhân-dân phải khổ sở.

Bấy giờ vua Đinh Tiên-Hoàng, người động Hoa-lư (tỉnh Ninh-bình) kéo cờ lau, đem quân giẹp loạn, lại được một tay kiện-tướng, tên gọi Đinh-Điền giúp sức.

Vua Đinh Tiên-Hoàng thấy Đinh-Điền là một người tài-cán, văn đã hay, võ lại giỏi, bèn cho Đinh-Điền làm quan chỉ-huy, coi cả mười đạo quân, sai ra Bắc để bình giặc Xứ-quân. Đinh-Điền đi đến tỉnh Hưng-yên (xưa gọi là Tự-nhiên-châu) đóng quân ở trại Đằng-man (thuộc huyện Kim-động). Chốn ấy có sơn-thủy thuận-tiện. Kỳ-lão và nhân-dân sợ hãi, đến xin làm đầy-tớ Đinh-Điền. Đinh-Điền chọn trong trại được ba người họ Phan, họ Phạm họ Nguyễn, cho làm gia-tướng. Trong trại, có con gái họ Phan tên là Môi-Nương, môi son, má phấn, cách-điệu dịu-dàng, lại thêm tài thao-lược. Đinh-Điền kết nghĩa với Môi-Nương, cho làm phu-nhân. Được ít lâu, Sứ-giả đến với Đinh-Điền đem binh về Kinh-đô bàn việc đánh giặc. Đinh-Điền đem phu-nhân và ba người gia-tướng cùng quân-sĩ về hội-đồng ở Kinh-thành.

Vua Đinh Tiên-Hoàng sai Môi-Nương đi dò hỏi thành giặc Ngô. Môi-Nương giả làm bần-nhân, lẻn vào thành họ Ngô, nửa đêm mở cửa thành cho vua Đinh Tiên-Hoàng và Đinh-Điền đem binh vào phá thành, bắt được giặc Ngô-Đầu, chém đầu. Hai ba nghìn quân bên giặc đều theo hàng. Từ bấy giờ, trong nước thăng-bình.

Vua Đinh Tiên-Hoàng lên ngôi trị-vì, phong Đinh-Điền làm quan Đại-tư-đồ, và cho Lê-Hoàn coi mười đạo quân. Các tướng đều được thăng-thưởng. Vua Đinh Tiên-Hoàng trị-vì mười một năm thì mất. Con thứ vua Đinh Tiên-Hoàng là Tuấn lên sáu tuổi được dựng làm vua. Được tám tháng, Lê-Hoàn cướp nước. Đinh-Điền mộ quân đánh Lê-Hoàn, nhưng đánh không được. Sau Lê-Hoàn lên làm vua.

Đinh-Điền cùng vợ và ba gia-tướng đem binh về trại Đằng-man. Kỳ-lão và nhân-dân ra mừng, xin dựng chốn trại ấy làm sinh-từ, để sau phụng-tự.

Đinh-Điền dặn kỳ-lão rằng: « Đến sau có thờ ta và phu-nhân, khi tế-tự, ba gia-tướng của ta cũng được phối-hưởng ».

Lại cho kỳ-lão 10 giật vàng để mua đất và ruộng cúng vào việc tế-tự.

Ngày 17 tháng 11, Đinh-Điền làm tiệc thết kỳ-lão. Đương khi ăn uống, có đám mây vàng quanh quất ở trước trại, rồi thấy Đinh-Điền trong đám mây ấy bay đi, đến đất Đằng-châu thì mất.

Phu-nhân cưỡi ngựa chạy theo, đến giữa đầm, tự-nhiên xa ngựa xuống mà hóa.

Ba người gia-tướng cùng nhân-dân bảo nhau lập miếu lên thờ. Đến sau cùng Lê Đại-Hành (trước là Lê-Hoàn) khảo khóa bách-thần để phong sắc, phong Đinh-Điền là *tế-thế hộ-quốc hiển-ứng-linh-quang đại-vương* gia phong là *Trung-chiêm kiệt-tiết tối-linh đại-vương*, phong Môi-Nương là *Huệ-hòa gia-tĩnh trinh-thục phu-nhân*, khi tế-tự cấm sắc đỏ, sắc vàng.

Tự bấy giờ rất linh-ứng.

Đời vua Trần Thái-Tôn, có giặc Phạm-Nhan hãm Kinh-thành. Tướng nhà Trần là Hưng-Đạo vâng mệnh vua cầu-khẩn bách-thần giúp nước.

Đinh-Điền và phu-nhân cũng linh-ứng. Khi giặc bình, vua Trần Thái-Tôn phong là *Nhất-vị Đại-vương Linh-ứng Anh-chiết hiển hữu trợ thuận*, phong Mỏi-Nương là *Nhất-vị Phu-nhân trinh-nhất từ-tường khí-ý đoan-trang*.

Đến khi vua Lê Thái-Tổ khởi nghĩa, bình giặc Liễu-Thăng, lại phong hai vị là *Phổ-tế Cương-nghị Anh linh*, và ban sắc cho trại Đăng-man sửa sang đền miếu để phụng-tự.

Từ bấy giờ trở đi, đúng ngày 17 tháng 11 là ngày kỵ-nhật, có cúng, tế long-trọng, nhưng tục cấm chèo hát.

Đối-văn

I

Nhất thống sơn-hà, phù Vạn-Thắng,	一統山河扶萬勝
Trùng huy nhật, nguyệt hộ song Đằng.	重輝日月護雙藤

Dịch :

Giúp vua Vạn-Thắng thu bờ cõi,
Hộ nước song Đằng rạng thỏ, ô.

II

Đằng-khổn doanh bình thang mộc ân đàm Phan, Phạm, Nguyễn,	恩沐湯屏營國藤 范阮潘單
Đình-triều trung-liệt cổn bao vinh riệu Lý, Trần, Lê	榮袞褒烈忠朝丁 黎陳孚耀

Dịch :

Cùng các chốn Đằng-doanh, làng mạc ra ơn Phan, Phạm, Nguyễn, Trung-lương triều Đình-thị, phân sơn bao thừa Lý, Trần, Lê.

III

Hoa-động vạn niên xuân, tá mệnh tôn-thần lưu phả điệp,	佐命春年萬洞蓬 譜牒生宗臣留
Chân-nam thiên cổ miếu, sinh quang ấp hộ đối càn khôn.	光生廟古千南鎮 坤乾對戶邑

Dịch :

Nơi Hoa-động muôn kiếp thường xuân, lãm-liệt dựng Tôn-thần, thanh-danh lưu sử sách,

Đất Chân-nam ức năm dựng miếu, uy-linh nơi ấp-hộ, nguyên-khí đối càn, khôn.

IV

Văn vũ bẩm toàn tài, vi chỉ-huy, vi tư-đồ, Hoa-động riệm truyền kim ngọc lữ,

Phượng, loan kết thành hữu: nhất trung-thần, nhất liệt-nữ, Đằng-châu cảnh ngưỡng sích hoàng vân.

文 武 稟 全 才 爲 指 洞
揮 爲 司 徒 迄 侶
艷 傳 金 玉 侶
鳳 鴛 結 成 友 一 思 洲
臣 一 烈 女 藤
景 仰 赤 黃 雲

Dịch :

Văn vũ gồm tài, quan chỉ-huy, quan tư-đồ, bạn vàng ngọc, truyền nơi Hoa-động,

Phượng, loan kết bạn, đứng trung-thần, đứng liệt-nữ mây đỏ vàng hiện chốn Đằng-châu.

V

Chướng hạ phong vân, Cổ-việt sơn-hà tự tại,

Lâu trung khí sắc, Đằng-thành thủy nguyệt song thanh.

帳 下 風 雲 翟 越 山
河 自 在
樓 中 氣 色 藤 城 水
月 双 清

Dịch :

Khí sắc ánh trong lầu, giăng nước Đằng-thành trong sáng suốt,
Gió mây truyền dưới chướng, non sông Cổ-việt vững bền thay!

(Hai câu này dịch đảo ngược)

VI

Sơn thủy hữu tinh, thập đạo tinh doanh kim cổ thự,

Hổ long bão vệ, tam quân phong lệnh tuyết sương thu.

山 水 有 情 十 道 星
菅 今 古 墅
虎 龍 抱 術 三 軍 風
令 雪 霜 秋

Dịch :

Sơn thủy có tình, mười đạo sao bầy doanh trại trước,
Hổ long bao bọc, ba quân gió chuyển luật binh mau.

VII

Ngân-hoàng phái diễn, ngật nhiên vi trụ - thạch đồng - lương, trung-dũng song - toàn, thiên vị long-đàm lưu vượng khí,
Hoa biểu nguyệt minh, ái như kiên quân cao thê thẳng âm dương hợp đức địa ư Đảng-chử sưởng thần cao.

為勇潭
然忠龍
屹樑爲
衍棟天
派石全
潢柱雙
銀　笛
　花

見陽渚
如陰滕
鯫愴於
明慳地
月嶌德
表梁合
厥神掣

Dịch :

Nước chảy Ngân-hoàng, đứng giữa giòng, mộc đá, cột dường, trung-dũng toàn-tài, giời vị long-đàm lưu khí vượng;

Giăng soi hoa tiểu, hiện trên tòa ngút ngàn lạnh lẽo, âm dương hợp đức, đất riêng Đảng-chử hiển thần thiêng.

VIII

Lư kỳ khai Đê-quốc,
Ngân-phái xuất nguyên-thần.
Phụ chúa lự trung khổn,
Bình Ngô tập đại huân.
Tráng-tâm tranh liệt nhật,
Hiệu khí thác hoàng-vân.
Cô-lũy dư linh tại,
Thiên thu miêu-mạo tân.

國臣悃勲日雲在新
帝元忠大烈黄灵貌
開出攄集爭托餘廟
旗派主吳心氣壘秋
蘆銀輔平壯浩故千

Dịch :

1

Cờ lau mở nước Việt,
Cột đá dựng trời Nam.
Giúp vua hết sức mạnh,
Giẹp giặc nhất vũ-quan:
Lòng mạnh tranh trời sáng,
Khí cao thác mây vàng.
Oanh-liệt từng doanh cũ,
Nghìn thu miếu-mạo sang.

2

Cờ lau, Đê-quốc mở màng,
Vồn giòng Ngân phái đầu hàng bây tôi
Giúp vua trung-liệt như sôi,
Giặc Ngô đuổi hết về nơi đất ngoài.
Gan vàng soi có mặt trời,
Thác làm chính-khí, xa khơi mây vàng;
Lũy thành còn để tiếng vang.
Nghìn thu miếu-mạo huy-hoàng như xưa!

IX

Đinh - thề thân - thần ngoại
Giáp-quan,
Cô trung báo quốc mỗi bàn hoàn.
Ái - châu khởi nghĩa thanh
nhưng tráng,
Hoa-động thu linh tiết dĩ toàn
Vạn cổ đan thanh thùy chính-khí,
Thiên thu tiêm-ngụy khiếp
trung can.
Lịch triều ba cổn, âm dương hợp,
Đằng - ập hương đăng lại dĩ an.

丁 世 親 臣 外 甲 官
孤 忠 報 國 每 槩 桓
愛 州 起 義 聲 仍 壯
迄 洞 收 靈 節 已 全
萬 古 丹 青 垂 正 氣
千 秋 僭 僞 怯 忠 肝
歷 朝 葩 衮 陰 陽 合
藤 邑 香 燈 賴 以 安

Dịch :

Phù-tá vua Đinh quan Giáp-quan,
Cô-trung báo nước, chẳng phản-nàn.
Tiếng lừng châu Ái, cơ-đồ mạnh,
Hồn thác : danh-hoa, tiết-nghĩa toàn;
Muôn kiếp vẽ vời, lưu chính-khí,
Nghìn năm giặc giã vỡ mưu dan
Âm dương hợp đức, triều phong tặng,
Đằng-ập đèn hương giúp được yên...

Đền thờ đức Đoàn-Thượng

Đền này ở xã Yên-nhân, thuộc huyện Mỹ-hào.

Đoàn-Thượng người làng Hồng-thị, huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương. Thời vua Huệ-Tôn nhà Lý, phụng-mệnh trấn-thủ ở Hồng-châu.

Đoàn-Thượng có sức khỏe hơn người, mỗi khi lâm trận, một đao một ngựa, xông vào đám trăm người, nghìn ngựa, tung-hoành vô-địch.

Đến khi Lý-chiêu-Hoàng nhường ngôi cho Trần Thái-Tôn, Đoàn-Thượng chiếm-giữ một châu, không chịu theo về với nhà Trần. Trần Thái-Tôn đánh mãi không được, bèn lập kế dụ-hàng, hứa phong cho tước Vương và gả Công-chúa cho.

Đoàn-Thượng nhất-định không chịu khuất, chiêu binh tập mã, tự xưng là Đông-hải-vương, có ý muốn khôi-phục lại giang-sơn cho nhà Lý.

Thái-sư Trần-thủ-Độ đánh nhau luôn mấy năm, không phá nổi, bèn lập kế giảng-hòa, ngầm sai một đại-tướng là Nguyễn Nộn đem quân đánh mặt sau.

Đoàn-Thượng chắc đã giảng-hòa, nên không phòng bị. Chợt thấy tin Nguyễn-Nộn đến đánh, bèn kéo quân ra cự-địch. Đương đánh nhau thì Thủ-Độ đánh đến mé trước. Quân nhà Trần hai mặt đánh rồn vào một. Quân Đoàn-Thượng kinh-hãi, chạy mất cả. Đoàn-Thượng quay ngựa lại đánh mặt tiền quân, không ngờ bị một viên tướng nhà Trần ở mé sau chém với một nhát vào cổ Đoàn-Thượng gần đứt. Nơi ấy là xứ Đồng-đạo thuộc xã Yên-phú.

Đoàn-Thượng cởi giây lưng buộc vào cổ cho khỏi rơi đầu, rồi hầm hầm tế ngựa chạy, chạy đến đâu, quân nhà Trần sợ hãi phải rẽn đường cho chạy.

Chạy gần đến làng Yên-nhân, có một ông cụ già áo mũ chỉnh chạc, chắp tay đứng bên đường nói rằng:

«Tướng-quân trung-dũng lắm! Thượng-đế đã kén tướng-quân làm Thần xứ này. Có một cái gò bên cạnh làng kia, đó là đất hương-hỏa của tướng-quân, xin tướng quân để tâm cho...»

Đoàn-Thượng vâng một tiếng, đến chỗ gò ấy, xuống ngựa, gối đầu vào ngọn mác mà nằm, một lúc thì mất, mối đùn đất, thành mộ ngay.

Dân làng Yên-phú thấy vậy, lập miếu, tô tượng để thờ. Về sau nước lụt vỡ đê, đền đổ, tượng trôi vào xã Yên-nhân. Xã Yên-nhân lại dựng một tòa miếu khác để thờ, ngay cạnh bờ sông Hồng-giang, mé trước trông ra đường cái-quan.

Hoàng-triều phong cho Đoàn-Thượng chức *Bảo-quốc hà-dân Nhất-đẳng-thần.*

Câu đối để ở đền thờ đức Đoàn-Thượng

I

Dị-tích lưu truyền Đông, Bắc cảnh,	異跡流傳東北境
Anh thanh hiển hách Lý, Trần gian	英聲顯赫李陳間

Dịch:

Truyện lạ di-truyền cõi Đông, Bắc,
Dâu thiêng lừng lẫy khoảng Lý, Trần.

II

Vạn cổ giang sơn dư cô lũy,
Nhất soang trung, nghĩa đối trường không.

萬古江山餘故壘
一腔思義對長空

Dịch:

Muôn kiếp non sông, còn lũy cũ,
Một lòng trung, nghĩa, đôi trời xanh.

III

Tùng thụ sương nghiêm hoài Lý tháo,
Giang lưu ba khích nộ Trần thanh.

松樹霜嚴懷李操
江流波激怒陳聲

Dịch:

Sắc thông in tuyết mầu phù Lý,
Tiếng sóng giòng sông thét nộ Trần.

IV

Nộ Trần dục đảo tam giang thủy,
Tồn Lý không dư bách chiến thành.

怒陳欲倒三亡水
存李空餘百戰城

Dịch:

Đổ nước ba sông, giận Trần khôn hết,
Trơ thành bách chiến ngôi Lý vẫn còn.

V

Kháng Trần kính tiết Vân-Trường Bắc,
Phù Lý cô trung Vũ-Mục Nam.

抗陳勁節雲長比
扶李孤忠武穆南

Dịch:

Kháng Trần xưa sánh Vân-Trường Bắc,
Trung Lý nay là Vũ-Mục Nam.

VI

Trí kim chính khí hoành Tinh, Nhạc,
Trung cổ linh từ chĩ Bắc, Đông.

至今正氣橫星岳
終古灵祠峙北東

Dịch:

Đến nay khí chính ngang Tinh, Nhạc,
Nghìn thủa đền thiêng vẫng Bắc, Đông

VII

Nhất niệm trung thành quy đế giản,
Thiên thu hưởng tự ký thần ngôn

一念忠誠歸帝簡
千秋享祀記神言

Dịch :

Một dạ trung thành, vua biết sức,
Nghìn thu hưởng tự, thánh khai ngôn.

VIII

Nhất thiên chính-khí sơn hà tại,
Vạn cổ anh-thanh, thảo mộc chi.

一天正氣山河在
萬古英聲草木知

Dịch :

Một vùng chính-khí, truyền cây cỏ,
Muôn kiếp anh thanh cả núi sông.

IX

Hùng uy bách chiến dư cô lũy,
Đông thổ thiên thu ngật chính từ.

雄威百戰餘故壘
東土千秋屹正祠

Dịch :

Oai hùng trăm trận còn thành cũ,
Đền chính ngàn năm dựng cõi đông.

X

Lý, Trần thê-cục tang sương cổ,
Thiên địa cương-thường tuế nguyệt tân.

李陳世局桑滄古
天地綱常歲月新

Dịch :

Dâu bể cuộc đời Trần, Lý trước,
Cương-thường sách sử đất, trời nay.

XI

Vạn cổ cương-thường tâm hữu Lý,
Nhất thiên qua kích mục vô Trần

萬古綱常心有李
一天戈戟目無陳

Dịch :

Muôn kiếp cương-thường, lòng tạc Lý,
Một trời gươm giáo, mắt khinh Trần.

XII

Thanh miêu tuế thời hương, lăng, cốc bất khai canh hoán cục.
Hồng-châu kim cổ lộ, cương-thường súc khởi vãng lai nhân

陵局綱人
香換路來
辰更古往
歲開令起
廟不州觸
清谷洪常

(Hai câu này của bà Thi-Điểm soạn)

Dịch :

Khói hương thanh miêu ngọt ngào, trời trăng gió cao nêu nên tiết nghĩa,

Đường sá Hồng-châu đi lại khách gần xa trông rõ cột cương-thường.

Đền thờ đức Phạm-ngũ-Lão

Đền này ở xã Phù-ủng, phủ Ân-thi, tỉnh Hưng-yên, là một ngôi đền cổ trong nước Nam ta.

Phạm-ngũ-Lão là người làng Phù-ủng, sinh năm Ất-mão niên-hiệu Nguyên-Phong thứ năm, đời vua Thái-Tôn nhà Trần.

Phạm-ngũ-Lão bẩm sinh ra dung-mạo khôi-ngô, tư-giời thông-sáng, và lại tài-khí khác thường, kinh thánh truyện hiền, binh-thư võ-lược, đều gồm thông cả.

Trong hai-mươi tuổi đã có tính khẳng-khái. Làng có một người tên là Bùi-công-Tiến đỗ Tiến-sĩ ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, riêng Ngũ-Lão không thèm lại.

Bà mẹ Ngũ-Lão bảo rằng :

— Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm! Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút ?

Phạm-ngũ-Lão thưa rằng :

— Thưa mẹ, con chưa làm nên gì để vui lòng mẹ, mà con đi mừng người ta, thì con lấy làm nhục lắm.

Nhà ở bên cạnh đường cái. Một ngày Phạm-ngũ-Lão khoanh chân, ngồi vệ đường vót tre đan sọt, chợt có Trần Hưng-Đạo Đại-vương từ đồn Vạn-kiếp chầy vào Kinh (Hà-nội), quân quyền kéo đi rất đông. Quân tiền-đạo thấy Ngũ-Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, thét bảo đứng giậy. Ngũ-Lão cứ ngồi nghiễm-nhiên, như không nghe tiếng. Quân linh cầm ngọn giáo đâm vào đùi Ngũ-Lão. Ngũ-Lão vẫn cứ ngồi vững không động mình.

Xe Hưng-đạo-vương liền tới, trông thấy thế lấy làm lạ, dừng lại cho hỏi. Bấy giờ Ngũ-Lão mới biết là có quan quân đi qua và quân lính đâm vào đùi mình.

Hưng-đạo-vương hỏi rằng :

— Nhà ngươi ở đâu ? Sao ta qua đây mà cứ ngồi chững chạc làm vậy ?

Thưa rằng :

— Tôi đương trong khi nghĩ ngợi, nên không biết đến việc ngoài.

Hưng-đạo-vương lấy làm kỳ, hỏi đến sự học-hành. Ngũ Lão ứng-đối như nước chảy. Hưng-đạo-vương biết là bậc văn-võ toàn-tài, sai nhổ mũi giáo, dịt thuốc dấu, cho ngồi xe đưa về Kinh, tiến-cử lên vua cho coi quân cấm-vệ.

Các vệ-sĩ không phục, xin cùng Ngũ-Lão đấu võ-nghệ. Ngũ-Lão nhận nhời, xin vua cho về nhà ba tháng, để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đấu sức và nhận chức nhân thể. Ngũ-Lão về nhà, ra ngoài đồng tìm chỗ gò cao tập nhảy. Hết hạn lại vào Kinh, họp cả quân cấm-vệ để cùng đấu võ. Các vệ-sĩ xúm chung quanh kể hàng nghìn người, Ngũ-Lão tay đấm chân đá, nhảy nhót như bay, nghìn người không địch nổi nên đều chịu phục cả.

Một ngày Hưng-đạo-vương mở trường diễn-vũ để thi tài các gia-tướng, treo giải một tấm lụa. Duy có Ngũ-Lão bắn ba phát tên đều trúng hồng-tâm cả, vậy được lĩnh giải. Thời ấy, có Yết-Kiêu không phục, lại xin cùng đấu kịch, nhưng cũng bị thua Ngũ-Lão.

Hưng-đạo-vương cho Ngũ-Lão là đầu các hàng gia-tướng và lại gả con gái cho nữa.

Năm Giáp-thân đời vua Nhân-Tôn, Thái-tử nhà Nguyên là Thoát-Hoan cùng đại-tướng là Ô-mã-Nhi kéo năm mươi vạn quân sang lấn nước ta, một mặt thì tướng Toa-Đô sang đánh nước Xiêm-thành, hai đường hợp một.

Triều-đình sai Trần-quang-Khải cùng Phạm-ngũ-Lão hãn ngữ mặt trong. Khi quân Toa-Đô tới tỉnh Nghệ-an, Quang-Khải và Ngũ-Lão đem quân chống-cự, quân giặc bị thua. Toa-Đô phải theo đường bể về Tầu. Lúc ấy vua Nhân-Tôn đóng ở Thanh-hóa, lại sai Ngũ-Lão cùng Quang-Khải đánh giặc ở bến Chương-dương Toa-Đô thua trận, bị Trần-nhật-Quật chém chết. Ô-mã-Nhi phải bỏ thành Thăng-long chạy chốn. Ngũ-Lão cùng Quang-Khải tiến quân, thu phục được thành Thăng-long.

Đến năm Đinh-hợi, Thoát-Hoan lại đem quân sang lấn, Hưng-đạo-vương sai Ngũ-Lão cùng chư tướng hãn-ngữ các quan-ải. Quân Ngũ-Lão đóng ở đất Nội bàng, đánh đuổi và chém được tướng A-bát-Sích trước trận tiền. Thoát-Hoan chạy thoát.

Vua Nhân-Tôn định công đánh được giặc Tầu, gia-phong Ngũ-Lão làm *Quản-hữu-vệ Thánh-dực-quân*. Năm ấy, Ngũ-Lão mới 36 tuổi.

Ngũ-Lão trị quân có kỷ-luật, đãi tướng-hiệu như người nhà, ở với sĩ tốt cùng chịu cam-khổ, cho nên vẫn gọi là *Phụ-tử chi-binh*, đánh đâu được đấy.

Về sau, nước Ai-lao đem hơn một vạn voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ-Lão cầm quân đi đánh. Ngũ-Lão sai dân chặt tre đực, chồng chất ở các vệ đường, khi Ngũ-Lão kéo quân vào đánh, giặc thúc voi sấn lên. Ngũ-Lão chân tay không, sấn vào, gặp đống tre nào thì vớ lấy đống tre chỗ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau, gầm rống lên chạy về, giẫy xéo cả vào quân Ai-lao chết hại rất nhiều. Ngũ-Lão thúc quân đánh tràn sang, quân Ai-lao tan vỡ, phải trốn về đêm. Bao nhiêu đất giặc lấn vào, đều lấy lại được cả.

Vì có những công to ấy, Ngũ-Lão được thăng chức *Điện-tiền thượng-tướng-quân*. Đến khi mất, được phong làm *Thượng-đẳng phúc-thần*. Người làng Phù-ủng lập miếu thờ ngay chỗ nhà cũ của Phạm-ngũ-Lão, có hai vị tượng phỗng quỳ hai bên hương-án, ghi công đánh phục được nước Xiêm-thành. Các đời vua đời nào cũng có sắc phong, được tòng-tự ở Lịch-đại Đế-Vương miếu.

Ngũ-Lão nguyên là bộ-tướng của Hưng-đạo-vương, cho nên các đền thờ Hưng-đao-vương cũng có thờ Ngũ-Lão.

Ngũ-Lão đã giỏi nghề võ, lại hay nghề văn. Tính hay xem sách ngâm thơ, thường ngâm bài thơ thuật-hoài sau này :

Hoành sáo giang-sơn, cáp kỷ thu,	橫槊江山恰幾秋
Tam quân tì hổ, khí thôn ngưu [1].	三軍貔虎氣吞牛
Nam-nhi vị liễu, công-danh trái,	男兒未了功名債
Tu thính nhân-gian thuyết Vũ-Hầu.	羞聽人間說武侯

Dịch :

Vẫy giáo non sông, trải mây thâu,
Ba quân khí-thê nuốt sao ngâu.
Công-danh nợ ấy, ai chưa trả ;
Luông thẹn : Tai nghe truyện Vũ-Hầu

Có người dịch là :

1

« Mây rạo non sông, nguẩy giáo dài,
« Thú gấm, ngâu nuốt, nhức binh-oai.
« Công danh còn nợ nhà trai đó ;
« Truyện Vũ-Hầu, nghe thẹn với đời !. . »

2

« Ngọn giáo non sông, trải mây thâu,
« Ba quân tì-hổ, khí thôn-ngưu.
« Công-danh, nếu để còn vương nợ ;
« Luông thẹn : Tai nghe truyện Vũ-Hầu !. . »

(1) ý nói mạnh mẽ hăng-hái, có thể nuốt sống được con trâu

Cha

và

Xã Đăng Châu
Xã Xích Đằng
Xã Hòa
Phố Tân Nhân
Phố Tân Thu
Phố Hàu Trường
Đình Quan Công
Hồng Hà
Hồng

Thành Phố Hưng Yên
và các Xã lân cận

Tỉ lệ 1/2 500

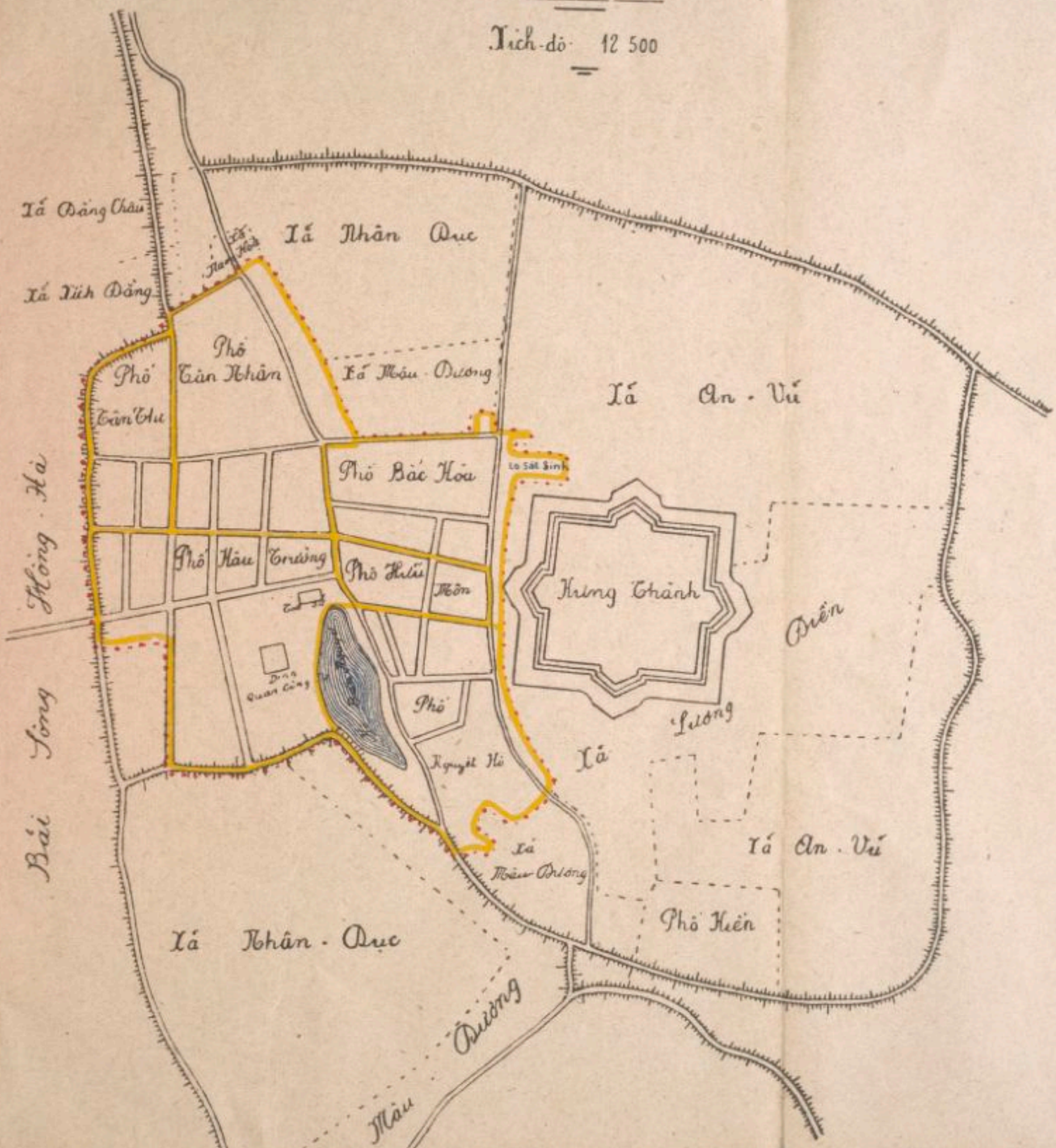

Tiểu dẫn :

— Địa giới các Phố

- - - - Địa giới Thành Phố

≈≈ Đê bao tỉnh

.... Địa giới các Xã

Năm Canh-ti thứ bảy, Hưng-đạo-vương mất, Ngũ-Lão cảm việc thời-gian, nhớ tình tri-ngộ, làm bài thơ viếng rằng:

Trường-lạc chung thanh, hưởng nhất chùy,
Thu-phong tiêu tán bất thăng bi.
Cửu-trùng minh-giám, kim dĩ hỹ,
Vạn-lý trường-thành, thục hoại chi;
Vũ-ám trường-giang không lệ-huyết,
Vân-đê phức đạo tỏa sầu-mi;
Ngưỡng quan khuê tảo từ phi dật,
Ngư thủy tình-thâm kiến vịnh thi.

長樂鍾聲響壹槌
秋風消散不勝悲
九重明鑑今已矣
萬里長城孰壞之
雨暗長江空淚血
雲低複道鎖愁眉
仰觀奎藻詞非溢
魚水情深見咏詩

Dịch:

Trên cung Trường-lạc, tiếng chuông hồi,
Hiu hắt may thu, luống ngậm ngùi;
Minh-chúa thủa xưa đà vắng hẳn,
Tràng-thành giầu cũ, bỗng đâu rồi?
Sụt sùi mưa vỗ, sông dài dặc,
Nhăn nhó mây tuôn, ngõ hẹp hòi;
Bút ngự rành rành ghi truyện thực,
Ngàn thu cá nước, nghĩa vua tôi!..

Trong tập thơ « Việt-sử tổng-vịnh », đức Dực-Tôn Anh-hoàng-đế có bài thơ rằng:

Bạc phạt Xiêm, Lào chiến tráng du,
Đương thời danh-tướng, hãn vi trù.
Thành công chỉ tại năng đồng giục,
Bất phụ cao ngâm sí Vũ-Hầu.

薄伐占牢展壯猷
當辰名將罕爲儔
成功只在能同欵
不負高吟企武侯

Dịch:

1

« Giẹp đánh Lào, Xiêm tỏ tướng tài,
« Võ-thần mấy kẻ được chen vai.
« Dưới cờ một dạ, nên công nhớn,
« Gia-Cát, trời Nam, lại có hai. »

2

« *Giản dành Xiêm, Lào, giãi lược sâu,*
« *Cùng thời các tướng, dễ bằng đâu?*
« *Nên công chỉ vị cùng lòng muôn;*
« *Sánh Vũ-Hầu, xưa cũng đáng câu.* »

(Trích trong quyển « Phạm Điện-súy » của quan Tuần phủ Nguyễn-đình-Chuẩn).

Cụ Phạm-lạp-Trai Hoa-Đường có đề bài thơ ở đình Phù-ủng rằng:

Tướng-quân miêu mạo tướng-quân đinh
Tướng-quân linh chiểu lục hà sinh.
Tam triều sự-nghiệp di-biên tại
Vạn cổ giang-sơn nhất sáo hoành
Nguyên tự chỉ ưng thâu Vạn-kiếp,
Dư uy do khả bái Xiêm-thành
Thư sinh riệc hữu thôn ngưu chí,
Chù chướng di ngâm họa bất thành.

將軍廟貌將軍營
將軍靈沼綠荷生
三朝事業遺編在
萬古江山一槳橫
元祀只應輸萬劫
餘威猶可敗占城
書生亦有吞牛志
湖帳遺吟和不成

Dịch:

« *Đình cũ nguy nga, nổi miếu đài,*
« *Trước đài sen nở, nức thơm rơi.*
« *Sử ghi sự-nghiệp ba triều trải,*
« *Tay vững non sông một dáo dài.*
« *Hương lửa từng trên, nhường điện Kiếp.*
« *Trận-đồ oai-sót khiếp quân Hời*
« *Thôn ngưu mấy vận lòng hăng-hái.*
« *Học họa không nên, luống ngậm ngùi* »...

(Trích trong quyển « Phạm Điện-súy » của quan Tuần-phủ Nguyễn-đình-Chuẩn).

Sự tích đức Thánh Bà

Tôn-hiệu ngài là Nguyên-quận-chúa, khi ở nhà, một đêm, trời thanh, trăng sáng, ngài cùng bà chị là Trinh-quận-chúa ra chơi vườn hoa, bỗng thấy trên trời có một đám mây ngũ sắc dần dần bay xuống vườn hoa, giữa có một bà Tiên-mẫu hai bên có hai vị Tiên-nương. — Tiên-mẫu đưa ra một thanh *Phi-thiên-thần-kiếm* và bảo rằng: « Ta giao thanh thần-kiếm này cho hai con đưa về cho Vương-phụ, để dành về sau dùng mà trừ loài

yêu-quái » – Hai bà khấu đầu lậy tạ, lại hỏi đến số-phận mình ra sao? – Tiên-mẫu bảo rằng: « Chị thì chính-vị Hậu-phi, em thì sánh vai với một vị tướng-quân anh-hùng cái-thế », rồi liền biến mất.

Hai bà đem kiếm về dâng đức Hưng-đạo Đại-vương. Sau bà Trinh-quận-chúa lấy vua Nhân-Tôn mà bà Nguyên-quận-chua hài duyên với đức Điện-súy Phạm-ngũ-Lão.

Thanh *Phi-thiên-thần-kiếm* ấy sau dùng chém tướng Phạm-Nhan.

Nay xã Phù-ủng thờ bà Nguyên-quận-chúa ở cung bên tả đình. Các triều đều có sắc phong.

Sự-tích đức Cung-phi

Đức Cung-phi là con gái đức Điện-súy, cháu gái đức Hưng đạo. Từ khi vào Kinh, vua Anh-Tôn thấy người tính-cách đoan-trang, dung-tư yểu-điệu, bèn phong làm Thứ-phi.

Vua Anh-Tôn mất, một ngày đức Cung-phi về chốn quê-hương, lên chùa Bảo-sơn, truyền sửa sang chùa lại, rồi làm nhà dựng phủ ở bên đông chùa, để làm chỗ thờ tổ-tiên.

Công việc vừa xong, đức Thượng-Hoàng là vua Minh Tôn ngự tớ. chùa ngoạn-cảnh và cho chữ đề biển vàng.

Chùa Bảo-sơn nguyên ở bên kia sông, sau đổi là chùa Cẩm-ân, có bia đá, nền chùa, còn truyền cổ-tích. Sau chùa ấy thiên sang bên này sông, để tiện việc thờ phụng.

Mỗi năm, ngày 13 tháng giêng cho đến 23 tháng giêng, thập-phương đến lễ rất đông: gọi là Hội Ủng.

Hai câu đối quốc-văn khắc ở cột đá chùa:

1

« Thoảng bóng sen vàng, mây phủ tán,
« Sực mùi hương ngự, gió đưa hoa »

2

« *Cẩm-ân* chùa cũ, tên ghi đá,
« *Hiếu Kính*, nền xưa chữ chói vàng ».

Câu tập Kiều:

« Cỏ thụ, san hồ cảnh cũ nay nhìn đà khác,
« Loan-nghi, phượng tiểu, hương thừa nhưởng hãy đâu đây. »

Đền xã Đào-đặng

Đền này thờ Đào-Nương là một ả-đào trứ-danh, đã đem sắc đẹp, tiếng hay, giúp nước được nhiều việc trong lúc nguy-nan.

Cuối đời nhà Hồ, nước Ta nội thuộc nước Tầu. Người nhà Minh sang đặt đồn ở xã Đào-đặng thuộc huyện Tiên-lữ bây giờ. Một người ca-công tên là Ả-đào nổi danh tài sắc một phương, khiến người nhà Minh phải mê mẩn tâm-thần, Đêm đến, Ả-đào lừa dốt quân nhà Minh vào trong một cái bao cói rồi vứt xuống sông. Người nhà Minh thấy đồng-bào cứ chết dần không hiểu vì cớ gì, sợ hãi, phải dời đi phương khác. Dân vùng ấy nhờ thế được yên ổn làm ăn.

Đời sau nhớ công ơn ấy mới lập đền thờ, đặt tên thôn là thôn Ả-đào. Tiếng Đầu là nói trạnh chữ Đào, chợ Đầu tức là chợ xã Đào-đặng, cách tỉnh-lỵ năm cây số, buôn bán xầm-uất, phố sá đông vui.

Đền thờ bà Dương Thái-hậu

Đền này ở làng Mậu-dương, trên bờ hồ Bán-nguyệt ngay giữa tỉnh lỵ Hưng-yên.

Khi quân Nguyên dấy loạn bên Tầu, Kinh-đô thất-thủ. Vua Tống cùng Dương Thái-hậu và quần-thần xuống tầu ở Nhai-sơn chạy chốn. Gặp cơn phong-ba, tầu đắm ngoài khơi. Bao nhiêu người trong tầu chết đuối hết cả.

Sóng bể đưa thây bà Dương Thái-hậu vào cửa sông Phú-lương là một chi-lưu sông Hồng-hà. Nước thủy-triều xuống. bà nằm trên bãi cát như yên giấc điệp, mặt mũi vẫn hồng-hào, quần áo vẫn mới đẹp như lúc sinh-thời.

Nhân-dân lũ lượt kéo nhau lại xem. Lúc biết bà đã chết rồi, họ bảo nhau chôn cất rất là tôn-kính. Mộ bà dần dần đất đùn lên thật cao, sóng bể không tràn tới nữa.

Bà rất linh-thiêng, hưởng-ứng giúp các thuyền-trài qua lại được nhiều tôm cá. Dân-sự thấy vậy, cho bà là linh-thần, bèn lập đền thờ ở địa-phận xã Mậu-dương.

Sau bể lui mãi ra ngoài, một phần lòng sông Phú-lương thành hồ Bán-nguyệt, nước trong xanh, ngay dưới chân đền.

Trong đền, có nhiều câu đối. Xin trích-dịch ra sau đây:

I

Nhai-sơn chính-khí, đồng thiên-địa,
Hồ Nguyệt linh-thanh, tự cổ-kim.

匪山正氣同天地
湖月靈聲自古今

Dịch:

Nhai-sơn chính-khí, cùng trời đất,
Hồ Nguyệt linh-thanh, giãi tháng ngày.

II

Thiên vô hựu Tống sơn-hà, ninh ba phát phu hoàn đại tạo,
Địa thị Cửu-nguyên vũ-trụ, cô tương tinh phách hiển Nam-bang.

天無祐宋山河寧
波髮膚逆大造
地是仇元宇宙故
将精魄顯南邦

Dịch :

Giang-sơn nhà Tống, trời sắp đổi thay, sao nỡ hình-hài quanh nước bắc?
Cửu-địch giặc Nguyên, đất còn dâu-tích, quyết đem hồn-phách hiển phương Nam.

III

Cao, Tào, Hướng, Mạnh chi hiền, mẫu-đức chính kham tỷ nghĩ,
Biện, Quảng, Mân, Hàng chi sâm, thiên-tâm tảo rĩ an bài.

高曹向孟之賢
母德正堪比擬
汴廣閩杭之識
天心早已安排

Dịch :

Hiền-đức như họ Hướng, họ Mạnh, họ Cao, họ Tào, mẫu-nghi ấy chính cùng sóng-sánh,
Nhởi sâm dạy : châu Mân, châu Hàng, châu Biện, châu Quảng thiên-tâm kia sớm đã đặt bầy.

Đền thờ bà Nhị-Khanh

Từ-Đạt người ở Khoái-châu, làm quan ở huyện Đông-quan, đi lại với quan Thiêm-thư là Phùng-lập-Ngôn rất thân-mật. Phùng có con trai là Trọng-Quỳ, Từ có con gái là Nhị-Khanh, hai bên gả cho nhau.

Nhị-Khanh còn ít tuổi, nhưng rất hiền-hậu, hòa-thuận; Trọng-Quỳ tính hay chơi-bời, nàng khuyên can mãi không được.

Năm sau, tỉnh Nghệ-an, giặc cướp như ong, Triều-đình cần người vào giẹp cho yên. Đình-thần vốn ghét Phùng-lập-Ngôn là người thẳng tính, đề-cử Phùng vào chức ấy, có ý muốn hại Phùng.

Lập-Ngôn sắp lên đường, bảo Nhị-Khanh rằng:

« Đường đất xa xôi, cha không muốn con đi theo. Con nên tạm ở nhà, chờ lúc thái-bình, sẽ cho con về với chồng con ».

Trọng-Quỳ thấy vợ không cùng đi, có ý lưu-luyến muốn ở nhà, Nhị-Khanh can rằng:

« Nay nghiêm-đường vì nói thẳng mà nhiều kẻ ghét, tuy cất vào địa-vị quan-trọng, mà kỳ-thực đưa vào nơi hiểm-cố. Muôn dặm xa khơi, hai

thân mưa nắng, chàng không đi thì ai là kẻ sớm trưa hầu-hạ. Vậy chàng chớ vì thiếp mà khinh thường đạo hiếu ».

Trọng-Quỳ bất-đắc dĩ phải theo cha mẹ về Nghệ, để Nhị-khanh ở lại Đông-quan. Chẳng bao lâu, cha mẹ đẻ Nhị-Khanh mất cả. Nhị-Khanh đem mả về táng ở phủ Khoái-châu, rồi ở cùng bà cô họ là Lưu thị.

Bấy giờ có người quan-võ họ Bạch, nguyên là cháu ngoại Lưu-thị, thấy Nhị-Khanh nhan sắc, bèn nói với Lưu-thị, hỏi Nhị-Khanh làm vợ.

Nhị-Khanh sợ hãi, bảo riêng người vú-già rằng :

« Ta còn nhẫn nhục đến giờ, là vì chàng họ Phùng. Chàng họ Phùng còn đó, nếu không, ta đã chết rồi, chứ khi nào ta mặc áo xiêm của chồng, làm đỏm để sánh vai cùng kẻ khác. Mụ ở nhà ta lâu năm, nếu còn nhớ đến ân tình thì nên vào Nghệ tìm chồng ta về ».

Người vú vâng nhời ra đi. Đương thời-kỳ loạn-lạc, việc thông-hành gặp nhiều điều chắc chở. Mụ cố sức tìm vào đến Nghệ, hỏi thăm ai cũng nói rằng : Quan Tuyên-phủ Lập-Ngôn đã mất, con trai chơi bời, cửa nhà sa sút ».

Người vú đi đường gặp Trọng-Quỳ trong chợ. Trọng-Quỳ đưa mụ về nhà, chỉ còn một túp lều danh, bốn bề bỏ trống, đồ đạc gồm có một bàn cờ, bộ ấm chén uống rượu, con gà chọi, con chó săn mà thôi.

Trọng-Quỳ bảo người vú rằng :

« Quan-sơn cách-trở, ta muốn về mà không về được. Song lúc nào cũng nhớ đến nhà ».

Người vú kể sự tình đầu đuôi cho Trọng-Quỳ nghe, Trọng-Quỳ bèn định ngày về.

Về đến nhà, vợ chồng lâu ngày họp mặt, còn gì ân-ái nồng nàn hơn nữa. Nhưng Trọng-Quỳ vốn quen thói chơi bời, thường nhật giao-du với người lái buôn là Đỗ-Tam. Trọng-Quỳ thì tham của nhà Đỗ-Tam, Đỗ-Tam thì tham nhan sắc vợ Trọng-Quỳ Hai bên rủ nhau cờ bạc rượu trè, để lừa lẫn nhau.

Trọng-Quỳ đánh bạc, thường hay được. Nhị-Khanh can rằng :

« Lái buôn tính hay lừa lọc, chớ nên chơi bời với hắn được nay, rồi mai cũng thua hết mà thôi »

Trọng-Quỳ không nghe.

Một hôm, Đỗ-Tam họp bạn đánh bạc, bỏ ra trăm vạn quan tiền Trọng-Quỳ muốn vay. Đỗ-Tam bắt phải viết giấy lấy nàng Nhị-Khanh làm cuộc. Trọng-Quỳ quen mui hay được, tưởng chẳng đến nỗi thua nào, mới viết giấy cam-kết với Đỗ-Tam.

Uống rượu, rồi đánh bạc. Trọng-Quỳ thua luôn ba tiếng hết sạch cả tiền, cho gọi vợ đến bảo rằng :

« Tôi vì nghèo hèn, nên phải lụy đến nàng. Nay đã chót nhỡ thế này, muốn hối lại cũng không kịp. Nàng hãy giấu lòng ở với ông ấy, vài bữa tôi sẽ đem tiền lại chuộc. »

Nhị-Khanh biết thân không khỏi tay Đỗ-Tam, mới nói rằng:

« Bỏ chỗ nghèo, theo chỗ giầu, thiếp còn ngại gì. Ấy cũng bởi duyên trời tiền-định. Chàng đã có lòng yêu đến thiếp, thiếp cũng xin hầu-hạ chăn đệm như ở với chồng trước. Nhưng thiếp hãy xin một chén rượu để biệt chồng cũ và về nhà từ-giã con thơ ».

Đỗ-Tam mừng lắm, sai rót vài chén rượu đưa đến. Uống xong, Nhị-Khanh về nhà, ôm hai con vỗ vào lưng, bảo rằng:

« Cha con bạc tình! Mẹ không biết nương tựa vào đâu? Thôi các con ở lại với cha, mẹ không mặt mũi nào bỏ con mà đi với người khác! »

Nói rồi, tự vẫn...

Đỗ-Tam chờ mãi không thấy đến, cho người lại gọi, thời ôi thôi! Nhị-Khanh đã chết rồi! Trọng-Quỳ thương tiếc vô cùng, từ bấy giờ trở đi mới ăn năn chừa chơi bời, nhưng sinh-lý mỗi ngày cùng-quẫn, phải đem con sang ở nhờ người bạn cũ ở Quy-hóa. Đi được nửa đường, mỏi mệt, nghỉ ở dưới gốc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng:

« Có phải chàng Phùng đấy không? — Nếu chàng còn nhớ ân-tình cũ, đúng ngày.... tháng. . chờ thiếp trong đền bà Trưng-Vương, chớ coi u-minh là khác! ».

Trọng-Quỳ nghe rõ tiếng nàng Nhị-Khanh, ngẩng lên trông chỉ thấy đám mây đen bay về phương Bắc...

Trọng-Quỳ y hẹn đúng ngày, vào đền. Khi tới nơi, bóng chiều đã sế, phong cảnh đìu-hiu, chỉ có tiếng chim kêu riu rít trên cây cồ-thụ, cảnh tượng buồn rầu. Muốn về, trời đã tối, mới nằm nghỉ trong nhà tả-mạc. Cuối canh ba, nghe văng vẳng có tiếng khóc, trước còn xa, sau đến gần, trông mập mờ thấy rõ mặt nàng Nhị-Khanh.

Nhị-Khanh bảo Trọng-Quỳ rằng:

« Từ ngày thiếp từ-trần, Thượng-Đế thương tình, cho giữ riêng một đền, coi về việc tấu sở, không lúc nào nhàn rỗi mà thăm được chàng. Bữa trước nhân có việc đi làm mưa, gặp chàng, nên gọi lại mà hẹn, nếu không có dịp ấy thì bao giờ được gặp nhau ».

Trọng-Quỳ hỏi:

« Nàng hẹn tôi đến đây có việc gì vậy? »

Nhị-Khanh đáp:

« Thiếp thường được hầu cạnh Ngọc-Hoàng, có nghe các tiên nói truyện rằng: « Vận nhà Hồ đã hết, đến năm Bính-tuất có việc binh-đao, chết hại hơn hai mươi vạn người. Ai không vun giồng cây đức, sẽ mắc vào nạn ấy. Bao giờ có chân-nhân họ Lê khởi lên thì mới yên ».— Vậy chàng cố dạy hai con, phải vững lòng mà theo ông họ Lê, thiếp dẫu đã chết cũng còn được tiếng về sau ».

Hai vợ chồng truyện trò đến gần sáng mới biệt

Trọng-Quỳ từ đấy hết sức dạy dỗ hai con cho đến lúc thành người.

Vua Lê Thái-tổ khởi nghĩa ở Lam-sơn, hai con đầu quân về sau làm đến Thị-nội.

Bây giờ ở phủ Khoái-châu con cháu nhà ấy vẫn còn thịnh.

Bà Đoàn-thị-Điểm

Bà Đoàn-thị-Điểm người xã Giai-phạm (huyện Yên-mỹ) là em gái ông Đoàn-Luân. Ông Luân là người có tiếng văn-học.

Bà Thị-Điểm lúc nhỏ thông-minh, những lúc làm văn bài vẫn thường cùng anh liên đối.

Một hôm, bà ngồi trước cửa nhà bắt rận chợt bạn ông Luân lại chơi hỏi: « Anh chị có nhà không »?

Bà Thị-Điểm trả nhời:

« Kha kha xuất ngoại tầm *song nguyệt* », nghĩa là anh tôi ra ngoài tìm bạn (hai chữ *nguyệt* 月 ghép lại thành chữ *bằng* 明 là bạn).

Người ấy đi ra, giữa đường gặp ông Luân, nói truyện một lúc lâu. Ông Luân hỏi: « Em tôi có nhà không? »

Người ấy trả nhời:

« Muội muội đương tiền chóc *bán phong* », nghĩa là em anh đương ngồi trước cửa bắt rận (nửa chữ *phong* 風 là chữ *sáp* 虱 là con rận).

Ông Luân về nhà xuống ao rửa chân, thấy bà Thị-Điểm đương soi gương, bèn ngâm rằng:

« Đối kinh họa my nhất *điểm* phiên thành nhị *điểm* » nghĩa là soi gương, đánh lông mày, một *điểm* thành hai *điểm*.

Bà Thị-Điểm ứng lại rằng:

« Lâm trì ngoạn nguyệt chích *luân* chuyển tác song *luân* », nghĩa là xuống ao xem mặt trăng, một *luân* (vòng tròn) hóa hai *luân*.

Một đêm, vợ ông Luân sắp đẻ. Ông Luân hỏi: « Đẻ bây giờ chứ? ».

Bà Thị-Điểm trả nhời:

« Bán dạ sinh *hài*, Hợi, Tí, nhị thời vị định » (Tí, Hợi ghép lại thành chữ *hài* 孩), nghĩa là nửa đêm thì đẻ, giờ Tí hay giờ Hợi, chưa biết đẻ giờ nào.

Ông Luân nói rằng:

« Lưỡng tinh tương *phối*, Tị, Dậu, tam hợp nãi thành » (Chữ Tị và chữ Dậu ghép thành chữ *phối* 配), nghĩa là hai bên lấy nhau, tuổi Tị, tuổi Dậu, mới hợp tuổi nhau.

Bấy giờ, Sứ Tầu sang nước ta. Bà Thị-Điểm giả làm cô hàng nước, đề ba chữ « ẨM NHÂN QUÁN 飲人舘 » nghĩa là quán cho người giải khát và mặc quần the mỏng. Sứ Tầu đến hàng trông thấy thế vịnh rằng:

« Nam-Bang nhất thốn thổ bất tri kỳ nhân canh »

Bà Thị-Điểm ứng lại rằng:

« Bắc-triều sĩ-đại-phu đa do thử đồ xuất ».

Sứ Tầu trông nhau ngơ ngác.

Sau bà Điểm mở trường dạy học. Học-trò đến học rất đông, thành đạt cũng nhiều.

Năm 70 tuổi, bà vẫn dạy học ở Kinh-thành, soạn sách truyền lại đời sau.

Thọ ngoài 80 tuổi.

Ông Bùi-công-Phụ

Ông quán xã Bình-Dân thuộc phủ Khoái-châu đỗ Hoàng-giáp triều Lê làm quan đến Đô-Cấp-Sự.

Thời bấy giờ, hàng năm nước ta phải cống nước Tầu, phải cử người đi Sứ ; trước hết phải tìm trong các quan văn, người có đủ tài khẩu-biện, cho nhận việc ấy.

Tất cả có hai mươi người dự thí, được ba ông Hoàng-giáp chúng tuyển : hai ông Hoàng-giáp xã Mộ-trạch (thuộc Hải-dương bây giờ) và ông Bùi-công-Phụ. Ông Phụ đỗ thứ ba, hai ông kia đỗ hai số đầu.

Một ông Triều-sĩ bỡn ông Phụ, nói rằng : « Khảo-văn được ba người, Mộ-trạch chúng thứ nhất, thứ nhì, vì phỏng thi dật tiền, chắc họ cũng hơn cả, chứ Bình-dân cũng không thò tay vào đâu được » (Thời bấy giờ, xã Bình-dân có nhiều người sinh-nhai về nghề trộm cắp, nên ông Triều-sĩ lấy cớ ấy mà nói đùa).

Một lúc sau, có triều-hội, ông Phụ bỡn lấy trộm của ông Triều-sĩ cái hộp đựng dầu bằng vàng, để lên đầu, rồi đội mũ chùm lên trên. Ông Triều-sĩ tìm mãi không thấy, sau nghĩ, đoán được người lấy, bèn từ tạ với ông Phụ : « Trước tôi nói đùa, xin trả lại cho ». Nhưng ông Phụ vờ như không biết gì việc ấy và nói rằng : « Có nhẽ người Mộ-trạch, chứ Bình-dân tôi có đâu dám thế ».

Mọi người đều cười ồ. Ông Phụ trả lại hộp dầu.

Đền thờ đức Lê-như-Hổ

Đền này ở xã Tiên-châu, huyện Tiên-lữ, cách huyện-lỵ 7 cây số.

Lê-như-Hổ người làng Tiên-châu, to nhớn, đẫy đà, cao 5 thước 5 tấc, lưng rộng một thước rưỡi, nhà nghèo, nhưng hiếu học, ăn thực khỏe, mỗi bữa nồi bầy cơm vẫn chưa no.

Học được nửa năm, nhà nghèo không đủ ăn, phải ở gửi rể một nhà giầu ở làng Thiện-phiến (huyện Tiên-lữ). Nhà vợ cho ăn mỗi bữa một nồi năm cơm. Như-Hổ vẫn thường lơ lửng nhác học.

Bố vợ hỏi bố đẻ Như-Hổ :

— Trước tôi nghe nói : con ông rất chăm học, sao từ khi hắn đến nhà tôi, sinh ra lười biếng, không chịu học là cớ làm sao ?

Bố đẻ hỏi :

— Từ khi cháu lại đây, ông cho cháu ăn uống thế nào ?

Bố vợ trả nhời :

— Mỗi bữa, nồi năm cơm rồi đấy :

— Nhà tôi tuy nghèo, vậy mà mỗi bữa cũng phải cho nó ăn nồi bảy cơm. Ông cho nó ăn ít làm vậy, trách nào nó chẳng biếng học.

Bố vợ nghe nhời, mới cho ăn nhiều hơn trước. Từ bấy giờ Như-Hồ học thêm một vài tiếng lại thôi.

Mẹ vợ bảo chồng rằng :

— Ông khéo kén được rể quý hóa nhỉ ! Chỉ được bộ ăn khỏe không ai bằng. Dù có gượng mà học chăng nữa, cũng chẳng làm trò gì được tuồng hay ăn ấy.

Bố vợ biết điều bảo rằng :

— Nó ăn hơn người, sức nó tất phải hơn người, việc gì mà lo.

Mẹ vợ nói :

— Sức nó hơn người phải không ? Được rồi. Nếu vậy, tôi có vài mẫu ruộng bỏ cỏ rậm kia, ông hãy bảo nó dọn cỏ đi cho tôi, xem nó có làm được không?

Như-Hồ nghe thấy nói như vậy, sáng sớm mai, lập tức vác dao ra ruộng. Đến chỗ gốc cây đa to, hiu hiu gió mát, bèn ngả mình rồi thiêm thiếp giấc nồng.

Mẹ vợ thấy rể vác dao ra đồng cũng đi chợ mua đồ ăn, về qua ruộng, thấy rể nằm ngủ thiếp dưới gốc cây, khí tức bốc lên, chạy tất tả về bảo với chồng rằng:

— Ông còn bảo thổi cơm nhiều cho nó ăn nữa thôi. Gớm mặt nó ! Nó ra đồng dọn cỏ, mà từ sáng sớm đến giờ, vẫn còn nằm chương thây, chương sác ở ngoài ấy, rể ông quý thật !

Hai ông bà đưa nhau ra đồng xem. Không ngờ lúc bà mẹ vợ ra về thì Như-Hồ thức giậy, đi phát cỏ. Chỉ một lúc dọn sạch quang cả mẫu ruộng. Cá dưới ruộng chạy không kịp, chết nổi lều bều cả trên mặt nước. Khi hai ông bà đến nơi thì thấy ruộng đã sạch rồi, bấy giờ mới biết tài sức của Như-Hồ.

Khi lúa chín, mẹ vợ thổi sẵn nồi hai mươi cơm, sai Như-Hồ ra gọi thợ gặt. Như-Hồ ra ngoài một lát, trở về nói dối rằng:

— Con đã gọi, nhưng không ai chịu làm, vậy để con ăn xong, sẽ gặt giúp mẹ.

Nói rồi, đi dọn cơm ra ăn, một mình đánh hết nồi hai mươi cơm.

Mẹ vợ lấy làm quái lạ, nói rằng :

— Cối xay nào mà chứa được thế, có vỡ bụng ra mất không?

Như-Hồ nói :

— Mẹ đừng ngại, việc gặt hôm nay, con xin nhận làm một mình.

Như-Hồ lấy một cây tre to làm đòn càn và đem sẵn liềm, hái, thừng, trạc ra đồng. Vừa được nửa buổi thì gặt xong hai mẫu ruộng lúa, bó làm bốn gánh quẩy về. Mẹ vợ từ đấy, mấy có bụng yêu, cho ăn thực no để học.

Làng bên cạnh có hội đánh vật, năm nào Như-Hồ cũng đến phá giải. Các đô-vật ai cũng chịu, không ai dám ganh sức với Như-Hồ (vì thế đặt tên là Như-Hồ).

Năm 30 tuổi, văn-chương lừng lẫy, đỗ Tiến-sĩ niên-hiệu Quang-hòa nhà Mạc. Bấy giờ có người đỗ đồng-khoa với Như-Hồ tên là Nguyễn-Thanh, ở huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa, có khi nói truyện đến gia-tư nhà mình. Như-Hồ nói bỡn rằng:

— Gia-tư nhà bác, chỉ đủ tôi ăn một tháng là cùng.

Nguyễn-Thanh nói:

— Bác khinh tôi quá làm gì thế? Tôi tuy chẳng có gì nhưng cũng đủ cung-phụng bác được ba tháng.

— Thôi đừng nói ba tháng. Bác thử cho tôi ăn một bữa xem sao?

Ông kia vâng nhời, hẹn ngày mời Như-Hồ đến chơi.

Đúng ngày, Như-Hồ đến thăm Nguyễn-Thanh. Không ngờ gặp ngày Nguyễn-Thanh đi vắng.

Như-Hồ nói với vợ Nguyễn-Thanh rằng:

— Tôi bạn với quan Nghè đây. Nhân có việc quan đi qua, có hơn ba mươi đầy-tớ, nhờ phu-nhân một bữa cơm.

Phu-nhân nhận nhời rồi lập tức sai người nhà làm thịt lợn, dọn năm sáu mâm cơm, mang ra.

Như-Hồ bảo người đầy-tớ rằng:

— Mày ra gọi chúng nó vào đây.

Lâu mãi không thấy một người nào, chỉ trọi một mình Như-Hồ, ngồi đánh hết cả sáu mâm cơm. Ăn xong, gửi nhời tạ ơn rồi đi.

Chiều tối, Nguyễn-Thanh trở về, vợ nói rằng:

— Hôm nay có một truyện, nực cười quá chừng. Có một người nói là bạn ông, nhân việc quan, đem nhiều đầy-tớ đi qua, nhờ một bữa cơm. Tôi tưởng thực, làm năm, sáu mâm cơm. Tẻ ra chỉ một mình người ấy ngồi ăn, tôi ở trong buồng trông ra, cứ mỗi một bát và một miếng, ăn như hùm báo, chỉ một lát hết ba nồi cơm và sáu mâm cỗ. Không biết người hay quỷ đói.

Nguyễn-Thanh phàn nàn rằng:

— Đấy là bạn tôi, trước hẹn đến chơi. Nhỡ ra quên mất, chắc là ông ta lại trách tôi sai hẹn.

Bữa khác, Nguyễn-Thanh nhân việc qua làng Tiên-châu, vào chơi Như-Hồ. Như-Hồ sai người nhà làm thịt hai con lợn béo và thổi bốn mâm xôi, dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con lợn, hai mâm xôi. Một bàn thết Nguyễn-Thanh, còn mình ngồi riêng một bàn. Nguyễn-Thanh ăn hết một

góc mâm và một phần chia tư con lợn. Như-Hồ ăn hết sạch cả bàn mình, lại ăn thêm sang một góc xôi thịt ở bàn Nguyễn-Thanh. Sau cùng, còn một nửa để cho người nhà.

Nguyễn-Thanh thất kinh nói rằng :

— Ngày xưa, ông Mộ-Trạch đã có tiếng ăn khỏe, mà chỉ hết 18 bát cơm và 12 bát canh là cùng. Nếu ông ấy sinh ra đồng-thời với ông, cũng còn kém ông ba bực.

Hai ông cùng cười ầm cả lên.

Như-Hồ sang sứ Tầu, vua Tầu trọng vì tài, phong làm *Lưỡng-quốc Thượng-thư*. Khi trở về nước, làm quan đến Tả-thị-lang, chức Thiếu-bảo, tước Lữ-quận-công Xuân-giang-hầu, rồi về tri-sĩ, Thọ 72 tuổi.

Nay làng Tiên-châu có lập đền thờ. Đệ-niên ngày 26 tháng giêng, dân làng làm lễ tế ở đền.

Trong đền, có nhiều đối-liên, trích-dịch ra sau đây :

I

Thiên đĩnh kỳ tài văn lưỡng-quốc
Danh thùy dị lục túc thiên thu.

天挺奇才聞兩國
名垂異籙足千秋

Dịch :

Trời sinh tài lạ, lừng Nam, Bắc,
Tên tạc bia vàng, rạng trước, sau.

II

Lượng tự kiêm nhân Mộ-trạch tiên sinh đương thoái xá,
Thuật năng chí vũ Bắc-triều Thiên-tử cửu tri danh.

量自兼人慕澤先生當退舍
術能致雨比朝天子久知名

Dịch :

Lượng bề hơn người, Mộ-Trạch tiên-sinh nên nhượng bước,
Trước tiên hóa phép Bắc-triều Thiên-tử phục cao tay.

III

Nhân-vật riệm truyền Tiên-lữ ký,
Khoa danh phong thụ cố lê-dân.

人物艷傳仙侶記
科名豐樹故黎民

Dịch :

Tiên-lữ truyện còn ghi sự-tích,
Lê-dân bước cũ nối khoa-danh

IV

Tiên-sĩ bất hư Đường Lý-Giáng,
Công-thần vô phụ Hán Tô-Khanh.

進士不虛唐李絳
功臣無負漢蘇卿

Dịch :

Tiến-sĩ nhà Đường, so Lý-giáng,
Công-danh đời Hán, sánh Tô Khanh.

V

Tam giáp khoa danh khai địa thắng,
Lưỡng-triều quan-tước thụ văn phong.

三甲科名開地勝
兩朝官爵樹文風

Dịch :

Ba giáp khoa-danh khai cuộc đất,
Hai triều quan-tước nổi làn văn.

VI

Vạn cổ sùng từ tiêu thắng tích,
Thiên thu cô-lý ngưỡng linh thanh.

萬古崇祠標勝蹟
天秋故里仰灵聲

Dịch :

Muôn kiếp đền cao nêu dấu lạ,
Nghìn năm làng cũ hiển thần thiêng.

VII

Hoàng hoa sứ mệnh đằng Nam Bắc
Kim-bảng phương danh chấn cổ kim

皇華使命滕南北
金榜芳名振古今

Dịch :

Hoàng hoa cờ Sứ bay đôi ngả,
Kim bảng danh cao nức mấy đời.

Ông Bùi-đăng-Châu

Ông Bùi-đăng-Châu người xã Đoàn-đào thuộc huyện Phù-cừ, lúc còn nhỏ đã có chí lớn, ham đọc binh-thư, am thông thao lược.

Triều Lê đóng đô ở Thăng-long, đặt khoa thi võ. Ông dự-thi nhưng không chúng-tuyển. Nhân lúc triều-đình tuyển thân-binh, ông được sung tuyển, dần dần thăng đến chức Tổng-thái-giám.

Gặp lúc phương Nam rối loạn, vua Lê phong ông làm *Nam-quân Tả-đô-đốc* cùng ông Hoàng-đình-Ái tiến binh, đánh đâu được đấy, tiết

thứ được phong thưởng. Khi về tri-sĩ, được tặng chức *Thái-tể Sán-trung Quận-công*.

Ông làm quan đồng-thời với ông Quận-công họ Vũ xã Tiên-cầu thuộc huyện Kim-động. Trong thời-kỳ tri-sĩ, hai ông sai đắp con đường từ Tiên-cầu đến Đoàn-đào để tiện đường đi lại với nhau. Đường này hiện giờ hãy còn.

Ông Bùi-đăng-Huân

Ông người xã Đoàn-đào thuộc huyện Phù-cừ giòng giõi ông Bùi-đăng-Châu, thiên-tư tuấn-kiệt, văn vũ toàn tài.

Triều Lê, mở khoa thi võ, ông chúng nhất cử đồng Tạo-sĩ, xuất-thân làm quan Vệ-úy.

Ông phụng mệnh vua Lê Chiêu-Thống tiễu-trừ khấu-thảo quân-thứ tam Tuyên. Được tin Kinh-thành thất-thủ, ông đem quân trở về. giữa đường, gặp Nguyễn-Nhạc giao chiến ; nhưng thế giặc mạnh, không sao chống nổi. Lại thêm giặc Chiêu-Viễn (người xã Đan-giáp tỉnh Hải-dương) đến tàn phá làng ông. Ông đem quân về, giặc Chiêu-Viễn sợ, phải đầu hàng Tây-sơn. Ông cùng quan Quỳnh-vũ-Bá trấn-thủ ở Dương-tuyền (Hải-dương bây giờ). Sau thế giặc ngày càng to, các cựu-thần nhà Lê đều phải chốn về ẩn-cư ở xã Bảo-châu thuộc huyện Đông-quan tỉnh Thái-bình.

Đến bản-triều, vua Gia-Long khải-vận thi ân cho các Lê-thần được phục chức quan như cũ, nhiều lần có chiếu-chỉ cho vời ông, nhưng ông cố từ, ở nhà vui thú điền-viên.

Cổ-tích ở xã Như-quỳnh (huyện Văn-lâm)

Mẹ chúa Trịnh-Cương là người xã Như-quỳnh thuộc huyện Văn-lâm. Trong khi bà ở Kinh-thành, thường đem người làng vào phủ Chúa, để tập múa hát, luyện thành một đội ca-nữ. Nghề hát ả-đào từ đấy thịnh-hành trong xã Như-quỳnh, cho mãi tới ngày nay, những danh-ca vẫn thường sản-xuất ở đấy.

Chúa Trịnh-Cương định lập nhà thờ ngoại tổ ở xã Như-quỳnh, truyền chở đá, làm nền, dựng cột trên một khu đất rộng. — Công việc đương tiến-hành, Trịnh-Vương thụ bệnh rồi mất. Công cuộc ấy phải đình lại.

Thế-tử Trịnh-Giang thay cha làm Chúa, lại gặp thời-kỳ biến-động vì bận việc trị-an nên không để ý đến nhà thờ ấy nữa.

Ngày nay, trên một khu ruộng thuộc địa-phận xã Như-quỳnh, còn nhiều tảng đá to, và vài cột đá đứng trơ trơ giữa trời. Ấy là di-tích đời Lê trung-hưng hơn hai trăm năm, còn lại.

Sự-tích chùa Ba-làng

Chùa xã Xuân-nhân tổng Bạch-sam rất linh-ứng.

Năm Đinh-thìn, trẻ mục-đồng ba xã Xuân-đào, Xuân-nhân, và Xuân-bản chơi đùa ở xứ Đồng-quân đắp một cái chùa, thường nhật cũng lễ rất là thành-kính

Một đêm mưa, sáng hôm sau, trẻ-con đến xứ đồng ấy thấy chùa có ánh sáng và tượng đất đã thành vàng.

Chùa này đằng trước có giếng, từ xưa tới nay lúc nào cũng có nước phun lên, tục gọi là *giếng Sói*. Bên tả, bên hữu, có phướn lọng.

Hiện-thời ai tới chùa cầu gì đều thấy linh-nghiệm. Gặp năm đại-hạn, đảo vũ được ngay.

Tục truyền là chùa *Ba-làng*.

Xã Bạch-sam

Xã Bạch-sam thuộc huyện Mỹ-hào từ xưa vẫn là đất văn-hiến, thời-đại nào cũng có người làm quan mà họ Phạm nhiều hơn cả. Trong họ Phạm, chú, cháu, anh, em, thường cùng đỗ một khoa, mà khoa nào cũng có người đỗ. Cụ Thượng-thư Phạm-văn-Thụ chính người họ này, lúc sinh-thời cũng đã làm được nhiều sự-nghiệp vẻ vang.

Thời Minh-Mệnh, dân xã này đỗ thực nhiều, nên vua có phê rằng: « Đông Bạch-sam, Nam Hành-thiện » (xã Hành-thiện thuộc tỉnh Nam-định có nhiều người làm quan).

Hồ Bán-nguyệt

Hưng-yên xưa ở trên bờ bể, địa-thế gồm một phần tỉnh-lỵ ngày nay, hạt Kim-động và hạt Khoái-châu.

Về sau, sông, bể bồi-đắp mãi cho địa-thế Hưng-yên rộng thêm ra.

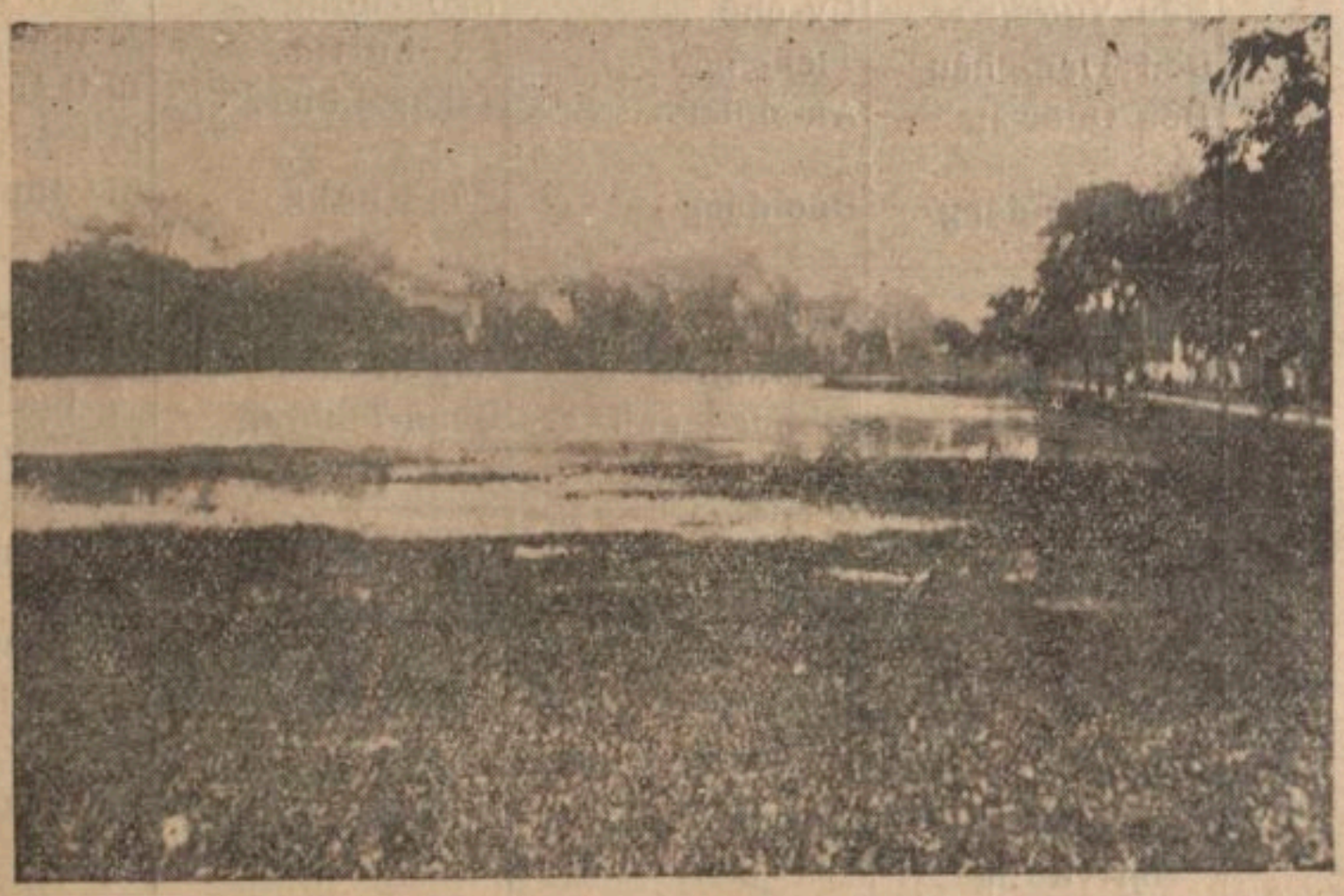

Hồ Bán-nguyệt

Bể mỗi ngày một lùi ra ngoài. Sông Phú-lương là một chi-lưu sông Nhị-hà chảy theo chiều khác. Một phần lòng sông Phú-lương thành hồ Bán-nguyệt (hình nửa mặt giăng), tới nay hãy còn di-tích.

Trải qua mấy thế-kỷ, nước hồ vẫn xanh-biếc phản chiếu ánh-sáng mặt trời và tòa Sứ sây trên bờ hồ...

TỈNH HƯNG-YÊN

Các đền, chùa có danh tiếng

PHỦ, HUYỆN	ĐỀN, CHÙA	THUỘC XÃ NÀO	THỜ THẦN GÌ	NGÀY KỴ
Ân-thi	Đền Cầm-la	La-chàng	Đế-Thích	6 đến 15 tháng giêng
	Đền Đầu-trẻ	Trà-phương	Thái-thượng Lão-quân	9 đến 12 tháng giêng
	Đền Phù-ủng	Phù-ủng	Phạm-ngũ-Lão	13 đến 25 tháng giêng
Khoái-châu	Đền Đa-hòa	Đa-hòa	Chử-đồng-Tử	Bất thường
Kim-động	Đền Mậu-dương	Mậu-dương	Dương Thái-Hậu	10 đến 13 tháng giêng
	Chùa Chuông	Nhân-dục	Phật	18 tháng giêng
	Đền Nguyệt-đường	Sích-đằng	Sáu vị sư-tổ	Bất thường
	Đền Đằng-giang	—	Một vị anh-hùng đời Lý	20 đến 23 tháng sáu
	Đền Mây	Đằng-châu	Phạm-bạch-Hổ	20 đến 23 tháng tám
Tiên-lữ	Đền Đậu-an	An-xá	Năm vị thần	6 đến 12 tháng tư
	Đền Vương	Dụ-chế	Ngô-Vương	6 đến 10 tháng tư
	Đền Tiên-châu	Tiên-châu	Lê-như-Hổ	26 tháng giêng
	Đền Quốc-sư	An-chiểu	Trạng Lợn	15 tháng sáu
				15 tháng mười
	Đền Đào-đặng	Đào-đặng	Đào-Nương	Bất thường
Phù-cừ	Đền An-cầu	An-cầu	Tống-Trân	5 tháng năm
	Đền Phù-anh	Phù-anh	Cúc-Hoa	15 tháng tám
	Đền Hoàng-tranh	Hoàng-tranh	Đoàn-Thượng	7 tháng giêng
				15 tháng bảy
Yên-mỹ	Đền Thiên-đế	Liêu-hạ	Tiên-Thiên	9 tháng giêng
			Đế-Thích	
	Đền Liêu-trung	Liêu-trung	Thạch-Quang	18 tháng giêng
			Thánh Bà	
Mỹ-hào	Đền Đông-hải Đại-vương	Yên-nhân	Đoàn-Thượng	Bất thường
Văn-lâm	Đền Tu-pháp	Thái-lạc	Bốn vị thiên-thần	Bất thường
		Hạnh-lạc		
	Đền Dương Thái-hậu	Cát-lư	Dương Thái-Hậu	Bất thường
		Nghĩa-lộ		
	Chùa Ông	Đinh-loan	Từ-đạo-Hạnh	Bất thường

Phố-hiến

Niên-hiệu Quang-Hưng nhà Lê (1578-1599), lập ra Sơn-nam-chấn, đóng ở phía Bắc bến đò thuộc xã Nhân-dục. Nơi ấy gọi là Phố-hiến, gần cửa bể. Thời bấy giờ có mở cảng cho các nước thông-thương, nhưng chỉ cho ở Vạn-lai-triều, cấm không được đến buôn bán ở Kinh-thành Thăng-long.

Ở Phố-hiến, có các lâu-đài gọi là *Hiến-nam cổ-cung*. Dân-cư rất đông-đúc và phồn-thịnh. Có hai nghìn nóc nhà ngói, là một nơi đô-hội thứ nhì nước ta thời bấy giờ, cho nên tục-truyền có câu :

« Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì Phố-hiến ».

Một cảnh ở Phố-hiến

Người các nước đến buôn, như người Hòa-lan, Bồ-đào-nha, Mã-lai, Xiêm-la, Nhật-bản, Anh-cát-lợi, Trung-hoa, đông nhất là người Trung-hoa và người Nhật-bản.

Người ngoại-quốc muốn đến đất Bắc-kỳ, trước hết phải xin phép quan Tổng-đốc miền hải-đạo đóng ở Hưng-yên (thường gọi chung là Phố-hiến). Tầu buôn ngoại-quốc phải xin phép buôn bán và nộp thuế nhập-cảng, rồi mới được rỡ hàng đem lên bộ

Người Bồ-đào-nha, người Hòa-lan đến trước nhất, từ năm 1637, lập các thương-đoàn. Người Pháp, người Anh-cát-lợi đến Phố-hiến năm 1672, ở một cái nhà tre ẩm-thấp, chung quanh có hào và làm trên một miếng đất của một người Tầu.

Thương-đoàn Anh-cát-lợi buôn bán ở Bắc-kỳ trong vòng 25 năm, lập được cả thương-cục ở kinh-đô Hà-nội là chỗ vua Lê đóng.

Người Hòa-lan buôn bán phát-đạt hơn cả.

Người Bồ-đào-nha chỉ chú-ý đến việc truyền-giáo. Họ khéo lợi-dụng tiếng của họ, làm thành một thứ tiếng thông-dụng cho các người ngoại-

quốc và người bản-xứ, trong các việc giao-dịch. Người mình theo đạo Gia-tô thường lấy tên Bồ-đào-nha, và làm thông-ngôn cho người ngoại-quốc. Nhờ có các cố-đạo Bồ-đào-nha mà người Anh biết phong-tục và luật-pháp xứ Bắc-kỳ.

Người Pháp buôn bán ít và việc truyền-giáo của người Pháp lúc ấy chưa được bành-chướng mấy.

Năm 1696, người minh rất ghét đạo Gia-tô. Tháng juillet năm ấy, một ông cố người Pháp và mấy ông cố người Bồ-đào-nha bị trục-xuất ra ngoài thành Thăng-long, Được vài hôm, quan Tổng-đốc Hiến-nam được lệnh đuổi mấy vị thầy-tu ra khỏi xứ Bắc-kỳ. Người ngoại-quốc bị nhiều nỗi phiền-phức.

Các quan ta cấm người Anh không được treo cờ, vì cờ có dấu chữ thập; sau lại lấy cờ ấy đốt đi.

Lại có lệnh cấm người ngoại-quốc không được cưỡi ngựa hay ngồi võng sơn son, vì chỉ riêng họ tôn-thất hay các quan đại-thần mấy được đặc-biệt dùng ngựa, võng.

Vua Lê Hi-Tôn xuống chiếu đuổi các người ngoại-quốc ra khỏi Bắc-kỳ.

Phố-hiến dần dần mất vẻ phồn-thịnh.

Người ngoại-quốc thấy buôn bán không được phát-đạt và gặp nhiều nỗi khó khăn, lần lượt rủ nhau về nước.

Người Hòa-lan dời Phố-hiến sau cùng, về năm 1700.

Người Trung-hoa ở lại buôn bán với người minh, phần nhiều cùng đồng-hóa với dân ta.

Người Nhật-bản buôn bán ở Hiến-nam ngót một thế-kỷ. Về sau, nước Nhật có lệnh tỏa-cảng, không cho người Nhật được ra ngoại-quốc, mà người Nhật ở ngoại-quốc cũng không được về nước, nên người Nhật sót lại ở Phố-hiến, sau cũng dần dần đồng-hóa với dân ta.

Bấy giờ, Hiến-nam có phố Bắc-hòa và phố Nam-hòa (Nam là ta, Bắc là Tầu, Hòa là Nhật) của người Tầu, người Nhật và người minh ở lẫn với nhau,

Phố-hiến xưa là nơi phồn-hoa đô-hội, mà nay biến-thiên đã lắm. Di-tích ba, bốn trăm năm về trước, còn lại vài căn nhà cổ, vài nơi đền, chùa, kiến-trúc rất cũ, mấy ngôi mộ người Nhật, Hoa, một vài bia đá đứng trơ trơ trên lưng rùa đá, rêu xanh che phủ, chữ khắc phai mòn. Trong các đền, có nhiều câu đối chữ Tầu rất đẹp, đồ ngũ-sự, bàn thờ, thực cổ.

Ngoài các di-tích ấy, còn một ít đậu Hòa-lan là thổ-sản của người Hòa-lan đưa sang từ bốn trăm năm về trước.

Trải qua bao cuộc bể giâu, Phố-hiến xưa chỉ còn lại cái tên không, truyền-tụng trong các thôn xóm, cùng với ngọn cỏ lá cây, trường-tồn

Câu đối tả-cảnh Phố - hiến :

Bách niên đô-hội, tồn di-chỉ,	百 年 都 會 存 遺 趾
Thiên-lý quan-chiêm, thuyết cựu-kỳ.	千 里 觀 瞻 說 舊 圻

Dịch :

Trăm năm, xum họp tòa di chỉ,
Nghìn dặm, xem nom chôn cựu kỳ.

Hưng - thành

Hưng-thành đắp từ năm 1831 về triều Minh-mạnh, xa bờ sông Nhị-hà 900 thước tây và giáp địa-phận bốn xã.

Có bốn cửa : Đông, Tây, Nam, Bắc ; chung quanh đo được 380 trượng 4 thước và bề cao một trượng.

Vòng quanh thành là hào. Trước quan quân ta đóng ở đấy.

Về sau, tỉnh Hưng-yên thuộc quyền nước Pháp bảo-hộ, thành cũ cũng dần dần biến - thiên. Lâu - đài dinh - thự không còn gì là di - tích, để lại một cánh đồng rộng rãi, ngày nay thuộc quyền sở-hữu nhà chung.

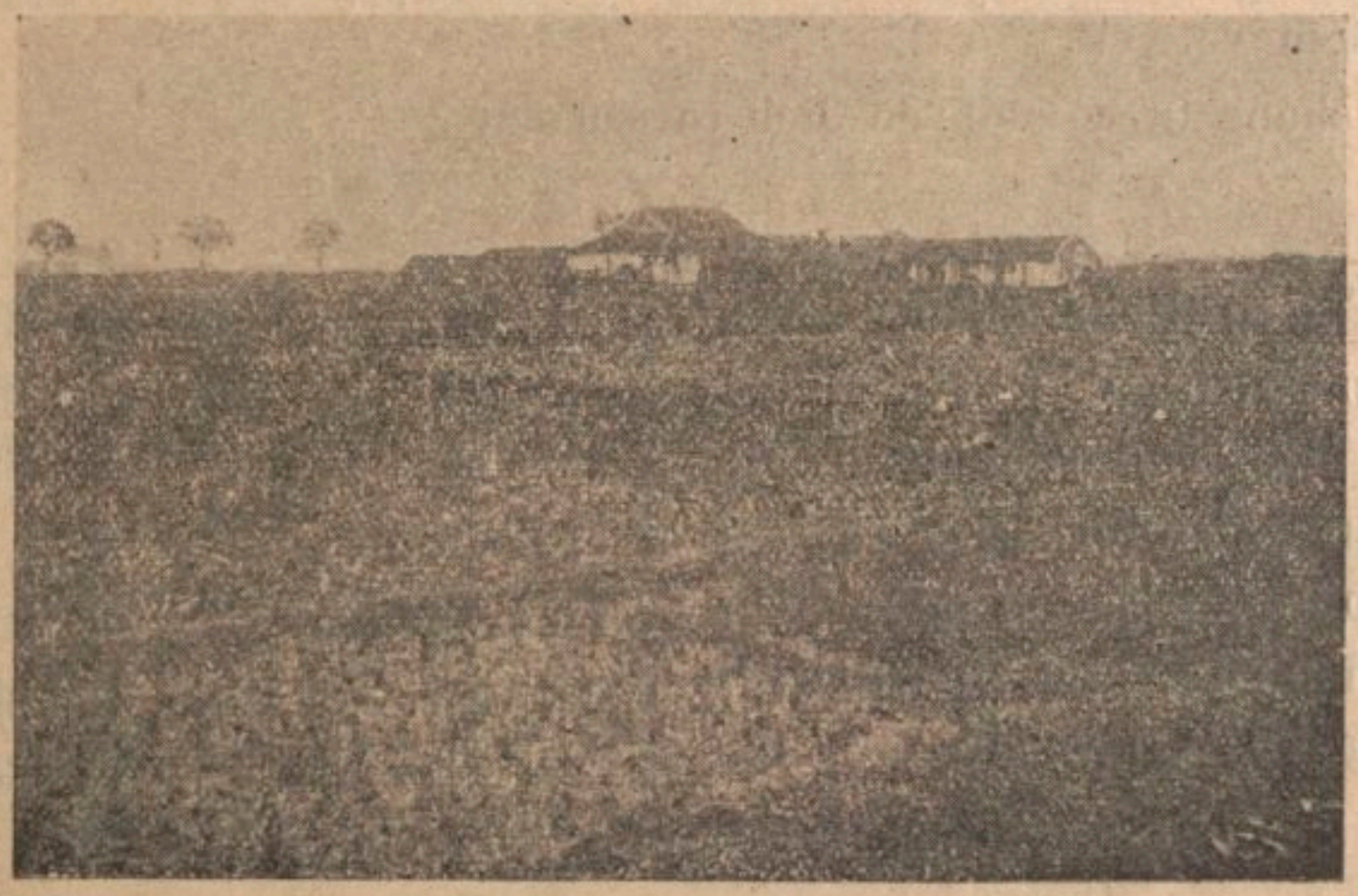

Hưng-thành

Bờ thành nhiều chỗ sạt lở, còn vài cái mô đất cao độ bốn, năm thước tây, dùng làm trường bia của nhà binh bản-tỉnh.

Vận trời thay đổi, cuộc thế bể giâu, hào chung quanh thành, vẫn nước xanh phản chiếu chân thành. Thỉnh thoảng theo luồng gió mát

hiu hiu, thoang thoảng hương sen, du hồn điếu-cổ! đương bàng-khuâng với cảnh cũ; ngơ-ngẩn ngậm ngùi: vì cuộc thế biến-thiên, thắng-tích tro tàn...

Thành Đồng-lý

Trước khi nước Nam thuộc quyền bảo-hộ nước Pháp, Nam-triều đã hạ chỉ dời sở-tại tỉnh Hưng-yên về địa-phận xã Đồng-lý thuộc huyện Kim-động. Dinh-thự, kho-tàng, thành-quách đã sây-dựng.

Chợt nước Pháp đem binh sang lấy nước Nam, các công-cuộc ấy trở rang đều phải phá-hoại.

Hiện nay, còn dấu vết thành cũ ở địa-phận xã Đồng-lý.

Chùa Chuông

Tên chữ là *Kim-chung tự*, của người Tầu dựng lên ở xã Nhân-dục, cách tỉnh-lỵ Hưng-yên độ một cây số.

Trong chùa, có nhiều tượng khắc bằng gỗ, bầy tỏ những hình-phạt ở dưới thập-điện vua Diêm-Vương.

Trên nóc chùa, một bên là gác chuông đồng, một bên là gác khánh đá.

Tục truyền: Người Tầu sang nước ta làm ăn phát-đạt, lúc trở về nước, làm ngôi chùa này, dấu của dưới các tượng đất. Sau họ lại sang, lấy của đem về.

Kim-chung tự có đối-văn dịch ra sau đây:

I

Đông Thắng-thần-châu, Nam Chiêm-bộ-châu, Tây Ngưu-hóa-châu, Bắc Câu-lư-châu, thường chuyển pháp-luân vu tứ-đại,
A-di-đà phật, Di-lạc-tôn phật, Mẫu-ni-văn phật, Quan-thế-âm phật hoằng khai đạo giáo ư tam thiên

東勝神洲南贍部法
阿彌陀佛西牛貨洲勒
佛世尊于四代常轉
教於三千文宏道

Dịch:

Châu Thắng thần-châu, Chiêm-bộ-châu, Ngưu-hóa-châu, Câu-lư, Nam, Bắc, Đông, Tây, thường chuyển phép thiêng trong bốn cõi.

Phật Di-đà, phật Di-lạc, phật Mẫu-ni, phật Bồ-tát từ-bi quảng-đại, rộng ra đạo sáng khắp ba nghìn.

II

Nho, Thích nguyên lai tổng nhất ban,
Hiện thân thuyết pháp, các đăng đàn
Hiếu, trung, bản rục, đôn tâm học
Nhân-quả, hoàn tương chứng thiện-đoan.
Mộc-đạc hoán tỉnh thiên-cổ mộng,
Kim-chung hạt phá chúng-sinh ngoan.
Ngô nhân tự hữu, ngô nhân sự,
Đại đạo vô cùng thiên địa dan.

儒釋原來總一般　壇登心學
現身說法各登心　端善証將還果因
孝忠本欲衰心學　夢頑事生古千醒喚鐸木
吾人自有吾人事　間地天窮無道大

Dịch :

Nho, Thích nguồn xưa vốn một làn,
Hiện mình giảng đạo, lúc lên đàn.
Hiếu, trung, ghi lấy đường tâm-học,
Nhân-quả gây nên mối thiện-đoan.
Mõ gỗ vang tai người mộng-my,
Chuông vàng rức óc kẻ ngu ngoan.
Cuộc đời, ai ấy, riêng từng việc,
Đạo cả bao cùng cõi thế-dan.

(Hai bài chữ nho này của quan Tuần-phủ Hưng-yên Tôn-thất-Đản đề năm Canh-ngọ niên-hiệu Tự-đức).

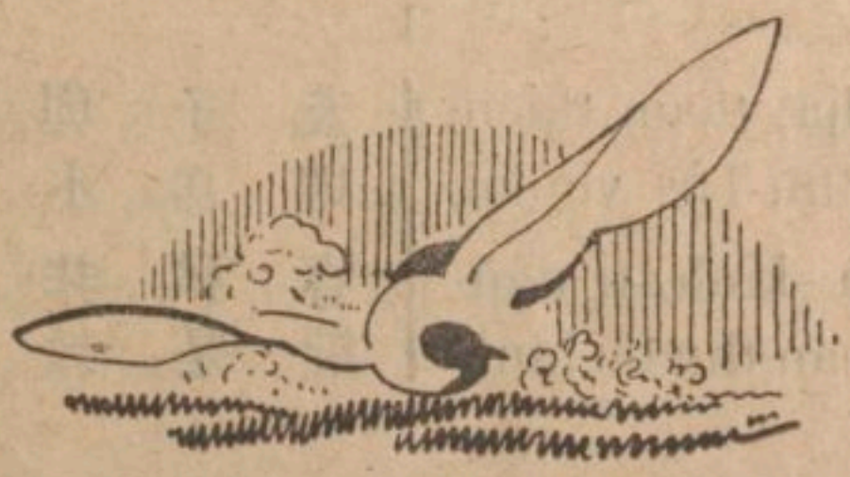

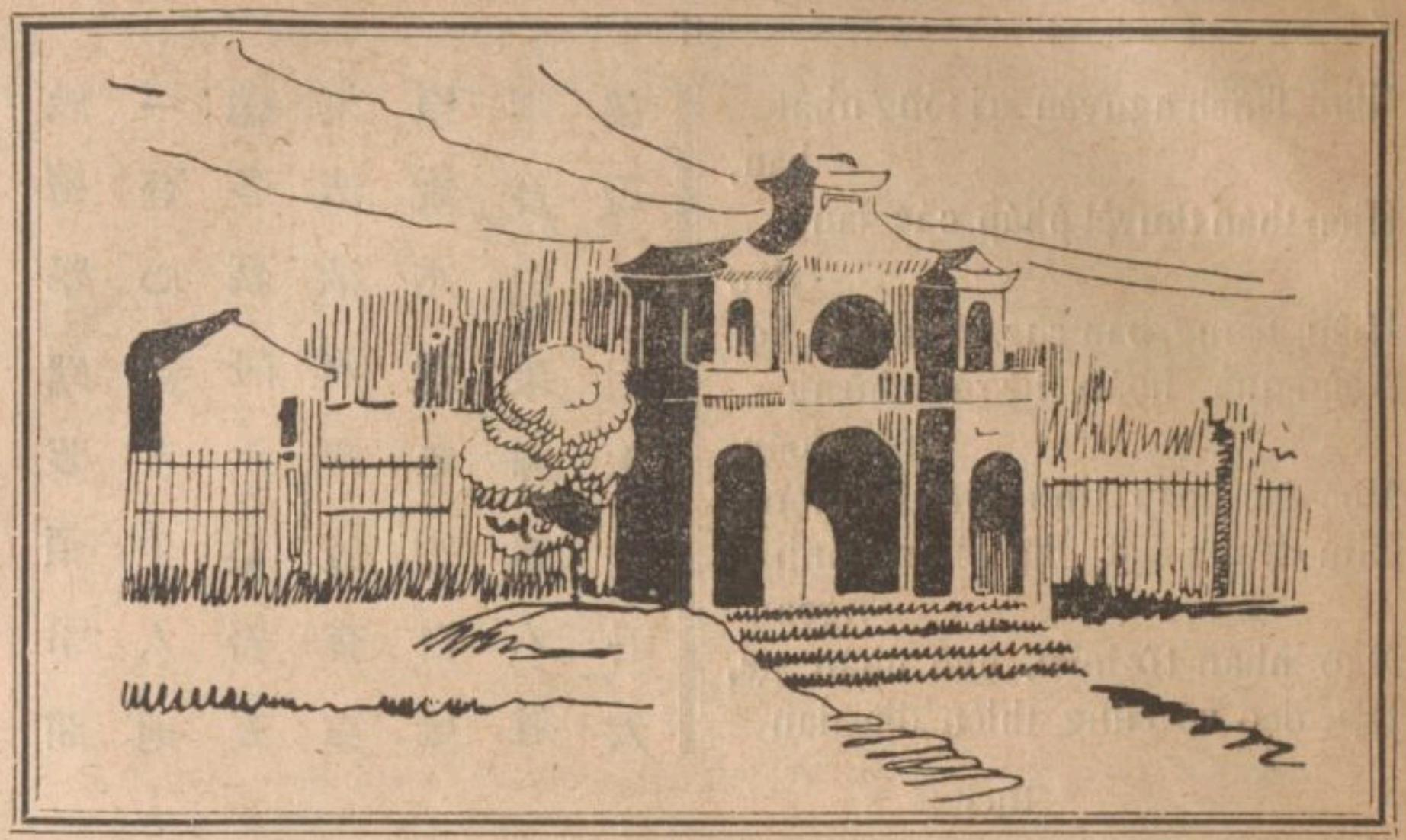

Văn-miếu — Hưng-yên

VII

HƯNG-YÊN VĂN-MIẾU

VĂN-miếu tỉnh Hưng-yên thuộc địa-phận xã Sich-đằng cách tỉnh-lỵ 2 cây số.

Trong thờ đức Khổng-phu Tử và các chư-hiền.

Mỗi năm, mùa xuân, mùa thu hai lần quốc-tế.

Bên hữu-vu, có tám phiến bia-đá khắc tên các vị đại-khoa (từ Tiến-sĩ trở lên). Xem vậy đủ rõ tỉnh Hưng-yên là một đất văn-vật, lắm bực kỳ-tài.

Có nhiều câu-đối hay và các văn-bia, trích-dịch ra sau đây :

I

Phu-Tử rữ thiên-địa, tham thiên-địa vi tiểu, Phu-Tử vi đại,	天	大	五	刑
	大	爲	比	是
	五	經	秋	春
Xuân-thu phi ngũ-kinh, tỉ ngũ-kinh thị giáo. Xuân-thu thị hình	參	天	地	與	天	夫
	爲	小	夫	子	地	地
	非	五	經	比	是	春
	教	春	秋	是	經	秋

Dịch :

Đức Phu-Tử sáng trời đất, trời đất thì nhỏ,
Phu-Tử thì nhớn.
Sách Xuân-thu khác năm kinh, năm kinh là giáo,
Xuân thu là hình.

II

Thiên tức thánh, thánh tức thiên,
Phu-Tử dĩ tiền ký vô Phu-Tử,
Cụ nhi tác, tác nhi cụ Xuân thu
chi hậu khả vô Xuân-thu.

夫子春秋
天即聖聖即天
子以前既無夫
惧而作作而惧
秋之後可無春

Dịch :

Trời tức thánh, thánh tức trời, trước lúc chưa sinh đãng Phu-Tử,
chưa từng có đãng Phu-Tử,
Sợ mà làm, làm mà sợ, sau khi đã có sách Xuân-thu không cần
có sách Xuân-thu. (1)

III

San lục-kinh, định thi-thư, thùy
vạn thế, vi đại bản dã,
Tác chư-sử, chế lễ-nhạc, quán
cổ-kim, kỳ-đức thịnh-hồ.

垂書詩定經六刪
也本大爲世萬
冠樂禮制史諸作
乎盛德其今古

Dịch :

Sửa sáu kinh, định thi, thư, rủ dạy muôn đời,
gốc nhớn ở đó.
Làm mọi sử, dựng lễ-nhạc, hơn hết xưa nay,
đức thịnh dường nào,

(1) Nghĩa là không cần phải có sách Xuân-thu khác nữa.

Bia khắc tên các vị Đại-khoa

Bia thứ nhất

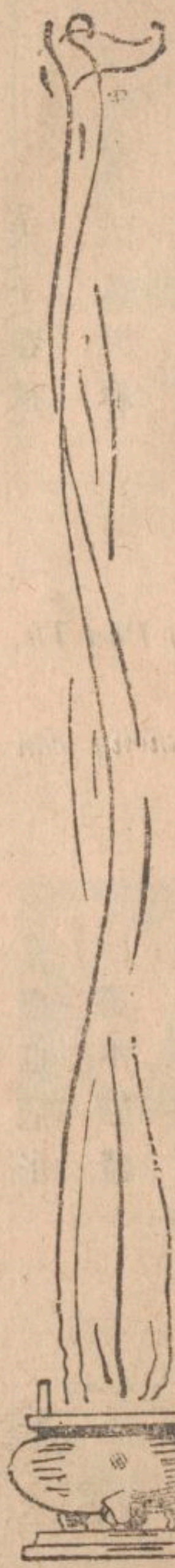

Tống-Trân (宋珍), người xã An-cầu, huyện Phù-cừ, đỗ Trạng-nguyên năm Giáp-thìn nhà Trần.

Nguyễn-trung-Ngạn (阮忠彦), người xã Thổ-hoàng, phủ Ân-thi, đỗ Hoàng-giáp.

Nguyễn-Thành (阮誠), người xã An-lạc, huyện Tiên-lữ, đỗ Hoàng-giáp năm Canh-thìn nhà Hồ, làm quan đến chức Tế-tửu.

Đào-công-Soạn (陶公僎), người xã Thiện-phiến, huyện Tiên-lữ, đỗ Giáp-đệ năm Bính-ngọ nhà Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Trần-Phong (陳封), người huyện Tiên-lữ, làm quan đến chức Thái-bảo triều Lê.

Vũ-Lãm (武覽), người xã Tiên-cầu, huyện Kim-động, đỗ Hoàng-giáp năm Nhâm-tuất nhà Lê, làm quan đến chức Ngự-tiền học-sinh.

Nguyễn-duy-Tắc (阮惟則), người xã Thiện-đông, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ năm Nhâm-tuất nhà Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Trần-Đương (陳當), người xã Lạc-thủy, phủ Khoái-châu, đỗ Tiến-sĩ năm Nhâm-tuất nhà Lê, làm chức Giám-sát.

Đặng-Tuyên (鄧宣), người xã Vực-đường, phủ Ân-thi, đỗ Hội-nguyên năm Mậu-thìn nhà Lê, làm quan đến Thừa-chỉ.

Trần-cảnh-Mô (陳景謨), người xã Lạc-thủy, phủ Khoái-châu, đỗ Tiến-sĩ năm Quý-dậu nhà Lê.

Nguyễn-khắc-Tân (阮克津), người xã Bàn-thạch, huyện Phù-cừ, đỗ Tiến-sĩ năm Quý-dậu nhà Lê.

Cáp-Phùng (蓋馮), người xã Thổ-hoàng, phủ Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ năm Quý-mùi nhà Lê.

Nguyễn-văn-Chính 阮文正), người xã Dương-trạch, huyện Đông-yên (nay là phủ Khoái-châu) đỗ Tiến-sĩ năm Quý-mùi nhà Lê.

Nguyễn-viết-Lương (阮曰良), người xã Nhâm-làng, huyện Hưng-nhân (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Hoàng-giáp năm Bính-tuất, làm quan đến Thượng-thư.

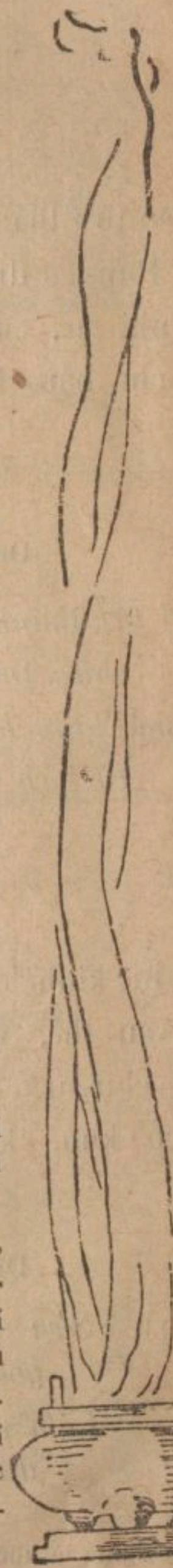

Bia thứ hai

Nguyễn - Chương (阮 章), người xã Thiên-đông, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ năm Bính-tuất nhà Lê.

Phạm-phúc-Chiêu (范 福 貂), người xã Tư-hồ) huyện Đông-yên (nay là phủ Khoái-châu) đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Đông-các.

Lê-Bột (黎 勃), người xã Mễ-sở, huyện Đông-yên, đỗ Hoàng - giáp triều Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Nguyễn-Tuấn (阮 俊), người xã Đại-quan huyện Đông-yên, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Thị-lang.

Nguyễn-minh-Khang (阮 明 康), người xã Phúc-hải, huyện Hưng-nhân (nay thuộc tỉnh Thái - bình) đỗ Tiến-sĩ năm Ất-mùi nhà Lê, làm quan đến Thị-lang.

Đào-cảnh-Huống (陶 景 貺), người xã Bàn-thủy, huyện Kim - động, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Vũ-tín-Biểu (武 信 表), người xã Bình-lăng, huyện Ân-thi, (nay là phủ Ân-thi) đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Phạm - đôn-Lễ (范 敦 禮), người xã Hải - triều. huyện Hưng - nhân (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Tam-nguyên triều Lê làm quan đến Thị-lang.

Lê-hiến-Phủ (黎 獻 甫), người xã Lạc. thủy, huyện Đông-yên, đỗ Bảng-nhỡn triều Lê.

Nguyễn-hán-Đình (阮 漢 庭), người xã Cổ-quan, huyện Thần-khê (nay thuộc tỉnh Thái-bình), đỗ Hoàng - giáp triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Phan-tôn-Liễn (潘 宗 輦), người xã Lỗi-xá, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-Lệ (阮 蠣), người xã Bình-hồ, huyện Kim-động, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Nguyễn-thuần-Hỗ (阮 純 嘏), người xã Trà - mạc, huyện Ân - thi, đỗ Hoàng - giáp triều Lê, làm quan đến chức Giám - sát.

Nguyễn-châu-Chu (阮 珠 洙), người xã Bình-hồ, huyện Kim-động, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Bia thứ ba

Nguyễn-nho-Tôn (阮 儒 宗), người xã Vũ-dương, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Nguyễn-tủng-Mục (阮 竦 穆, người xã Hiến-nạp, huyện Duyên-hà (nay thuộc tỉnh Thái-bình), đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Đoàn-huệ-Nhu (段 惠 柔), người xã Phù-vệ, huyện Hưng-nhân (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Thừa-chánh-sứ.

Đỗ-thuần-Thông (杜 純 聰), người huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Thừa-chánh-sứ.

Lê-tĩnh-Hiếu (黎 靜 孝), người xã Phúc-hải, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Lương-đức-Uy (梁 德 威), người xã Đào-xá, huyện Kim-động, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Thừa-chánh-sứ.

Bùi-lệnh-Tá (裴 令 佐), người xã Đặng-xá, huyện Tiên-lữ, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Cấp-sự-trung.

Phạm-nguyên-Chấn (范 元 振), người xã Hải-triều, huyện Hưng-nhân, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến Đô-ngự-sử.

Nguyễn-ích-Đoán (阮 益 斷), người xã Tư-hồ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, chức Hàn-lâm.

Trình-chí-Sâm (程 志 森), người xã Tư-hồ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Nguyễn-Tứ (阮 泗), người xã Bình-hồ, huyện Kim-động, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Giám-sát.

Đặng-tháo-Giám (鄧 操 鑑), người xã Phượng-tường, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Lê-thừa-Hưu (黎 承 休), người xã Đông-ninh, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm đến chức Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-văn-Kiệt (阮 文 傑), người xã Phù-xa, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Đô-ngự-sử.

Bia thứ tư

Nguyễn-thế-Mỹ (阮世美), người xã Lương-trụ, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thừa-chánh-sứ,

Trần-Huyên (陳暄), người xã An-tảo, huyện Kim-động, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Đô-ngự-sử.

Nguyễn-văn-Bính (阮文炳), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Đô-cấp-sự.

Nguyễn-Dự (阮豫), người xã Mỹ-xá, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê tặng phong Đô-ngự-sử.

Quách-thu-Ứng (郭秋鷹), người xã Phượng-tường, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Nguyễn-Kiều (阮憍), người xã Lưu-xá, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Cấp-sự-trung.

Lê-văn-Học (黎文學), người xã Mát-lồ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Lại-gia-Phúc (賴嘉福), người xã Mỹ-xá, huyện Đông-yên, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Đặng-Ất (鄧乙), người xã Hải-triều huyện Hưng-nhân, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Giám-sát.

Nguyễn-chấn-Chi (阮振之), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, tặng Thị-lang.

Nguyễn-quán-Đạo (阮貫道), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Hội-nguyên Thám-hoa triều Lê, làm quan đến Đông-các.

Vương-Dương (王洋), người xã Phượng-tâu, huyện Kim-động đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Giám-sát.

Vương-hy-Tăng (王希曾), người xã Bích-khê, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Đào-Nghiêm (陶巖), người xã Thiện-phiến, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Bia thứ năm

Vũ-Đàn (武 炫), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Đinh-Thụy (丁 瑞), người xã Sài-quất, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc.

Lê-Cao (黎 高), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Hoàng-giáp triều Mạc,

Nguyễn-Kỳ (阮 琦), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Trạng-nguyên triều Mạc.

Lê-như-Hổ (黎 如 虎), người xã Tiên-châu, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến Quận-công.

Đinh-Tú (丁 琇), người xã Nam-trì, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ, triều Mạc.

Vũ-Hạo (武 灝), người xã Phượng-lâu, huyện Kim-động, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến Hiến-sát.

Nguyễn-chính-Dụng (阮 政 用), người xã Lai-xá, huyện Phù-cừ, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc.

Tạ-Nhi (謝 爾), người xã Phượng tường, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến Hiến-sát.

Trần-Văn (陳 聞), người xã Ngũ-lão, huyện Phù-cừ, đỗ Bảng-nhỡn triều Mạc, làm quan đến Thượng-thư.

Đào-Trân (陶 珍), người xã Đào-xá, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Hiến-sát.

Nguyễn-Mậu-Thông (阮 茂 聰), người xã Dưỡng-phú, huyện Kim-động, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến Giám-sát.

Hoàng-Tuân (黃 珣), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Bảng-nhỡn triều Mạc, làm quan đến chức Tham-chính.

Nguyễn-Uyên (阮 淵), người xã Nham-làng, huyện Hưng-nhân (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Thượng-thư.

Bia thứ sáu

Nguyễn-Quang (阮 珖), người xã Linh-hạ, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Thiêm-sự.

Nguyễn-đức-Chân (阮 德 珍), người xã Mai-xuyên, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Tham-chính.

Đặng-Cơ (鄧 基), người xã Chiền-kiều, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Hiến-sát.

Đào-Phạm (陶 範), người xã Thiện-phiến, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Tham-chính.

Hoàng-chân-Nam (黃 眞 男), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến Đông-các.

Nguyễn-Trạch (阮 澤), người xã Nham-làng, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-khanh.

Phạm-lập-Lễ (范 立 禮), người xã Phi-bình, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Hoàng-công-Sân (黃 公 鏟) người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Nguyễn-chí-Trung (阮 致 中), người xã Lực-điền, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Bùi-quang-Vận (裴 光 運), người xã Tiểu-quan, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức giám-sát.

Hoa-công-Phượng (花 功 芳), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Đặng-Kiên (鄧 鍵) người xã Phú-thị, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Hiến-sát.

Bia thứ bảy

Hoàng-công-Bảo (黃公寶), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Hoàng-công-Lạc (黃公樂), người xã Đỗ-mỹ, huyện Thần-khê, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Nguyễn-tôn-Bảo (阮宗宝), người xã Phúc-khê, huyện Hưng-nhân, đỗ Hội-nguyên Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến Thị lang.

Đồng-Hưu (同休), người xã Nhữ-thủy, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Trần-Viêm (陳炎), người xã Hải-yến, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Đông-các

Lê-trọng-Thứ (黎仲庶), người xã Duyên-hà, huyện Duyên-hà, (nay thuộc tỉnh Thái-bình), đỗ Tiến-sĩ triều Lê tặng Thái-bảo Quận-công.

Nguyễn-đình-Bá (阮廷伯), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Đỗ-thành-Roãn (杜成允), người xã Quan-xuyên, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Đốc-đồng.

Nguyễn-bá-Tuân (阮伯珣), người xã Đa-hòa, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê

Lê-quý-Đôn (黎貴惇), người xã Duyên-hà, huyện Duyên-hà, đỗ Bảng-nhỡn triều Lê, tặng Thái-bảo Quận-công.

Nguyễn bá Dịch (阮伯鍚), người xã Nguyên-xá, huyện Thần-khê, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Hiến-sát.

Nguyễn-đình-Tố (阮廷傃), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Trần-công-Sáng (陳功燦), người xã An-vỹ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê-

Nguyễn-Lạng (阮諒), người xã An-vỹ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thự-chấn.

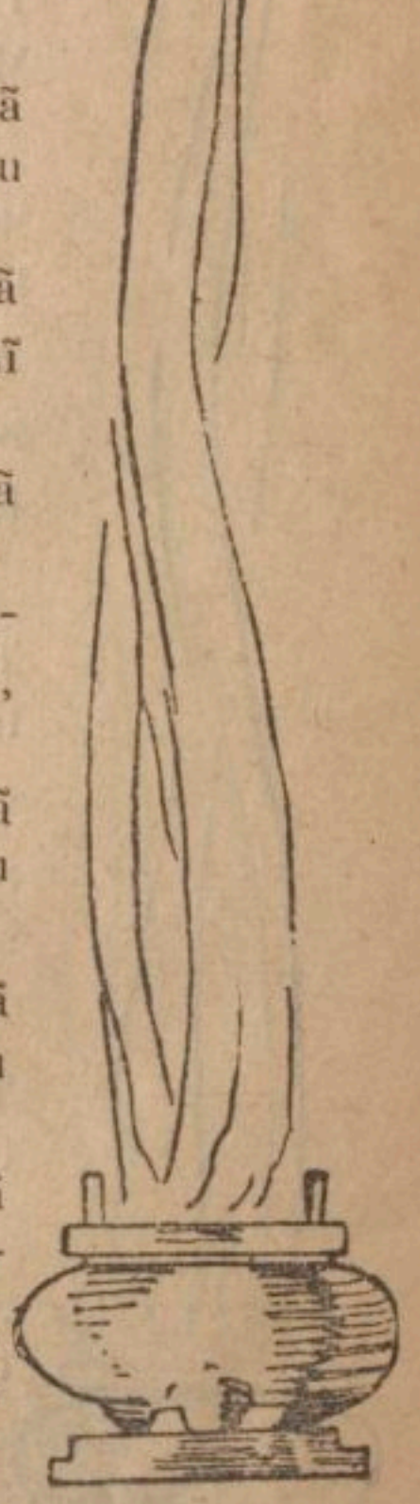

Bia thứ tám

Bùi-Quỹ (裴 櫃), người xã Hải-yến, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ đời Minh-mệnh, làm quan đến Tổng-đốc.

Đào - danh - Văn (陶 名 文), người xã Tiên-phương, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ đời Thiệu-trị, làm Đốc-học.

Cao-nguyên-Phán (高 元 判), người xã Phúc-hải, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Đông-các.

Vũ-công-Thắng (武 公 勝), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ.

Vũ-trác-Oánh (武 卓 瑩), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến chức Tham-chính.

Hoàng-bình-Chính (黃 平 正), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến Đông-các.

Bia dựng ngày 21 tháng giêng năm Mậu-tý niên-hiệu Đồng-Khánh thứ ba.

Cử-nhân khoa Mậu-thìn đời Tự-Đức, Đại-phu Binh-bộ Hữu-tham-tri kiêm Đô-sát-viện, hữu Phó-đô-ngự-sử, Tuần-phủ Hưng-yên, Đề-đốc Quân-vụ kiêm-lý Lương-sướng Tái-gia Thư-lý Tổng-đốc hàm, lĩnh Tuần-phủ, kiêm Đông-Bắc-Hưng tam-tỉnh Tiễu-phủ-sứ.

Thái-Xuyên hiệu TÙNG-LÂM
Cư-sĩ **Hoàng-cao-Khải** bái

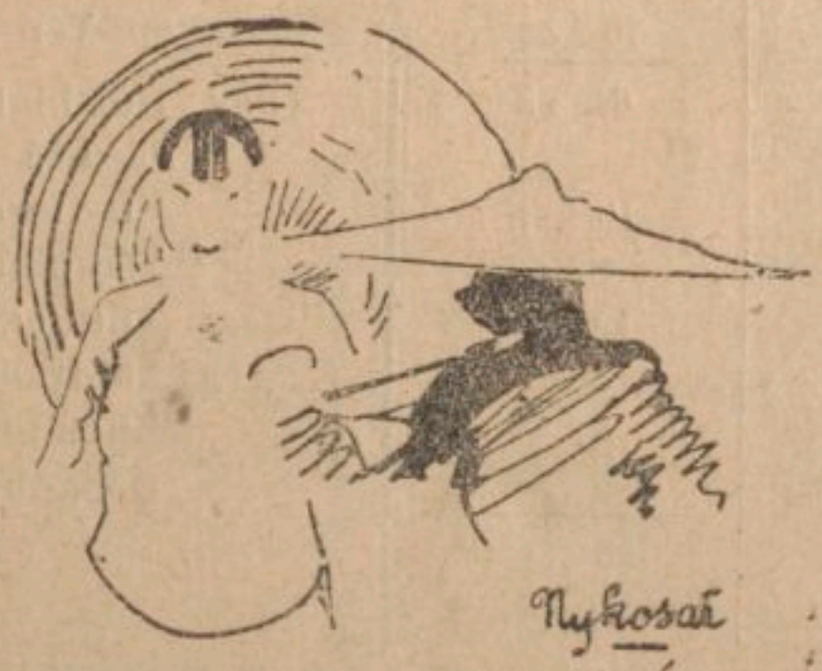

TỈNH HƯNG-YÊN

Mỗi phủ, huyện, tổng có bao nhiêu xã

Phủ hay huyện và tổng	Mỗi phủ, huyện, tổng có bao nhiêu xã
Phủ Khoái-châu	
Tổng Đại-quan	6 xã
— Mễ-sở	8 —
— Yên-cảnh	7 —
— Yên-lạc	7 —
— Yên-vĩnh	8 —
— Yên-lịch	7 —
— Phú-khê	8 —
— Đông-kết	8 —
— Bình-dân	5 —
— Ninh-tập	12 —
	76 xã
Huyện Kim-động	
Tổng An-tảo	10 xã
— Tiên-cầu	7 —
— Bằng-ngang	6 —
— An-xá	6 —
— Thanh-cù	6 —
— Đức-triêm	16 —
— Tạ-xá	10 —
— Lưu-xá	9 —
	70 xã
Huyện Tiên-lữ	
Tổng Cao-cương	9 xã
— Dụ-chế	13 —
— Hải-yến	4 —
— Canh-hoạch	8 —
— Thụy-lôi	7 —
— Tiên-châu	6 —
— Tiên-phương	7 —
— Phương-trà	10 —
	64 xã
Huyện Phù-cừ	
Tổng Hoàng tranh	10 xã
— Kim-phương	8 —
— Ba-đồng	12 —
— Viên-quang	8 —
— Cát-đương	8 —
— Võng-phan	7 —
	53 xã

Phủ hay huyện và tổng	Mỗi phủ, huyện, tổng có bao nhiêu xã
Phủ Ân-thi	
Tổng Ân-thi	10 xã
— Văn-nhuệ	9 —
— Hạ-cồ	7 —
— Thổ-hoàng	13 —
— Nhân-vũ	6 —
— Yên-canh	6 —
— Đặng-xá	8 —
— Phù-vệ	10 —
— Đỗ-xá	7 —
— Huệ-lai	10 —
	86 xã
Huyện Văn-lâm	
Tổng Nghĩa-trai	7 xã
— Thái-lạc	11 —
— Như-quỳnh	5 —
— Lạc-đạo	5 —
— Đại-từ	6 —
— Lương-tài	9 —
— Đồng-xá	5 —
	48 xã
Huyện Mỹ-hào	
Tổng Yên-nhân	6 xã
— Trương-xá	7 —
— Bạch-sam	11 —
— Phong-cốc	12 —
— Yên-xá	4 —
— Hòa-đam	10 —
	50 xã
Huyện Yên-mỹ	
Tổng Hòa-bình	8 xã
— Liêu-xá	6 —
— Tử-dương	8 —
— Yên-phú	4 —
— Thượng-cổ	6 —
— Sài-trang	11 —
— Khóa-nhu	7 —
— Đồng-than	6 —
	56 xã

Danh-sách các xã tỉnh Hưng-yên

(Kê theo thứ-tự A, B, C,... để tìm trên địa-đồ)

Tên các phủ, huyện, viết tắt :

Khoái-châu	= KC	Kim-động	= KĐ
Ân-thi	= AT	Yên-mỹ	= YM
Tiên-lữ	= TL	Mỹ-hào	= MH
Phù-cừ	= PC	Văn-lâm	= VL

Muốn tìm một xã trên địa-đồ, theo cách-thức sau này :

Thí-dụ : muốn tìm xã Bái-khê.

Bái-khê bắt đầu có chữ B thì thuộc vần **B**. — Tìm ở vần **B**, thấy xã Bái-khê, thuộc tổng Thụy-lôi, huyện Tiên-lữ, theo sau có chữ và số **C 8**.

Địa-đồ một góc chia làm 10 phần, đánh số từ 1 đến 10. — Một góc chia làm 12 phần, đánh dấu mỗi ô bằng chữ A, B, C, D, Đ, E, G, H, I, K, L, M.

Tìm ô **C** rồi tìm ô **8** trên bản đồ, hai ô gặp nhau ở chỗ nào, thấy xã Bái-khê ở chỗ ấy.

	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì.. số mấy...		TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì.. số mấy...
			A				
1	An-cầu	Võng-phan	PC B 9	12	An-nhuế	Cát-dương	PC C 8
2	An-tràng	Canh-hoạch	TL C 8	13	An-phương	Tiên-phương	TL B 6
3	An-châu	Phương-trà	TL A 56	14	An-tảo	An-tảo	KĐ C 5
4	An-chiểu	Tiên-châu	TL B 56	15	An-tào	Thụy-lôi	TL C 8
5	An-đạm	Đỗ-xá	AT G 6	16	Ân-thi	Ân-thi	AT E 67
6	An-dân	Bình-dân	KC H 3	17	An-trạch	Yên-canh	AT E 6
7	An-đô	Phù-vệ	AT H 6	18	An-trạch	Cao-cương	TL C 6
8	An-khải	Phù-vệ	AT H 6	19	An-vũ	An-tảo	KĐ B 5
9	An-lạc	Hải-yến	TL C 7	20	An-xá	An-xá	KĐ E 5
10	An-lạc	Thái-lạc	VL K 34	21	An-xá	Hải-yến	TL C 67
11	An-lệ	Cát-dương	PC D 9	22	An-xuyên	Như-quỳnh	VL LM 3
			B				
23	Bác-cả	Văn-nhuế	AT ĐE 7	29	Bàn-lễ	Ân-thi	AT Đ 6
24	Bạch-sam	Bạch-sam	MH I 67	30	Bảo-châu	Phương-trà	TL B 5
25	Ba-đông	Ba-đông	PC Đ 78	31	Bảo-khê	Tiên-cầu	KĐ C 5
26	Bái-khê	Thụy-lôi	TL C 8	32	Bảo-tàng	Thổ-hoàng	AT E 5
27	Bằng-ngang	Bằng-ngang	KĐ DĐ 5	33	Bích-tràng	Văn-nhuế	AT Đ 7
28	Bằng-nha	Mễ-sở	KC H 2	34	Bình-cầu	Lưu-xá	KĐ G 5

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy...
35 Bình-dân	Bình-dân	KC H 3	41 Bình-phú	Khóa-nhu	YM H 34
36 Bình-đôi	Ân-thi	AT Đ 6	42 Bình-quỹ	Bình-dân	KC H 3
37 Bình-hồ	Lưu-xá	KĐ E 5	43 Bình-trị	Thổ-hoàng	AT E 6
38 Bình-kiều	Yên-cảnh	KC G 3	44 Bối-khê	Huệ-lai	AT H 7
39 Bình-lăng	Văn-nhuệ	AT Đ 7	45 Bối-khê	Đông-kết	KC GE 2
40 Bình-nguyên	Văn-nhuệ	AT E 7	46 Bồng-châu	Đức-chiêm	KĐ D 4
			47 Bùi-xá	Phú-khê	KC Đ 4

C

48 Cầm-khê	Đông-kết	KC CE23	63 Chấn-đông	Hòa-bình	YM I 3
49 Cầm-quan	Hòa-đam	MH K 6	64 Chế-chi	Dụ-chế	TL C 7
50 Cầm-sơn	Hòa-đam	MH K 6	65 Chiêu-dương	Hải-yến	TL C 67
51 Cận-duyệt	Lương-tài	VL L 7	66 Chi-trung	Nghĩa-trai	VL L 3
52 Canh-hoạch	Canh-hoạch	TL C 78	67 Chu-xá	Huệ-lai	AT H 6
53 Cảnh-lâm	Thượng-cổ	YM H 5	68 Cổ-châu	Hòa-đam	MH K 6
54 Cao-cương	Cao cương	TL CD 6	69 Cốc-khê	Tạ-xá	KĐ Đ 5
55 Cao-quán	Yên-lạc	KC G 4	70 Cốc-ngang	Tạ-xá	KĐ Đ 45
56 Cao-trai	Hạ-cổ	AT H 56	71 Cốc-phong	Đại-quan	KC E 3
57 Cao-trai	Phù-vệ	AT H 6	72 Cổ-lễ	Yên-canh	AT E 6
58 Cao-xá	Ân-thi	AT DĐ 6	73 Cộng-vũ	Ân-thi	AT Đ 6
59 Cao-xá	An-tảo	KĐ C 5	74 Cự-dũ	Nghĩa-trai	VL K 3
60 Cao-xá	Ba-đông	PC Đ 8	75 Cù-tu	Hạ-cổ	AT G 5
61 Cát-dương	Cát-dương	PC D 89	76 Cự-phú	Kim-phương	PC C 10
62 Cát-lư	Đại-từ	VL LM 45			

D

77 Dịch-trì	Liêu-xá	YM I 145	84 Duyên-linh	Ninh-tập	KC E 2
78 Doanh-châu	Thanh-cù	KĐ CD 45	85 Duyên-linh	Hoàng-tranh	PC D 8
79 Du-mỹ	Hạ-cổ	AT G 5	86 Duyên-yên	Thanh-cù	KĐ D 45
80 Dương-hòa	Phong-cốc	MH I 7	87 Duyệt-lễ	Ba-đông	PC Đ 8
81 Dưỡng-phú	Bằng-ngang	KĐ Đ 56	88 Duyệt-văn	Ba-đông	PC Đ 8
82 Dương-trạch	Bình-dân	KC H 3	89 Dụ-chế	Dụ-chế	TL C 7
83 Dương-xá	Hòa-đam	MH K 67	90 Dụ-sử	Trương-xá	MH K 6

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy...
	Đ	
91 Đa-hòa	Mễ-sở	KC H 2
92 Đa-lộc	Văn-nhuệ	AT E 7
93 Đa-quang	Dụ-chế	TL CD 7
94 Đa-sĩ	Trương-xá	MH K 6
95 Đại-đồng	Đồng-xá	VL LM 56
96 Đại-duy	Hoàng-tranh	PC D 78
97 Đại-hạnh	Hòa-bình	YM I 3
98 Đái-khê	Thổ-hoàng	AT E 5
99 Đại-nại	Dụ-chế	TL D 6
100 Đại-quan	Đại-quan	KC E 3
101 Đại-từ	Đại-từ	VL L 5
102 Đặng-cầu	Cao-cương	TL C 6
103 Đằng-châu	An-tảo	KĐ C 45
104 Đặng đình	Thổ-hoàng	AT E 56
105 Đặng-xá	Đặng-xá	AT G 6
106 Đặng-xá	Thụy-lôi	TL BC 8
107 Đặng-xá-đường	Đặng-xá	AT G 6
108 Đặng-xuyên	Thổ-hoàng	AT E 56
109 Đan-chàng	Nhân-vũ	AT Đ 7
110 Đào-đặng	Cao-cương	TL C 6
111 Đào-khê	Sài-trang	YM H 45
112 Đào-viêu	Yên-lịch	KC G 4
113 Đào-xá	Đặng-xá	AT H 6
114 Đào-xá	Lưu-xá	KĐ E 5
115 Đào-xá	Tạ-xá	KĐ E 4
116 Đào-xá	Huê-lai	AT H 7
117 Đề-cầu	An-xá	KĐ E 4
118 Điềm-xá	Thụy-lôi	TL C 8
119 Đình cao	Cát-dương	PC D 89
120 Đình-dù	Thái-lạc	VL L 34
121 Đình-loan	Nghĩa-trai	VL L 3
122 Đình-xá	Thổ-hoàng	AT G 67
123 Đoàn-đào	Hoàng-tranh	PC D 8
124 Đoan-khê	Lạc-đạo	VL L 34
125 Đỗ-mỹ	Phù-vệ	AT H 7
126 Đồng-an	An-xá	KĐ E 4
127 Đồng-cáp	Hoàng-tranh	PC D 78
128 Đồng-chiều	Tiên-châu	TL B 56
129 Đồng-kết	Đồng-kết	KC G 2
130 Đồng-kim	Yên-vĩnh	KC I 2
131 Đồng-lạc	Canh-hoạch	TL C 8
132 Đồng-lỗ	Tiên-cầu	KĐ D 5
133 Đồng-lương	Tiên-cầu	KĐ D 56
134 Đồng-lý	Bằng-ngang	KĐ Đ 5
135 Đồng mai	Đại-từ	VL L 5
136 Đồng-mỹ	Thượng-cổ	YM H 5
137 Đồng-tảo-đông	Yên-vĩnh	KC I 2
138 Đồng-tảo-nam	Yên-vĩnh	KC I 2
139 Đồng-than	Đồng-than	YM I 34
140 Đồng-thanh	Bạch-sam	MH I 6
141 Đồng-thiện	Tiên-phương	TL B 6
142 Động-xá	Bằng-ngang	KĐ DĐ 56
143 Đồng-xa	Đồng-xa	VL L 6
144 Đông-xá	Tử-dương	YM H 14
145 Đồng-xuyên	Lương-tài	VL L 78
146 Đỗ-thượng	Đỗ-xá	AT G 67
147 Đỗ-xá	Đỗ-xá	AT G 6
148 Đỗ-xa	An-xá	KĐ G 4
149 Đỗ-xuyên	Đỗ-xá	AT G 6
150 Đức-nhuận	Yên-vĩnh	KC H 23
151 Đức-ninh	Đức-triêm	KĐ D 3
152 Đức-triêm	Đức triêm	KĐ D 34

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì .. số mấy...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì ... số mấy...
		G			
153 Gia-cầu	Thượng-cổ	YM H 5	156 Giai-phạm	Yên-phú	YM K 45
154 Gia-cốc	Đặng-xá	AT G 6	157 Giang-tân	Võng-phan	PC C 10
155 Giai-lệ	Canh-hoạch	TL CD 8			
		H			
158 Hạ-cát	Cát-dương	PC D 9	177 Hoàng-trạch	Mễ-sở	KC I 12
159 Hà-châu	Phương-trà	TL A 6	178 Hoàng-tranh	Hoàng-tranh	PC D 78
160 Hải-yến	Hải-yến	TL B 67	179 Hoàng-vân ngoại	Yên-lạc	KC G 45
161 Hạ-lễ	Nhân-vũ	AT Đ 7	180 Hoàng-vân nội	Yên-lạc	KC G 45
162 Hà-linh	Hoàng-tranh	PC D 8	181 Hoàng-xá	Thanh-cù	KĐ C 45
163 Hàm-tử	Yên-vĩnh	KC H 2	182 Hoàng-xá	Kim-phương	PC C 9
164 Hành-lạc	Như-quỳnh	VL L 34	183 Hoàng-xá	Canh-hoạch	TL C 78
165 Hạnh-lâm	Đức-triêm	KĐ D 3	184 Hoàng-xuyên	Văn-nhuệ	AT E 7
166 Hảo-xuyên	Yên-phú	YM I 45	185 Hòa-nhu	Khóa-nhu	YM H 3
167 Hậu-xá	Dy-chế	TL D 6	186 Hòe-lâm	Bạch-sam	MH I 7
168 Hiền-dương	Hòa-đạm	MH K 67	187 Huệ-lai	Huệ-lai	AT I 7
169 Hiệp-hòa	Ninh-tập	KC GE 2	188 Hùng-trì	Lạc-đạo	VL LM 4
170 Hòa-bình	Hòa-bình	YM K 3	189 Hướng-đạo	Lạc-đạo	VL L 4
171 Hòa-đạm	Hòa-đạm	MH K 7	190 Hương-lãng	Thái-lạc	VL L 5
172 Hoan-ái	Thượng-cổ	YM H 5	191 Hương-quất	Phú-khê	KC Đ 34
173 Hoàng-các	Kim-phương	PC D 9	192 Hỷ-tước	Tiên-châu	TL B 5
174 Hoàng-độc	Đức-triêm	KĐ D 45			
175 Hoàng-đôi	Đồng-than	YM I 4			
176 Hoàng-nha	Thái-lạc	VL L 45			
		K			
193 Kệ-châu	Thanh-cù	KĐ C 45	199 Kim-đằng	An-tảo	KĐ C 5
194 Kênh-khê	Đông-kết	KC E 23	200 Kim-lũ	Huệ-lai	AT I 7
195 Khê-than	Văn-nhuệ	AT Đ 7	201 Kim-phương	Kim-phương	PC C 9
196 Khóa-nhu	Khóa-nhu	YM H 34	202 Kim-tháp	Yên-lạc	KC G 4
197 Khuyến-thiện	Lương-tài	VL L 6	203 Kinh-bối	Đặng-xá	AT GH 6
198 Kiến-châu	Ninh-tập	KC G 21	204 Kinh-cầu	Đồng-than	YM IK 4

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy....	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy...
		L			
205 La-chàng	Yên-cảnh	AT E 6	222 Liêu-trung	Liêu-xá	YM I 5
206 La-mát	Huệ-lai	AT H 7	223 Liêu-xá	Liêu-xá	YM K 15
207 La tiến	Võng-phan	PC C 910	224 Linh-đạo	Phù-vệ	AT GH67
208 Lạc-cầu	Đồng-than	YM K 4	225 Linh-hạ	Cao-cương	TL C 6
209 Lạc-đạo	Lạc-đạo	VL L 4	226 Lôi-cầu	An-xá	KĐ E 4
210 Lạc-dục	Bạch-sam	MH I 6	227 Long-cầu	Hoàng-tranh	PC D 8
211 Lạc-thủy	Đông-kết	KC G 2	228 Long-châu	Yên-lịch	KC G 4
212 Lai-châu	Đức-triêm	KĐ D 4	229 Lộng-đình	Đại-từ	VL LM 5
213 Lai-hạ-thượng	Đức-triêm	KĐ D 4	230 Lỗ-xá	Yên-xá	MH K 56
214 Lai-hạ-trung	Đức-triêm	KĐ D 34	231 Lực-điền	Tử-dương	YM H 45
215 Lại trach	Hòa-bình	YM I 3	232 Lương-điền	An-tảo	KĐ B 56
216 Lãng cầu	Thượng-cổ	YM H 56	233 Lương-tài	Lương-tài	VL L 7
217 Lệ-chi	Thụy-lôi	TL BC 8	234 Lương-trụ	Canh-hoạch	TL C 7
218 Lê-xá	Ân-thi	AT DĐ 6	235 Lương-xá	Tiên-cầu	KĐ CD 5
219 Lê-xá	Hòa-đam	MH K 7	236 Lương-xá	Bạch-sam	MH IK 67
220 Liêu-hạ	Liêu-xá	YM I 5	237 Lưu-xá	Yên-cảnh	AT Đ 6
221 Liêu-thượng	Liêu-xá	YM KI 45	238 Lưu-xá	Lưu-xá	KĐ E 5
		M			
239 Mai-viên	Bằng-ngang	KĐ Đ 5	249 Mậu-dương	An-tảo	KĐ B 5
240 Mai-xá	Bằng-ngang	KĐ D 5	250 Mậu-duyệt	Lương-tài	VL L 78
241 Mai-xá	Thụy-lôi	TL BC 8	251 Mậu-lương	Lương-tài	VL L 6
242 Mai-xuyên	Thổ-hoàng	AT E 6	252 Mễ-châu	Đức-triêm	KĐ C 4
243 Mạn-hòa	Ninh-tập	KC E 2	253 Mễ-sở	Mễsở	KC I 12
244 Mạn-trù	Ninh-tập	KC G 2	254 Mễ-xá	Nhân-vũ	AT E 67
245 Mạn-trù châu	Ninh-tập	KC G 12	255 Minh-lý	Thổ-hoàng	AT G 67
246 Mạn-xuyên	Đông-kết	KC G 2	256 Muội-sảng	Dụ-chế	TL D 6
247 Mão-cầu	Yên-cảnh	AT E 6	257 Mỹ xá	Dụ-chế	TL D 7
248 Mão-chính	Phong-cốc	MH K 7	258 Mỹ-xá	Đồng-xa	VL L 6
			259 Mỹ-xá	Khóa-nhu	YM I 34

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gi..., số mấy...
		N
260 Nại-khê	Kim-phương	PC C 9
261 Nam-hòa	An-tảo	KĐ B 5
262 Nam-tri	Thổ-hoàng	AT E 5
263 Nễ-châu	Phương-trà	TL B 56
264 Nễ-độ	Phương-trà	TL A 5
265 Ngải-dương	Thái-lạc	VL L 4
266 Ngân-hạnh	Hòa-bình	YM I 3
267 Nghệ-phường	Đức-triêm	KĐ D 3
268 Nghĩa-chế	Dụ-chế	TL C 67
269 Nghĩa-giang	Lưu-xá	KD E 45
270 Nghĩa-lộ	Đại-từ	VL L 45
271 Nghĩa-trai	Nghĩa-trai	VL L 3
272 Nghĩa-trang	Sài-trang	YM H 45
273 Nghĩa-vũ	Ba-đông	PC D 8
274 Nghi-xuyên	Đại-quan	KC E 3
275 Ngọ-cầu	Như-quỳnh	VL ML 3
276 Ngọc-châu	Đặng-xá	AT G 6
277 Ngọc-đồng	Đức-triêm	KD D 4
278 Ngọc-lập	Trương-xá	MH K 6
279 Ngọc-nha	Yên-lịch	KC E 34
280 Ngọc-nhuế	Phù-vệ	AT H 67
281 Ngọc-tranh	Hoàng-tranh	PC D 7
282 Ngô-xá	Tạ-xá	KĐ E 4
283 Ngô-xá	Lưu xá	KĐ G 5
284 Ngô-xuyên	Như-quỳnh	VL L 3
285 Ngũ-lão	Viên-quang	PC Đ 9
286 Ngu-nhuế	Lạc-đạo	VL M 34
287 Nhạc-lộc	Nghĩa-trai	VL LK 3
288 Nhạc-miếu	Thái-lac	VL L 4
289 Nhân-đồng	Huệ-lai	AT H 7
290 Nhân-đục	An-tảo	KĐ B 5
291 Nhân-hào-thượng	Sài-trang	YM H 5
292 Nhân-hào-trung	Sài-trang	YM H 5
293 Nhân-la-dương	Ân-thi	AT Đ 6
294 Nhân-la-lương	Ân-thi	AT Đ 6
295 Nhân lý	Nhân-vũ	AT E 6
296 Nhân-lý	Ninh-tập	KC E 2
297 Nhạn-tháp	Mễ-sở	KC I 12
298 Nhân-vinh	Trương-xá	MH K 6
299 Nhân-vũ	Nhân-vũ	AT E 67
300 Nhật-lệ	Cát-dương	PC D 9
301 Nhật-tảo	Nhân-vũ	AT Đ 67
302 Nhật-tảo	Hòa-đam	MH L 7
303 Nhi-mễ	Khóa-nhu	YM H 13
304 Nho-lâm	Đức-triêm	KĐ D 3
305 Nho-lâm	Bạch-sam	MH I 7
306 Nhuận-trạch	Lương-tài	VL LK 6
307 Nhuế-dương	Phú-khê	KC Đ 3
308 Nhuế-giang	Phù-vệ	AT H 6
309 Như-quỳnh	Như-quỳnh	VL L 3
310 Ninh-tập	Ninh-tập	KC E 2
311 Ninh-vũ	Yên-cảnh	KC G 3
312 Nội-linh	Cao-cương	TL C 6
313 Nội-roanh	Ninh-tập	KC E 2
314 Nội-viện	Tiên-phương	TL C 6

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy...
		O			
315 Ốc-nhiêu	Hòa-bình	YM I 3	317 Ôn-xá	Thái-lạc	VL LK 34
316 Ông-đình	Yên-cảnh	KC H 3			
		P			
318 Phạm-xá	Kim phương	PC C 9	341 Phù-mãn	Ba-đồng	PC Đ 78
319 Phần-dương	Phù-vệ	AT H 6	342 Phú-mỹ	Đông-kết	KC E 2
320 Phần-hà	Phù-vệ	AT H 6	343 Phú-mỹ	Viên-quang	PC Đ 9
321 Phần-lâm	Phù-vệ	AT H 6	344 Phương-bồ	Ba đồng	PC Đ 8
322 Phán-thủy	Tạ-xá	KĐ Đ 45	345 Phương-chiều	Tiên-châu	TL B 6
323 Phan-xá	Viên-quang	PC D 9	346 Phương-độ	Phương-trà	TL A 5
324 Phi-xá	Canh-hoạch	TL C 78	347 Phượng-lâu	Thanh-cù	KĐ D 45
325 Phong-cốc	Phong-cốc	MH K 7	348 Phương-trà	Phương-trà	TL A 6
326 Phó-nham	Phú-khê	KC Đ 34	349 Phương-trù	Ninh-tập	KC G 2
327 Phú-an	Ba-đồng	PC Đ 8	350 Phượng-tùng	Đức-triêm	KĐ D 4
328 Phù-anh	Kim-phương	PC C 9	351 Phượng-tường	Cao-cương	TL C 6
329 Phúc-bố	Phong-cốc	MH I 7	352 Phù-phượng	Phương-trà	TL A 56
330 Phúc-lai	Phong cốc	MH K 7	353 Phù-ủng	Huệ-lai	AT H 17
331 Phúc-lễ	Đức-triêm	KĐ D 34	354 Phú-thị	Mễ-sở	KC I 2
332 Phúc-miếu	Phong-cốc	MH K 7	355 Phú-trạch	Mễ-sở	KC I 12
333 Phú-cốc	Đặng-xá	AT G 6	356 Phù-xa	Đại quan	KC E 2
334 Phú-cốc	Tạ-xá	KĐ E 5	357 Phù-xa	Phương-trà	TL A 6
335 Phúc-tá	Đỗ-xá	AT G 6			
336 Phúc-thọ	Phong-cốc	MH K 7			
337 Phú-đa	Yên-nhân	MH K 5			
338 Phú-hòa	Yên-cảnh	KC G 23			
339 Phú-khê	Phú-khê	KC Đ 3			
340 Phù-liễu	Canh-hoạch	TL C 78			
		Q			
358 Quan-cù	Yên-xá	MH K 56	362 Quân-ngọc	Sài-trang	YM H 5
359 Quang-lê	Cát-đương	PC D 9	363 Quan-xuyên	Phú-khê	KC Đ 3
360 Quang-uyên	Tử-đương	YM H 4			
361 Quang-xá	Viên-quang	PC Đ 89	364 Quế-lâm	Hoàng-tranh	PC D 7

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy...
S		
365 Sài-phi	Phong-cốc	MH K 7
366 Sài-quất	Phú-khê	KC Đ 3
367 Sài-thị	Đại-quan	KC Đ 3
368 Sài-trang	Sài-trang	YM H 45
T		
372 Tam-đa	Kim-phương	PC C 910
373 Tam-nông	Dy-chế	TL D 6
374 Tam-trạch	Sài-trang	YM H 56
375 Tần-nhẫn	Ba-đông	PC E 8
376 Tần-tranh	Ba-đông	PC E 8
377 Tất-viên	Tiên-phương	TL BC 6
378 Tạ-xá	Tạ-xá	KĐ Đ 5
379 Tây-trù	Ninh-tập	KC G 2
380 Thái-lạc	Thái-lạc	VL LK 4
381 Thái-nội	Tử-dương	YM H 4
382 Thanh-cù	Thanh-cù	KĐ D 45
383 Thanh-đặng	Thái-lạc	VL L 45
384 Thanh-khê	Thái-lạc	VL L 5
385 Thanh-nga	Đồng-than	YM I 4
386 Thanh-sầm	Đức-triêm	KĐ Đ 4
387 Thanh-xá	Yên-nhân	MH K 5
388 Thanh-xá	Khóa-nhu	YM H 14
389 Thiên-đông	Dy-chế	TL D 6
390 Thiện-phiến	Tiên-phương	TL B 67
391 Thiên-xuân	Dy-chế	TL D 6
392 Thiết-trụ	Mễ-sở	KC I 2
393 Thịnh-vạn	Phong-cốc	MH IK 7
394 Thị-tân	Đỗ-xá	AT H 6
395 Thị-trung	Thái-lạc	VL L 34
396 Thị-viên	Võng-phan	PC C 10
397 Thọ-bình	Bình-dân	KC H 34
398 Thổ-cầu	Lưu-xá	KD E 5
399 Thổ-cốc	Yên-phú	YM I 5
400 Thổ-hoàng	Thổ-hoàng	AT E 6
401 Thổ-hoàng-phú	Thổ-hoàng	AT E 6
402 Thổ-hoàng-quanh	Thổ-hoàng	AT G 56
403 Thổ-hoàng-trung	Thổ-hoàng	AT G 56
404 Thổ-khối	Yên-lạc	KC G 4
405 Thọ-lão	Viên-quang	PC Đ 9
406 Thọ-nham	Phú-khê	KC Đ 3
407 Thuần-lễ	Đại-quan	KC E 3
408 Thuần-mỹ	Hòa-đạm	MH K 7
409 Thuần-xuyên	Bạch-sam	MH H 6
410 Thúc-cầu	Đồng-xá	VL ML 6
411 Thung-linh	Khóa-nhu	YM H 3
412 Thung-quan	Yên-cảnh	KC G 3
413 Thư-thị	Liêu-xá	YM I 5
414 Thủy-cơ	Yên-vĩnh	KC H 2

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì... số mấy...
415 Thụy-lôi	Thụy-lôi	TL B 8
416 Thụy-trang	Sài-trang	YM H 45
417 Thúy-trúc	Hạ-cồ	AT G 5
418 Tiên-cầu	Huệ-lai	AT H 7
419 Tiên-cầu	Tiên-cầu	KĐ D 5
420 Tiên-châu	Tiên-châu	TL B 6
421 Tiên-khê	Tiên-cầu	KĐ C 5
422 Tiên-phương	Tiên-phương	TL B 6
423 Tiên-quán	Tạ-xá	KĐ Đ 45
424 Tiên-xá	Yên-xá	MH K 6
425 Tiên-xá	Dụ-chế	TL D 7
426 Tiểu-quan	Yên-lịch	KC G 34
427 Tinh-linh	Cao-cương	TL C 56
428 Tổ-hỏa	Tử-dương	YM H 5
429 Tòng-củ	Hạ-cồ	AT H 56
430 Tống-xá	Viên-quang	PC DĐ89
431 Trà-bồ	Ba-đông	PC Đ 8
432 Trà-dương	Võng-phan	PC C 9
433 Trai-trang	Sài-trang	YM I 5
434 Trai-túc	Nghĩa-trai	VL L 3
435 Trà-lâm	Tiên-cầu	KĐ D 5
436 Trâm-nhị	Hạ-cồ	AT G 5
437 Tráng-vũ	Đồng-than	YM IK34
438 Trần-xá	Ba-đông	PC Đ 8
439 Trao-thôn	Văn-nhuệ	AT E 7
440 Trà-phương	Ân-thi	AT Đ 6
441 Trịnh-xá	Dụ-chế	TL D 7
442 Trinh-xá	Đại-từ	VL ML45
443 Trúc-cầu	An-xá	KĐ E 5
444 Trúc-giản	Hoàng-tranh	PC D 7
445 Trung-châu	Đông-kết	KC G 2
446 Trung-đạo	Sài-trang	YM H 5
447 Trung-lập	Trương-xá	MH K 6
448 Trương-xá	Lưu-xá	KĐ E 5
449 Trương-xá	Trương-xá	MH K 5
450 Tuấn-dị	Nghĩa-trai	VL K 34
451 Tuấn-lương	Lương-tài	VL L 67
452 Tử-đông	Tử-dương	YM H 5
453 Tử-dương	Tử-dương	YM H 45
454 Từ-hồ	Hòa-bình	YM I 3
455 Tử-lý	Ninh-tập	KC E 2
456 Tử-mỹ	Trương-xá	MH IK 6
457 Tượng-cước	Lưu-xá	KĐ G 5

U

458 Ứng-lôi	Phương-trà	TL B 67

V

459 Vân-cầu	Yên-lạc	KC G 4
460 Vân-dương	Phong-cốc	MH K 7
461 Vân-lai	Phong-cốc	MH K 7
462 Vân-mạc	Hạ-cồ	AT H 5
463 Văn-nhuệ	Văn-nhuệ	AT G 7
464 Văn-nhuế	Yên-nhân	MH K 5
465 Vân-phường	Đức-triêm	KĐ D 3
466 Vân-phương	Tiên-phương	TL B 6
467 Vân-tri	Yên-lịch	KC G 4

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và Ô chữ gì..., số mấy...
468 Văn-xá	Cát-dương	PC C 8
469 Vệ-dương	Đỗ-xá	AT G 7
470 Viên-quang	Viên-quang	PC Đ 89
471 Viên-tiêu	Tiên-châu	TL B 6
472 Vĩnh-đồng	Tạ-xá	KĐ Đ 4
473 Vinh-hậu	Tạ-xá	KĐ Đ 4
X		
480 Xích-đằng	An-tảo	KĐ BC 5
481 Xuân-bản	Bạch-sam	MH I 67
482 Xuân-đào	Bạch-sam	MH I 6
483 Xuân-đào	Lương-tài	VL L 7
484 Xuân-diêm	Cao-cương	TL D 6
Y		
490 Yên-canh	Yên-canh	AT E 6
491 Yên-cảnh	Yên-cảnh	KC G 4
492 Yến-đô	Thượng-cổ	YM H 5
493 Yên-lạc	Yên-lạc	KC G 4
494 Yên-lão	Yên-nhân	MH K 45
495 Yên-lịch	Yên-lịch	KC G 4
496 Yên-nhân	Yên nhân	MH K 45
474 Vinh-lộc	Hòa-bình	YM K 3
475 Vô-ngại	Bạch-sam	MH I 67
476 Võng-phan	Võng-phan	PC B 9
477 Vũ-dương	Ân-thi	AT Đ 6
478 Vũ-xá	Hòa-đam	MH K 7
479 Vũ-xá	Viên-quang	PC Đ 89
X		
485 Xuân-đỉnh	Yên-vinh	KC H 2
486 Xuân-lai	Tử-dương	YM H 4
487 Xuân-nguyên	Đặng-xá	AT G 56
488 Xuân-nhân	Bạch sam	MH I 6
489 Xuân-tảo	Sài trang	YM I 56
Y		
497 Yên-phú	Yên-phú	YM K 4
498 Yên-tập	Yên-nhân	MH K 5
499 Yên-thành	Phong-cốc	MH K 7
500 Yên-vĩ	Yên-cảnh	KC G 3
501 Yên-viên	Yên-lịch	KC GE 4
502 Yên-vĩnh	Yên-vĩnh	KC H 2
503 Yên-xá	Yên-xá	MH LK 56

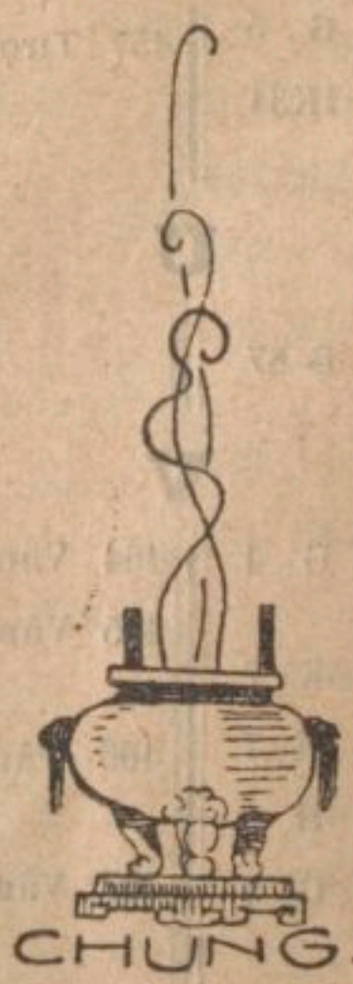

CHUNG.

MỤC LỤC

Trang

Tựa 1

Thơ mừng 2

Dư-luận các báo đối với Hưng-yên địa-chí 3

I. — **Hưng-yên hình-thể**: *Địa-danh duyên-cách* 9

Vị-trí và diện-tích. — *Khí-hậu* 10

Địa-thế và sông-ngòi. 11

II. — **Bình Pháp hạ Hưng-thành và bình giặc Bãi-sậy** (có trích-dịch câu đối, văn bia, khắc ở bi-đình để kỷ-niệm bình giặc Bãi-sậy (1892). 13

III. — **Hưng-yên kinh-tế**: *Canh-nông*. 28

Việc chăn nuôi. — *Đồn-điền*. 31

Kỹ-nghệ 32

Mỏ. - *Thương-mại*: I. — Thông-thương với ngoài 33

II.—Thương-mại ở trong tỉnh (Chợ họp ở các phủ, huyện, xã). 34

Chợ họp theo dọc đường 37

Đường giao-thông: I. — Đường bộ 42

Từ tỉnh-lỵ Hưng-yên đến các tỉnh xứ Bắc-kỳ xa cách bao nhiêu cây số. 43

Đường Hưng-yên đi Đình-dù. - Đường hỏa-xa. II.— Đường thủy. — Đường Hà-nội đi Nam định qua Hưng-yên 44

Bến đò 45

Cầu ô-tô có thể qua lại được. — *Bưu-điện* ; Bưu-trạm . . 46

Công-tác: I.— Đường xá. II.— Đê-điều. III. — Đào và khơi sông. 47

Ruộng, đất chia từng hạng chịu thuế 49

Mỗi phủ, huyện có bao nhiêu tổng, xã, chợ, bến đò ; cách tỉnh-lỵ bao nhiêu cây số, đê 50

Bảng kê sức-mục năm 1933-1934 51

VI. — **Hưng-yên chính-trị**: *Dân-cư* 52

Chính-trị: I. - Quan-trường 53

II. - Nha-lại. III. - Linh-lệ và lính-cơ. — Trại lính khố-xanh 54

Ngân-khố. — Công-chính và Trị-thủy. — Thương-chính. — Bưu-điện. — Y-tế. - Địa-chính. - Nông-phố ngân-hàng. — Hội-đồng hàng tỉnh 55

Danh-sách các vị Thủ-hiến Pháp (1886-1935). 56

Danh-sách các vị Thủ-hiến Nam (1883-1936). 57

Tên các phủ, huyện thường thay đổi và sở-tại các hạt đã nhiều lần thiên-di 59

Bảng kê dân-số 60

Trang

V. — **Hưng-yên xã-hội** : *Học chính*. 64
Các bậc văn-nhân. 65
Y-tế 66
Tôn-giáo (có ảnh nhà thờ) 67
Lập hội. 68
Di dân 69
Phu mộ đi ra ngoài Đông-pháp và xuống phía Nam Đông-pháp (1928-1935) 70

VI. — **Hưng-yên cổ-tích** : Đền thờ đức Chử-đồng-Tử (có thơ phú) 71
Đền thờ đức Tống-Trân (có trích-dịch nhiều đối-văn) 77
Đền Đạo-An 82
Đền thờ đức Ngô-Vương. — Đền thờ đức Phạm-bạch-Hổ (có trích-dịch nhiều thơ và đối-văn) 84
Đền thờ đức Đinh-Điền (có trích-dịch nhiều đối-văn, thơ phú) 87
Đền thờ đức Đoàn-Thượng (có trích-dịch nhiều câu đối). . . 92
Đền thờ đức Phạm-ngũ-Lão (có trích-dịch văn thơ) 96
Sự-tích đức Thánh Bà. 100
Sự-tích đức Cung-phi (có trích câu đối quốc-văn) 101
Đền xã Đào-Đặng. — Đền thờ bà Dương Thái-hậu (có trích-dịch nhiều câu-đối và ảnh đền ở trang 71) 102
Đền thờ bà Nhị-Khanh. 103
Bà Đoàn-thị-Điểm. 106
Ông Bùi-công-Phụ. — Đền thờ đức Lê-như-Hổ (có trích-dịch nhiều đối-liên). 107
Ông Bùi-đăng-Châu 111
Ông Bùi-đăng-Huân. — Cổ-tích ở xã Như-quỳnh (huyện Văn-lâm.) — Sự-tích chùa Ba-làng 112
Xã Bạch-sam. — Hồ Bán-nguyệt (có ảnh hồ, có địa-đồ thành-phố và các xã lân cận) 113
Các đền, chùa có danh tiếng 114
Phố-hiến (có ảnh và có trích-dịch câu-đối) 115
Hưng-thành (có ảnh) 117
Thành Đồng-lý. — Chùa Chuông (có trích-dịch đối-văn và ảnh chùa ở trang 64) 118

VII. — **Hưng-yên Văn-miếu** (có ảnh và có trích dịch nhiều câu-đối) 120
Bia khắc tên các vị Đại-khoa (có tám phiến) 122
Mỗi phủ, huyện, tổng, tỉnh Hưng-yên có bao nhiêu xã . . . 130
Danh sách các xã tỉnh Hưng-yên, (kê theo thứ tự A, B, C, để tìm trên địa-đồ, kèm theo địa-đồ toàn tỉnh) . . . 131-140

DIA-DO
TINH
HUNG YEN

Xích-Độ: 1:100000

A

Août 1933

8 9 10

Extrait du Journal officiel de l'Indochine n° 95
du 20 novembre 1935

. . . . . .

Les ouvrages d'auteurs annamites qui méritent une mention particulière sont les romans. . . . . , la *Monographie de la province de Hungyên* (Hung yên dia-chi) par **Trinh-nhu-Tâu**.

Hanoi, le 30 septembre 1935
Le Directeur p.i. *des Archives et des Bibliothèques*
Signé : Remi Bourgeois

Dịch :

Trích Quan-báo Đông-Pháp số 95
ngày 20 novembre 1935

. . . . . .

Những tác-phẩm, do người Việt-Nam soạn mà đáng nên chú-ý nhất là những tiểu-thuyết. . . . . , quyển *Hưng-yên địa-chí* của ông **Trịnh-như-Tấu**.

Hanoi, ngày 30 septembre 1935
Quan quyền *Giám-đốc lưu-trữ Công-văn và Thư-viện*.
Ký : Remi Bourgeois

保大十二年

興安地誌

日岩鄭如轔撰